

CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP
ĐOÀN VNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VNG
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=,
MST:0303490096, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VNG, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.20 20:57:32+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

VNG+1:
HÀNH TRÌNH MỚI

VNG

NHÌN LẠI VNG 2025

Trong năm 2025, VNG đã chuyển mình từ giai đoạn đầu tư sang giai đoạn tạo ra lợi nhuận với kết quả kinh doanh tích cực nhất kể từ sau dịch Covid đến nay.

Doanh thu hợp nhất tăng 17%, đạt 10.894 tỷ đồng, với sự đóng góp đồng đều từ tất cả các mảng kinh doanh cốt lõi. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh đạt 856 tỷ đồng, gần gấp ba lần năm trước. Lỗ thuần thu hẹp 72%, còn 326 tỷ đồng. Đáng chú ý, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng hơn gấp đôi lên 1.836 tỷ đồng, đẩy vị thế tiền mặt tăng từ 1.623 tỷ đồng lên 3.337 tỷ đồng – đây là dấu hiệu cho thấy doanh nghiệp hiện đã có thể tự cấp vốn cho các kế hoạch tăng trưởng của chính mình.

Kết quả này mang tính hệ thống và lan tỏa sâu rộng trong toàn hệ sinh thái. Mảng Trò chơi trực tuyến (chiếm 65% doanh thu) tăng trưởng 8% khi chúng tôi quyết liệt chuyển dịch từ mở rộng quy mô sang tập trung vào chất lượng và hiệu quả vận hành. Zalo & AI tăng trưởng 38%, đánh dấu cột mốc chiến lược khi doanh thu từ các mảng ngoài quảng cáo lần đầu tiên vượt qua doanh thu quảng cáo. Zalopay tăng trưởng 47%, dẫn đầu bởi các dịch vụ tài chính có biên lợi nhuận cao. GreenNode ghi nhận mức tăng trưởng 57%, vận hành với tỷ lệ duy trì doanh thu thuần (NRR) đạt 123% và tỷ lệ LTV/CAC ấn tượng ở mức 3,1 lần.

Năm 2025 cũng là năm chúng tôi chính thức tái cấu trúc thành Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG và kiện toàn Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2025–2030. Mô hình tập đoàn giúp các đơn vị thành viên chủ động hơn trong điều hành, tối ưu phân bổ nguồn lực và tập trung đầu tư vào các trụ cột tăng trưởng dài hạn, đặc biệt là Cloud và AI. Chúng tôi đã và đóng góp 1.392 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước (tăng 25% so với năm 2024), xếp thứ 29 trong danh sách các doanh nghiệp tư nhân nộp thuế lớn nhất Việt Nam.

Tầm nhìn 2030

Chúng tôi đặt mục tiêu trở thành một tập đoàn công nghệ toàn cầu có nguồn gốc từ Việt Nam, với trí tuệ nhân tạo là trung tâm của mọi hoạt động – và các mảng kinh doanh mới được xây dựng cho thị trường quốc tế ngay từ ngày đầu tiên.



KẾT QUẢ ĐÁNG CHÚ Ý

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

	2024	2025	TĂNG TRƯỞNG (%)
Doanh thu	9.273	10.894	+17%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD sau điều chỉnh	303	856	+183%
Lợi nhuận (Lỗ) hoạt động, GAAP	(286)	57	+343
Lỗ thuần sau thuế	(1.180)	(326)	+72%
Dòng tiền thuần từ HĐKD	843	1.836	+118%
Tiền mặt	1.623	3.337	+106%
Đóng góp ngân sách nhà nước	1.114	1.392	+25%

(Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh là chỉ số tài chính không theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) được tính bằng cách loại bỏ ảnh hưởng của thay đổi trong doanh thu hoãn lại và chi phí liên quan, và các đầu mục ngoài hoạt động kinh doanh khỏi chỉ số lỗ từ hoạt động kinh doanh được báo cáo.

DOANH THU THEO MẢNG KINH DOANH

MẢNG	2024	2025	GROWTH	% OF TOTAL
Trò chơi trực tuyến	6.504	7.054	+8%	65%
Zalo & AI	1.248	1.718	+38%	16%
Zalopay	754	1.111	+47%	10%
GreenNode	495	774	+57%	7%
Đầu tư dài hạn khác	272	238	–13%	2%
Hợp nhất	9.273	10.894	+17%	100%

Mục lục

CHƯƠNG
01

Thông điệp Nhà sáng lập

Câu chuyện của chúng tôi

- Về VNG
- Thông tin chung & Thành tích nổi bật
- Ban lãnh đạo & Cơ cấu doanh nghiệp
- Cơ cấu cổ đông
- Công ty con & công ty liên kết

CHƯƠNG
02

Chiến lược kinh doanh & Các mảng hoạt động

- Tổng quan nền kinh tế
- Dấu ấn AI
- Các mảng kinh doanh
(Trò chơi trực tuyến, Zalo & AI, Zalopay, GreenNode)

CHƯƠNG
03

Báo cáo quản trị

- Mô hình kinh doanh
- Thảo luận và phân tích của Ban Tổng giám đốc
- Các chỉ số hoạt động chính
- Chiến lược quản trị rủi ro
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn
- Cam kết 2026 của Tập đoàn

CHƯƠNG
04

Báo cáo tác động

- Con người là nền tảng
- Công nghệ là lời giải

Phụ lục

- Cơ cấu doanh nghiệp
- Cơ cấu cổ đông
- Danh sách công ty con, công ty liên kết
- Chiến lược quản trị rủi ro

CHƯƠNG
05

Báo cáo tài chính kiểm toán 2025

Thông điệp Nhà sáng lập



Vương Quang Khải

Đồng sáng lập & Phó Chủ tịch, VNG

Lê Hồng Minh

Nhà sáng lập & Chủ tịch, VNG

Kính gửi Quý cổ đông và Quý đối tác,

Sau hai mươi năm xây dựng VNG, câu hỏi khiến chúng tôi trăn trở mỗi đêm không còn là những gì chúng tôi đã đạt được, mà là những gì chúng tôi sẽ xây dựng trong tương lai.

VNG ngày hôm nay đứng vững trên bốn trụ cột kinh doanh: Trò chơi trực tuyến, Zalo, Zalopay và GreenNode. Bốn trụ cột này đều đi lên từ con số 0. Không có thành công nào đến sau một đêm. Mỗi thành tựu đều được xây đắp qua những lần thử nghiệm thất bại, những khoản đầu tư kéo dài nhiều năm hơn dự kiến, và cả những quyết định mà nếu được chọn lại hôm nay, chúng tôi sẽ chọn làm khác đi. Chúng tôi đã thực sự “sống” trong từng mảng kinh doanh đó, và thấu hiểu sâu sắc những gì đội ngũ, đối tác và chính các bạn đã phải đánh đổi để đưa VNG đi xa đến nhường này, dù đôi khi kết quả vẫn còn là ẩn số.

Nhưng nếu mười năm tới, VNG vẫn chỉ được định nghĩa bởi bốn lĩnh vực này, thì đó là một sự thất bại vì chúng tôi đã không dám mơ lớn. Nhiệm vụ thực sự phía trước không phải là bảo vệ những gì đã có, mà là kiến tạo những gì chưa từng tồn tại; và ngay từ ngày đầu tiên đã phải có tầm nhìn toàn cầu, thay vì thiết kế chỉ phục vụ thị trường Việt Nam rồi mới tính chuyện xuất khẩu.

Đây chính là ý nghĩa của “VNG+1”. Với chúng tôi, “+1” không chỉ là thêm một năm tuổi. Đó là lời hứa mà chúng tôi tự đặt ra cho chính mình và cho các bạn: mỗi năm từ nay về sau, chúng tôi sẽ bắt đầu một điều gì đó mới mẻ và khác biệt của riêng VNG.

Năm 2025 cho thấy bốn trụ cột hiện tại cuối cùng đã có thể tự đứng vững. Doanh thu Tập đoàn tăng 17%, đạt 10.894 tỷ đồng, với sự đóng góp từ tất cả các mảng sản phẩm. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh tăng gấp gần ba lần lên 856 tỷ đồng. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tăng hơn gấp đôi. Các mảng kinh doanh hiện tại đã tạo ra dòng tiền để nuôi dưỡng những mảng kinh doanh tiếp theo. Với chúng tôi, đây không chỉ là điểm nhấn về tài chính, mà là điều kiện tiên quyết cho hành trình “VNG+1”. Chúng tôi luôn đầu tư vào tương lai bằng chính sức mạnh của hiện tại. Và đối với một công ty công nghệ, tương lai ấy chính là Trí tuệ nhân tạo (AI).

AI là phép thử quyết định của thế hệ chúng ta. Câu hỏi không phải là liệu chúng ta có áp dụng nó hay không, mà là liệu chúng ta có đủ can đảm để AI định hình lại chính mình hay không. Chúng tôi bắt đầu đầu tư vào AI từ năm 2017, xây dựng các nhóm nghiên cứu, huấn luyện các mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt riêng biệt và tích hợp AI vào mọi sản phẩm. Nhưng ngay cả với sự chuẩn bị đó, tốc độ phát triển của AI sáu tháng vừa qua vẫn khiến chúng tôi kinh ngạc.

Một ví dụ nhỏ nhưng rất điển hình: Trong kỳ nghỉ Tết 2026, một lãnh đạo công ty đã dành trọn thời gian nghỉ để âm thầm thử nghiệm các

công cụ lập trình hỗ trợ bởi AI. Đến mừng 2 Tết, anh ấy yêu cầu đội ngũ của mình dỡ bỏ toàn bộ quy trình phát triển cũ. Một dự án thử nghiệm vốn cần 3 kỹ sư làm việc trong 6 tuần đã được hoàn thành chỉ trong chưa đầy 20 giờ. Sáu tuần, thu hẹp lại trong một ngày. Điều duy nhất thay đổi chính là sự sẵn sàng làm việc theo cách khác đi. Khoảng cách giữa “biết” và “hiểu” chỉ có thể được lấp đầy bằng việc trực tiếp làm và trải nghiệm. Một thử nghiệm duy nhất trong kỳ nghỉ lễ đã dạy cho chúng tôi nhiều điều hơn là cả năm trời xem các trang slide nội bộ. Đây chính là những gì AI đang làm với mọi lợi thế mà một công ty công nghệ từng xây dựng. Những doanh nghiệp nhận ra điều này sớm và tái tổ chức xung quanh nó sẽ tích lũy được lợi thế kép. Những ai chọn cách chờ đợi sẽ không bao giờ bắt kịp – chắc chắn là như vậy.

Trong hai mươi năm qua, VNG đã trải qua hai bước chuyển công nghệ lớn: từ PC sang Web, và từ Web sang Mobile. Mỗi lần chuyển mình đều buộc chúng tôi phải quên đi những công thức từng làm nên thành công, để học lại từ con số 0. Chúng tôi đã làm điều đó hai lần. Cả hai lần đều đau đớn. AI là bước chuyển thứ ba. Nhưng nó sẽ diễn ra rất nhanh, và chúng ta không có lựa chọn.

Tham vọng 2030 của chúng tôi đã rõ ràng: trở thành một công ty công nghệ toàn cầu từ Việt Nam, với AI nằm ở trung tâm của mọi hoạt động. Chúng tôi sẽ công khai chịu trách nhiệm về lời hứa này. Mỗi năm, trong báo cáo thường niên, VNG sẽ công bố một cách minh bạch các chỉ số cụ thể về tiến độ thực thi, và năm tiếp theo sẽ tự chấm điểm dựa trên những chỉ số đó.

Hai mươi năm đầu tiên của VNG là câu chuyện về sự sinh tồn. Chương tiếp theo là câu chuyện về sự tái tạo. Và chúng tôi đã học được rằng, việc tái tạo một tổ chức đã trưởng thành còn khó khăn hơn nhiều so với việc sinh tồn của một startup trẻ tuổi. Chúng tôi không hứa hẹn rằng con đường phía trước sẽ dễ dàng. Chắc chắn là không. Nhưng nhìn lại lịch sử, những bước nhảy vọt quan trọng nhất – từ việc khởi đầu VNG với 5 người, đặt cược tất cả vào Võ Lâm Truyền Kỳ, xây dựng Zalo, hay dồn toàn lực vốn liếng vào Zalopay – đều đến từ những thời điểm khó khăn nhất, chứ không phải từ những lúc an nhàn. Chúng tôi bước vào chương mới này với một sự tự tin được xây dựng dựa trên những gì chúng tôi đã chứng minh mình có thể làm được.

Cảm ơn Quý cổ đông và Quý đối tác đã đồng hành cùng chúng tôi trên hành trình này. Phần ý nghĩa nhất của việc xây dựng VNG chưa bao giờ nằm ở những con số. Đó là những Con người – ngay cả khi chưa có lí do thực sự thuyết phục – đã lựa chọn đặt niềm tin vào VNG.

Our Story

06 Về VNG

07 Thông tin chung & Thành tích nổi bật

08 Cơ cấu ban lãnh đạo & Cơ cấu doanh nghiệp

09 Cơ cấu cổ đông

10 Các công ty con, công ty liên kết

Được thành lập vào năm 2004 với tên gọi VinaGame – công ty game trực tuyến đầu tiên của Việt Nam, VNG đã phát triển thành tập đoàn công nghệ hàng đầu. Chúng tôi vận hành bốn mảng kinh doanh cốt lõi với đội ngũ 4.181 nhân sự tại 9 thành phố, đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh.

Sứ mệnh

Kiến tạo Công nghệ và Phát triển Con người. Từ Việt Nam vươn tầm thế giới.

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp công nghệ toàn cầu, xuất phát từ Việt Nam

Giá trị cốt lõi

Đón nhận thách thức

Phát triển đối tác

Giữ gìn chính trực

Bốn mảng kinh doanh này đã đóng góp doanh thu 10.894 tỷ đồng trong năm 2025, với 22% đến từ thị trường quốc tế. Hai trụ cột chiến lược hướng tới năm 2030 của chúng tôi là: Vận hành dựa trên AI (AI-native) và vươn tầm toàn cầu



VNGGames – Nhà phát hành và phát triển game khu vực

VNGGames giữ vị thế nhà phát hành game số 1 tại Việt Nam và số 2 tại Đông Nam Á, tiếp cận 57,3 triệu người dùng hoạt động hàng quý thông qua danh mục hơn 240 tựa game đã phát hành. Chúng tôi phát triển các dòng game đa dạng thông qua quan hệ hợp tác với các studio hàng đầu trên thế giới, vận hành IP nội bộ ZingPlay trên thị trường quốc tế; đồng thời thông qua liên doanh NCV với NCSoft, chúng tôi đảm nhiệm việc bản địa hóa và vận hành các tựa game bom tấn của NCSoft trên khắp Đông Nam Á.



Zalo – Ứng dụng nhắn tin số 1 Việt Nam

Với 79,6 triệu người dùng hoạt động hàng tháng và 2,1 tỷ tin nhắn được gửi đi mỗi ngày, Zalo đóng vai trò là hạ tầng liên lạc cốt lõi của Việt Nam – kết nối người dân, doanh nghiệp và coq quan nhà nước thông qua hơn 17.000 Tài khoản chính thức (Official Accounts) và 1.200 Mini Apps. Trí tuệ nhân tạo (AI) được tích hợp sâu vào các tính năng lõi nhằm cải thiện cách người dùng tìm kiếm, tương tác và tiếp cận dịch vụ ở quy mô lớn, với khoảng 30% người dùng tương tác với ít nhất một tính năng AI mỗi tháng.



Zalopay – Nền tảng thanh toán và tài chính số hàng đầu Việt Nam

Là nền tảng thanh toán hàng đầu tại Việt Nam, Zalopay tập trung vào thanh toán và các dịch vụ tài chính số. Nền tảng kết nối hệ thống ngân hàng, ví điện tử và mạng lưới thẻ trên một giao diện thống nhất, cho phép thực hiện các giao dịch xuyên suốt. Trong năm 2025, Zalopay đã ra mắt tính năng Quét QR quốc tế tại 5 thị trường Châu Á.



GreenNode – Nhà cung cấp AI Cloud hàng đầu Việt Nam

GreenNode, mảng kinh doanh B2B của VNG, đã hoàn tất hợp nhất thương hiệu với VNG Cloud trong năm 2025 để trở thành một nền tảng duy nhất, phục vụ hơn 1.000 khách hàng doanh nghiệp với danh mục hơn 80 sản phẩm Cloud và AI. Được xây dựng trên hạ tầng đạt chuẩn Tier III, GreenNode cung cấp giải pháp toàn diện từ hạ tầng, nền tảng AI (AI Stack) đến ứng dụng, bao gồm cả GreenMind – mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) 14 tỷ tham số tiếng Việt, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu suất, khả năng phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng.

Chú thích: QAU – Người dùng hoạt động hàng quý. MAU – Người dùng hoạt động hàng tháng. LLM – Large Language Model – Mô hình ngôn ngữ lớn. BFSI – Ngân hàng, tài chính và bảo hiểm.

Thông tin chung & Thành tích nổi bật

Thông tin chung

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên giao dịch	Mã chứng khoán	Mã số đăng ký kinh doanh	Vốn điều lệ	Cổ phiếu đang lưu hành	Trụ sở	Website	Điện thoại	Fax
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG	VNZ (UPCoM, HNX)	0303490096	VND 293.769.740.000	29.376.974	Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	vng.com.vn	(028) 3962 3888	(028) 3962 4666

Thành tích nổi bật

CÔNG NGHỆ & KINH DOANH

1

DOANH NGHIỆP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CỦA NĂM
GLOBEE AWARDS FOR ARTIFICIAL INTELLIGENCE 2025

2

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT
ĐÔNG NAM Á
FORTUNE

3

TOP 29 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NỘP NGÂN
SÁCH LỚN NHẤT
CAFEF PRIVATE 100

4

BẰNG KHEN GHI NHẬN NHỮNG ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀ
HIỆU QUẢ CỦA TẬP ĐOÀN TRONG CÔNG TÁC THAM MƯU, TỔ
CHỨC VÀ PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH LẦN THỨ I (NHIỆM KỲ 2025–2030)
VĂN PHÒNG THÀNH ỦY TP. HỒ CHÍ MINH

5

BẰNG KHEN PHÁT TRIỂN THỂ THAO ĐIỆN TỬ (ESPORTS)
VÀ THÚC ĐẨY PHONG TRÀO OLYMPIC TẠI VIỆT NAM
ỦY BAN OLYMPIC

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

1

NƠI LÀM VIỆC TUYỆT VỜI (3 NĂM LIÊN TIẾP)
GREAT PLACE TO WORK®

2

TOP 35 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM®
2025 – KHỐI DOANH NGHIỆP LỚN
ANPHABE

3

TOP 1 THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN
DỤNG HẤP DẪN TRONG NGÀNH CNTT
ANPHABE

4

TOP 50 THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG
HẤP DẪN VỚI SINH VIÊN VIỆT NAM 2025
ANPHABE

5

ACCA APPROVED EMPLOYER (5 NĂM LIÊN TIẾP)
HIỆP HỘI KẾ TOÁN CÔNG CHỨNG ANH QUỐC (ACCA)

Trách nhiệm với các chỉ tiêu môi trường

VNG triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm tiêu thụ tài nguyên và hạn chế tác động tới môi trường, trong đó tập trung vào tiết kiệm điện – nước và nâng cao nhận thức của nhân viên về thói quen sử dụng năng lượng hiệu quả.

Tối ưu điện năng:

Hệ thống điện năng lượng mặt trời của Tập đoàn đạt sản lượng bình quân 53.777,2 kWh/tháng, tương đương 645.326 kWh/năm.

Giảm rác thải và nhựa dùng một lần:

VNG Campus (TP.HCM) vận hành hệ thống lọc nước uống phục vụ nhân viên với công suất khoảng 5.000 lít/ngày, góp phần hạn chế sử dụng nước uống đóng chai.

Trong năm 2025, VNG đã triển khai phân loại rác tại nguồn tại khuôn viên làm việc, đồng thời ưu tiên sử dụng ly/tách thay cho đồ nhựa dùng một lần, góp phần giảm thiểu rác thải và thúc đẩy thói quen tiêu dùng bền vững trong nội bộ.

Ban lãnh đạo & Cơ cấu doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị (nhiệm kì 2025 – 2030)



Ông Lê Hồng Minh

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 8,65%

Ông Vương Quang Khải

Phó Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 5,34%

Bà Christina Gaw

Thành viên HĐQT

Ông Edphawin Jetjirawat

Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc



Ông Kelly Yin Hon Wong

Tổng giám đốc

Ông Raymond Tan

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Lê Thành

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,59%

Bà Trương Thị Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,23%

Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2025 – 2030)

Ông Hoàng Anh

Trưởng ban

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,004%

Ông Ngô Vi Hải Long

Thành viên

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,001%

Ông Vũ Thành Long

Thành viên

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,001%

Kế toán trưởng

Ông Lê Trung Tín

Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu trên tổng số cổ phần
có quyền biểu quyết
Tính đến hết ngày 31/12/2025: 0,015%

Cơ cấu doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG được tổ chức quản lý theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Ban Tổng giám đốc, giám sát các đơn vị kinh doanh: Trò chơi trực tuyến, Zalo & AI, Zalopay, GreenNode và Các cơ hội dài hạn thông qua bảy khối chức năng Tập đoàn: Tài chính, Kế toán & Quản trị rủi ro; Pháp chế & Tuân thủ; Mua hàng; Thương hiệu & Truyền thông; Nhân sự; Hành chính & Cơ sở vật chất; và Công nghệ thông tin.

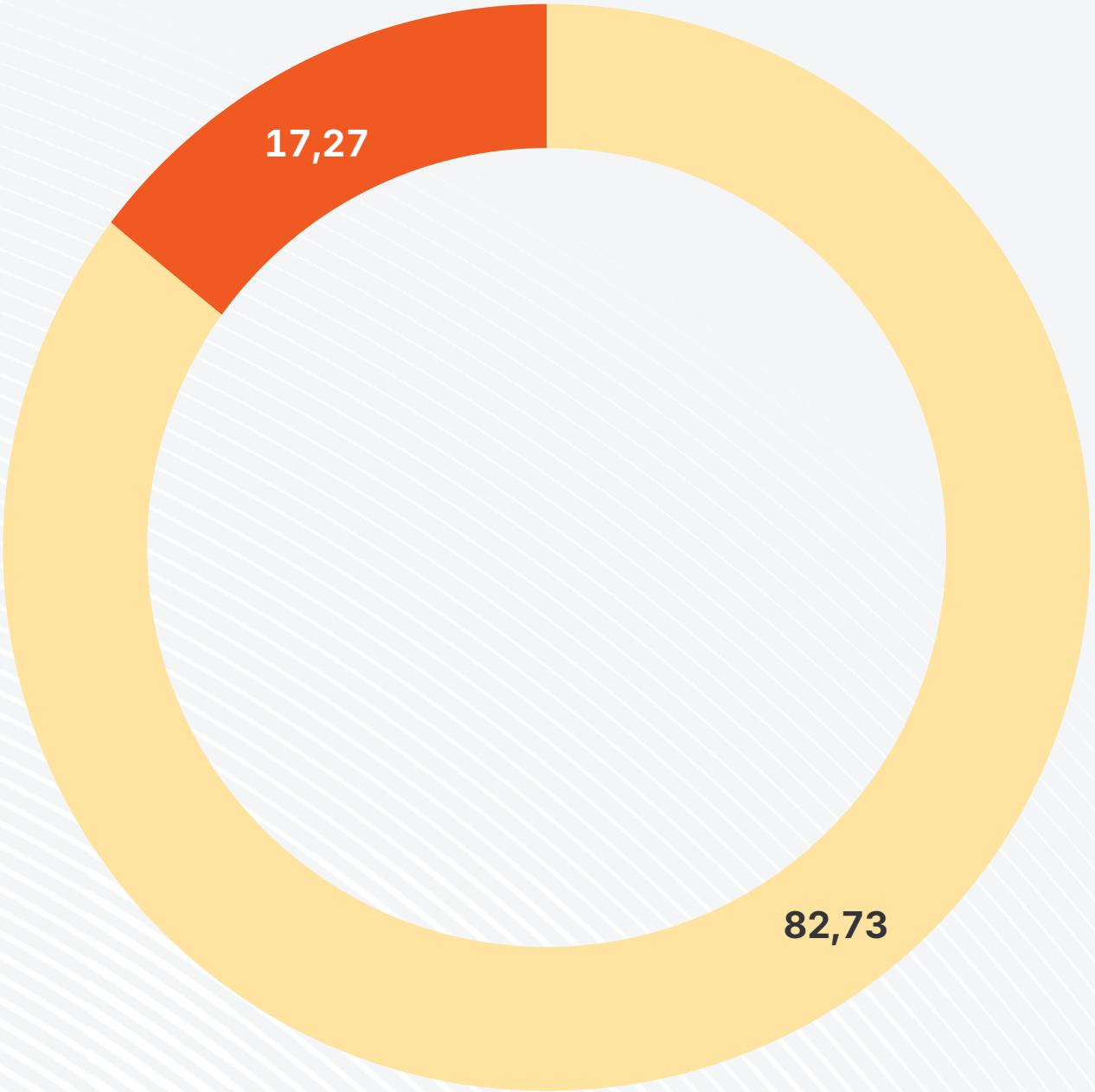
Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng quan sở hữu

29.376.974

cổ phiếu đang lưu hành



Cổ đông lớn Cổ đông nhỏ lẻ (<5%)

Năm 2025, VNG Group đã triển khai Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP), phân phối 640.974 cổ phiếu cho những người lao động đủ điều kiện. Các cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 19 tháng 5 năm 2025 đến ngày 18 tháng 5 năm 2026. Số cổ phiếu không hạn chế chuyển nhượng là 28.736.000. Trong 2025, Tập đoàn không nắm giữ cổ phiếu quỹ tại thời điểm cuối năm và đã không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm. Tập đoàn không có cổ đông nhà nước.

Theo quốc tịch và loại nhà đầu tư

Tổ chức trong nước · 7.848.491 cổ phiếu
26,72%

Cá nhân trong nước · 7.447.843 cổ phiếu
25,35%

Tổ chức nước ngoài · 14.080.640 cổ phiếu
47,93%

Cá nhân nước ngoài · 0 cổ phiếu
0,00%

Tóm tắt vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông 29.376.974 100,00%

Cổ phiếu ưu đãi 0 0,00%

Cổ phiếu không hạn chế chuyển nhượng 28.736.000 97,82%

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (ESOP) 640.974 2,18%

Lịch sử vốn điều lệ đầy đủ từ năm 2004 được trình bày trong Phụ lục Quản trị.

Công ty con và công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG – công ty mẹ, trụ sở tại TP.HCM. Các đơn vị trong Tập đoàn được tổ chức theo đơn vị kinh doanh bên dưới.

Trò chơi trực tuyến

Công ty TNHH VNGGAMES, Công ty TNHH 2MoreBits, Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam, Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh, VNGGAMES PTE. LTD., VNG Games Co., Ltd, ZingPlay International Pte. Ltd., VNG Myanmar Co., LTD, KMZ Interactive Entertainment Co., Ltd

Zalo & AI

Công ty TNHH Zalo Platforms, Công ty TNHH VNG Online, Công ty Cổ phần Công nghệ EPI, Công ty TNHH Zie, Công ty Cổ phần Adtima, Công ty Cổ phần Mixus, Công ty Cổ phần XFM, Công ty TNHH Zing, Công ty Cổ phần Fiza

Zalopay

Công ty Cổ phần Zion, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền Thông Thanh Sơn

GreenNode

Công ty Cổ phần Dịch vụ – Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na, Công ty Cổ phần Greennode, Greennode Pte. Ltd., Greennode Co., Ltd

Các mảng kinh doanh khác

Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG, Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na, Công ty TNHH A4B, Công ty Cổ phần VNG Data Center, Công ty TNHH Instantiipay VN, Quỹ Kiến tạo Ước Mơ, VNG Singapore Pte. Ltd., VNG Investment Pte. Ltd., Instantiipay Holdings Pte. Ltd., Instantiipay SG Pte. Ltd., Instantiipay Pty Ltd, Instantiipay Limited (HK), Instantiipay Limited (UK), Instantia Capital PTE.LTD

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần DayOne Holding, Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH, Công ty Cổ phần Verichains, Verichains SG Pte. Ltd, Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd, Open Commerce Group Ltd, NCV Games Pte. Ltd

Tổng cộng: 38 công ty con trực tiếp, 4 công ty liên kết trực tiếp và 3 công ty liên kết gián tiếp, hiện diện tại Việt Nam, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Myanmar, Úc, Hồng Kông và Vương quốc Anh.

Danh sách đầy đủ các đơn vị, bao gồm hoạt động chính, pháp lý đăng ký và tỷ lệ sở hữu, được trình bày trong Phụ lục B – Các đơn vị thuộc Tập đoàn.



Chiến lược kinh doanh & Các mảng hoạt động

12 Tổng quan nền kinh tế

13 Dấu ấn AI

16 Trò chơi trực tuyến

18 Zalo

20 Zalopay

22 GreenNode

Tổng quan nền kinh tế

Bức tranh vĩ mô thực sự ảnh hưởng đến VNG

Kinh tế vĩ mô Việt Nam

GDP thực tế của Việt Nam tăng trưởng 8% trong năm 2025, nằm trong số những quốc gia có kết quả ấn tượng nhất Châu Á, bất chấp những biến động toàn cầu và sự bất ổn trong chính sách thương mại. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi kim ngạch thương mại kỷ lục, sự gia tăng thị phần trong lĩnh vực điện tử và công nghệ, cùng với nhu cầu nội địa mạnh mẽ.

Quy mô kinh tế số

Kinh tế số đạt 14,0% GDP, tương đương khoảng 72,1 tỷ USD – tăng từ mức 12,9% năm 2021, đạt trung bình 13,2% trong giai đoạn 2021–2025.

AI trở thành ưu tiên quốc gia

AI được xếp tên cùng với bán dẫn, năng lượng tái tạo, hạ tầng và dịch vụ tài chính trong danh sách lĩnh vực ưu tiên năm 2026 của Việt Nam. Nghị quyết 57 xác định AI là lộ trình để thoát bẫy thu nhập trung bình vào năm 2045. Luật AI cũng lần đầu tiên được trình Quốc hội.

Nhu cầu tiêu dùng và dịch vụ

Chỉ số Niềm tin Người tiêu dùng đạt 67 điểm, cao hơn 3 điểm so với 2024 và 13 điểm so với mức trung bình của ASEAN (54). Dịch vụ tăng trưởng 8,6% so với cùng kỳ, đóng góp hơn 51% tổng giá trị gia tăng.

Sự phát triển doanh nghiệp mới

Gần 298.000 doanh nghiệp đăng ký mới hoặc quay trở lại hoạt động, tăng 27,4% so với năm 2024. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, tiệm cận ngưỡng thu nhập trung bình cao.

Triển vọng Việt Nam 2025 – 2026, được phân tích dưới góc nhìn ảnh hưởng trực tiếp tới các mảng kinh doanh của chúng tôi

Môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã trở thành một yếu tố ngày càng quan trọng đối với các doanh nghiệp công nghệ đang hoạt động tại đây. Trong năm 2025, nhiều diễn biến vĩ mô đã tác động trực tiếp đến cách thức VNG hoạch định chiến lược, phân bổ nguồn vốn và đưa ra các quyết định về nhân sự cho năm 2026. Dưới đây là năm tín hiệu then chốt từ môi trường vận hành và ý nghĩa của chúng đối với hoạt động kinh doanh của VNG.

Với GDP tăng 8% và dịch vụ hiện chiếm hơn một nửa giá trị gia tăng, sức mua đang tăng lên trên tất cả các mảng kinh doanh của VNG. Mục tiêu tăng trưởng 10% cho năm 2026 và việc gia tăng GDP bình quân đầu người sẽ tiếp tục thúc đẩy việc ứng dụng kỹ thuật số, chi tiêu quảng cáo và nhu cầu CNTT doanh nghiệp cho các sản phẩm của VNG.

“Mẫu số” chung cho thị trường mục tiêu của chúng tôi lại tiếp tục mở rộng. Mọi mảng kinh doanh mà chúng tôi vận hành – Games, Zalo, Zalopay, GreenNode – đều nằm trong phân khúc 14% đầy tiềm năng này.

Luồng gió chính sách mà chúng tôi đã bền bỉ đầu tư từ năm 2017 nay đã được cụ thể hóa bằng văn bản pháp lý. Đây là sự xác nhận rõ ràng nhất cho chiến lược “AI-first” của Tập đoàn VNG.

Nhu cầu quảng cáo trên Zalo, lượng giao dịch qua Zalopay và doanh thu nội ứng dụng trên VNGGames đều cải thiện khi niềm tin người tiêu dùng và nhu cầu dịch vụ duy trì ở mức cao như hiện nay.

Một hệ sinh thái doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) có quy mô và tiềm lực tài chính tốt hơn cho mảng AI Cloud của GreenNode và dịch vụ thương mại của Zalopay. Mỗi doanh nghiệp mới đều là một cơ hội triển khai AI tiềm năng.

Giờ đây, Trí tuệ nhân tạo (AI) đã được đặt ngang hàng với những lĩnh vực trọng yếu như bán dẫn và dịch vụ tài chính trong danh mục ưu tiên của quốc gia. Bức tranh vĩ mô đang thực sự dịch chuyển theo đúng hướng mà chúng tôi đã bền bỉ theo đuổi từ năm 2017

Chỉ số cơ sở cho kế hoạch năm 2026

Quốc hội Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu là 10% cho năm 2026, cùng với mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt mức 5.400 – 5.500 USD. Trong khi đó, các tổ chức dự báo độc lập thường đồng thuận ở mức tăng trưởng thận trọng hơn, dao động từ 6% – 7,5%, trong đó tổ chức AMRO đánh giá Việt Nam là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực ASEAN năm nay.

Trong bối cảnh vĩ mô đó, mỗi mảng kinh doanh của VNG được kỳ vọng sẽ tăng trưởng nhanh hơn phân ngành dịch vụ tương ứng mà mảng đó đang vận hành. Điều này nhằm đảm bảo rằng kết quả kinh doanh sẽ phản ánh chính xác khả năng thực thi quyết liệt và vị thế cạnh tranh vững chắc của chúng tôi trên từng thị trường tương ứng.

Bảng thuật ngữ: GSO – Tổng cục Thống kê Việt Nam. GDP – Tổng sản phẩm quốc nội. ASEAN – Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. AMRO – Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3. SME – Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị quyết 57 – Nghị quyết năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (2025), Kế hoạch Phát triển Kinh tế – Xã hội 2026 của Quốc hội, AMRO ASEAN+3 Regional Economic Outlook 2026.

Dấu ấn AI



Trí tuệ nhân tạo nằm ở trung tâm trong mọi hoạt động vận hành của chúng tôi. AI sẽ không đơn thuần là một công cụ hỗ trợ – nó sẽ trở thành năng lực cốt lõi được tích hợp sâu trong mọi mảng kinh doanh mà chúng tôi xây dựng.



— Thông điệp từ các Nhà sáng lập, Báo cáo Thường niên VNG 2025

Tại VNG, AI không chỉ là một chương độc lập trong chiến lược, mà chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi hoạt động. Câu chuyện của năm 2025 chính là bước đi tiếp theo trong hành trình tám năm khởi đầu từ nghiên cứu, chuyển mình sang thương mại hóa và giờ đây là đóng góp cho hệ sinh thái AI rộng lớn của Việt Nam.

Xây dựng năng lực nội tại

Cứ sau mỗi 10 đến 15 năm, một làn sóng công nghệ mới lại tái định hình ngành công nghiệp trên thế giới. Những công ty xuất sắc nhất thời đại PC hiếm khi giữ được vị thế trong kỷ nguyên Mobile, và nhiều “ông lớn” Mobile hôm nay sẽ không còn là người dẫn đầu trong kỷ nguyên AI. Chúng tôi bắt đầu đầu tư vào AI từ năm 2017 bởi chúng tôi tin rằng đây sẽ là làn sóng có quy mô tương tự – thậm chí còn lớn hơn những gì chúng ta có thể hình dung hiện nay.

Đối mặt với làn sóng đó, VNG đã đưa ra một lựa chọn chiến lược quyết đoán. Chúng tôi không đặt mục tiêu cạnh tranh với các tập đoàn công nghệ toàn cầu về quy mô mô hình hay tốc độ ra mắt các LLM đa năng. Lợi thế của chúng tôi là yếu tố Việt Nam: ngôn ngữ, bối cảnh pháp lý và thói quen hàng ngày của hàng chục triệu người dùng Việt. Tiếng Việt chính là “sân nhà”, và đó là nơi chúng tôi dồn lực đầu tư.

Thay vì tinh chỉnh các mô hình LLM trên thế giới, đội ngũ nghiên cứu của chúng tôi đã chọn con đường khó khăn hơn: huấn luyện các mô hình nền tảng tiếng Việt từ con số 0, làm chủ hoàn toàn về cấu trúc, dữ liệu và quy trình huấn luyện. Trên VMLU (bộ tiêu chuẩn đánh giá tiếng Việt), mô hình 7 tỷ tham số đầu tiên của chúng tôi đã đạt hiệu suất bằng 150% so với GPT-3.5 chỉ sau chu kỳ huấn luyện 6 tháng (so với kế hoạch 18 tháng). KiLM, mô hình 13 tỷ tham số sau đó, đã xếp thứ hai chỉ sau Llama 3 70B trong các nhiệm vụ tiếng Việt. Năm 2025, GreenNode đã ra mắt GreenMind – mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) 14 tỷ tham số được phát triển hoàn toàn bởi đội ngũ kỹ sư Việt Nam và được tích hợp vào danh mục NVIDIA NIM chỉ sau 6 tháng phát hành.

AI trong sản phẩm và dịch vụ cho người dùng và doanh nghiệp

Năm 2025, năng lực nội tại đã xóa nhòa ranh giới để trở thành các sản phẩm và dịch vụ thương mại – đưa AI vào tay người dùng và doanh nghiệp thực tế với quy mô lớn và kết quả đo lường được.

Cho người dùng

- AI hiện đã hiện diện trong đời sống số hàng ngày của hàng chục triệu người Việt. Trong Zalo, các tính năng soạn thảo bằng giọng nói, chuyển giọng nói thành văn bản, chuyển văn bản thành giọng nói và dịch thuật thời gian thực đã chuyển từ “tiện ích cao cấp” sang “tính năng mặc định”.
- Kiki, trợ lý giọng nói tiếng Việt, đã vượt mốc 1,4 triệu lượt cài đặt trên ô tô, hiện diện trên khoảng 1/5 số xe ô tô tại Việt Nam.
- Kiki Info, ra mắt đầu năm 2025, đạt 300.000 người dùng chỉ sau 3 tháng. Trợ lý Công dân số cung cấp khả năng truy cập 24/7 các thông tin hành chính và pháp lý bằng tiếng Việt.
- Khoảng 30% người dùng Zalo tương tác với một tính năng AI mỗi tháng – minh chứng rõ nhất cho việc tại Việt Nam, AI đã bắt đầu chuyển dịch từ một năng lực cao cấp sang hạ tầng nền tảng.
- Các gợi ý dựa trên AI hiện đóng góp 40% tổng lượt nghe trên Zing MP3.

Cho doanh nghiệp.

- GreenNode đã thương mại hóa cùng một “nguồn lực cốt lõi” đó để trở thành nền tảng AI-Cloud toàn diện (full-stack) cho các doanh nghiệp Việt Nam.
- GreenNode AI Stack – môi trường ba lớp bao gồm Hạ tầng AI, Nền tảng AI và Cổng AI (AI Gateway) dựa trên nguyên tắc Zero-Trust – hiện vận hành với cam kết SLA 99,99%, hiệu suất GPU trên 95% và phục vụ hơn 1.000 khách hàng doanh nghiệp.
- Ở tầng ứng dụng, GreenNode IDP (Xử lý tài liệu thông minh) kết hợp OCR và GenAI đã giúp tự động hóa hơn 70% khối lượng công việc xử lý tài liệu tại một ngân hàng lớn của Việt Nam với hơn 13.000 nhân viên, xử lý hàng trăm nghìn hồ sơ và tiết kiệm hơn 2.000 ngày công chỉ trong một năm.
- Ở mảng quảng cáo, Adtima đã chuyển dịch sang mô hình “AI-first”, áp dụng các mô hình ngôn ngữ độc quyền vào việc tối ưu hóa chiến dịch và phân khúc khách hàng cho các thương hiệu quảng cáo trên Zalo.

Dấu ấn AI

Đóng góp cho cộng đồng AI Việt Nam

Vượt ra ngoài các sản phẩm của riêng mình, VNG chọn cách tham gia xây dựng những giá trị chung cho cộng đồng AI Việt Nam. Zalo đã đồng phát triển VMLU – bộ tiêu chuẩn đánh giá mô hình tiếng Việt toàn diện đầu tiên – cùng viện JAIST. Đến cuối năm 2024, nền tảng này đã đánh giá 45 mô hình với hơn 3.700 lượt thẩm định. Năm 2025, VMLU được mở rộng với ViSQuAD (đọc hiểu), ViDrop (tư duy logic) và ViDialog (tương tác hội thoại).

Cuộc thi Zalo AI Challenge 2025 thu hút hơn 1.000 đội thi; Zalo AI Summit 2025 với chủ đề “Việt Nam trong kỷ nguyên AI-hóa” đã quy tụ hơn 400 chuyên gia. Zalo cũng gia nhập Liên minh AI Âu Lạc nhằm ủng hộ mục tiêu AI có chủ quyền (Sovereign AI) của Việt Nam. GreenNode ra mắt chương trình Vietnam Data Shield và đạt chứng chỉ SOC 2 Type I & II song song với đã tăng trưởng thương mại. Toàn Tập đoàn đã đóng góp thiết bị GPU và đồng sáng lập các trung tâm nghiên cứu AI tại các trường đại học Việt Nam. Đây không phải là chi phí marketing; đây là cách một hệ sinh thái AI quốc gia tích lũy sức mạnh, và chúng tôi chọn là một trong những đơn vị đóng góp tích cực cho quá trình đó.

AI trong cách chúng tôi làm việc

Qua hai thập kỷ, VNG đã trải qua hai bước chuyển công nghệ – từ PC sang web, từ web sang mobile. AI là bước chuyển thứ ba, và câu hỏi hóc búa nhất của năm 2026 không phải là sẽ ra mắt sản phẩm AI nào, mà là liệu chúng ta có cho phép các công cụ này tái định hình cách chúng ta làm việc hay không. Dự án thử nghiệm trong dịp Tết được nhắc đến trong Thông điệp của nhà sáng lập – 6 tuần làm việc của đội ngũ kỹ sư được thu gọn trong duy nhất một ngày vì đội ngũ sẵn sàng dỡ bỏ quy trình cũ – chính là khuôn mẫu mà chúng tôi muốn áp dụng cho mọi bộ phận kỹ thuật của VNG vào cuối năm nay. Sự sẵn lòng thay đổi cách làm việc, chứ không phải bản thân công cụ, mới là biến số tạo nên lợi thế kép.

Các cam kết AI của chúng tôi

Trong năm 2026, chúng tôi tự đặt ra bốn cam kết cấp Tập đoàn, mỗi cam kết sẽ được đánh giá điểm số công khai trong báo cáo thường niên năm tới:

- 20% doanh thu AI-first vào năm 2030: Bắt đầu công bố tỷ trọng doanh thu Tập đoàn đến từ các sản phẩm và dịch vụ AI-first từ báo cáo năm 2026 trở đi.
- Tích hợp AI trong toàn bộ doanh nghiệp: Từ vận hành đến quy trình nghiệp vụ nhằm củng cố năng lực tổ chức.
- Xây dựng năng lực AI toàn diện: Trên cả ba lớp: hạ tầng, nền tảng và ứng dụng trong toàn bộ hệ sinh thái.
- Một doanh nghiệp mới AI-native: Ra mắt ít nhất một đơn vị kinh doanh mới, được xây dựng theo mô hình AI-first và thiết kế cho thị trường quốc tế ngay từ ngày đầu – biểu hiện cụ thể đầu tiên của chiến lược VNG+1.

Bảng thuật ngữ: LLM – Mô hình Ngôn ngữ Lớn. GenAI – AI Tạo sinh. OCR – Nhận dạng ký tự quang học. IDP – Xử lý tài liệu thông minh. NIM – NVIDIA Inference Microservices. SLA – Cam kết chất lượng dịch vụ. VMLU – Bộ tiêu chí đánh giá năng lực hiểu ngôn ngữ tiếng Việt. BFSI – Ngân hàng, Dịch vụ tài chính và Bảo hiểm. NRR – Tỷ lệ duy trì doanh thu thuần. LTV/CAC – Tỷ lệ Giá trị vòng đời khách hàng trên Chi phí thu hút khách hàng. SOC 2 – Chuẩn mực kiểm soát an toàn thông tin (AICPA).

Các mảng kinh doanh

TRÒ CHƠI
TRỰC TUYẾN

ZALO & AI

ZALOPAY

GREENODE

AI

Trò chơi trực tuyến

Xây dựng hệ sinh thái game bền vững hàng đầu Đông Nam Á thông qua các tựa game lâu dài có mức độ gắn kết cao và năng lực phát triển toàn cầu dựa trên dữ liệu.

Hiệu quả tài chính và vận hành 2025

Doanh thu tăng 8% lên 7.054 tỷ đồng, trong khi tổng bookings tăng 13% lên 8.162 tỷ đồng. Tỷ lệ người dùng trả phí tăng từ 3,7% lên 4,6%, ghi nhận bước chuyển mình đáng kể về vận hành trong năm.

Tiến triển chiến lược

Trong năm 2025, trọng tâm đã chuyển dịch từ quy mô người dùng sang giá trị lâu dài của người chơi. Dù lượng người dùng hoạt động hàng quý (QAU) giảm xuống mức 57,3 triệu, nhưng mức độ tương tác và thời gian trải nghiệm của tệp người dùng cốt lõi lại ghi nhận sự tăng trưởng rõ rệt.

Động thái này phản ánh một chiến lược tối ưu hóa có chủ đích: ra mắt ít trò chơi hơn nhưng với chất lượng cao hơn, đồng thời chuyển sang mô hình Games-as-a-Service (Dịch vụ Trò chơi) tập trung vào các sản phẩm có vòng đời dài. Các tựa game cốt lõi như PUBG Mobile và Play Together tiếp tục được đầu tư chiều sâu, đóng góp 46% tổng doanh thu mảng, với nhiều sản phẩm đạt kỷ lục về hiệu suất hàng tháng dù đã ra mắt nhiều năm. Kết quả là dòng tiền ổn định hơn và khả năng dự báo doanh thu được cải thiện, nhờ vào tỷ lệ duy trì người chơi mạnh mẽ và sự gắn kết bền vững.



Ông Lê Xuân Thắng

Giám đốc phát hành, VNGGames

Với định hướng tiếp tục mang lại các nội dung giải trí tốt nhất cho người dùng, VNGG kiên trì đầu tư cho các tựa game có thể vận hành trong dài hạn. Trong năm 2025, VNGGames củng cố luận điểm tăng trưởng bền vững không đến từ những chu kỳ bùng nổ nhất thời và đã đạt được những kết quả cụ thể: Tổng bookings toàn mảng game tăng trưởng YoY 13%, các game vòng đời dài chiếm 46% tổng doanh thu với mức tăng trưởng riêng YoY trên 40%. Chúng tôi tin rằng kết quả này sẽ đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn mở rộng tiếp theo của VNGGames

Bảng chỉ số tài chính

CHỈ SỐ	2024	2025	CHANGE
Doanh thu (Tỷ đồng)	6.504	7.054	+8%
Tổng bookings (Tỷ đồng)	7.233	8.162	+13%
Người dùng hoạt động theo quý (triệu)	74,3	57,3	(23%)
Tỷ lệ người chơi có chi tiêu	3,7%	4,6%	+90 điểm cơ bản

Chú giải: Bookings là chỉ số vận hành phi GAAP được VNG sử dụng để đánh giá hiệu quả mảng Games. Chỉ số này phản ánh lượng tiền người dùng thực chi trong kỳ. QAU được tính bằng bình quân QAU của các quý trong kỳ đó.

Các sáng kiến trọng điểm triển khai trong năm 2025

- Chuyển dịch sang Games-as-a-Service: Chuyển từ mô hình phát hành theo chu kỳ sang vận hành dịch vụ dài hạn, đồng thời mở rộng sang nhóm người dùng trẻ và nâng cao giá trị vòng đời.
- Cải thiện khả năng tạo doanh thu: Tăng tỷ lệ người dùng trả phí thông qua điều chỉnh có chọn lọc về giá và hệ thống tiến trình trong các tựa game chủ lực có vòng đời dài.
- Kỷ luật trong phát hành: Tăng cường kiểm soát việc ra mắt sản phẩm, chỉ phân bổ vốn cho các tựa game đáp ứng các ngưỡng về mức độ gắn kết và giữ chân người chơi.
- Tối ưu nền tảng: Hợp nhất nền tảng PC về một hạ tầng thống nhất, cải thiện trải nghiệm người dùng đồng thời giảm độ phức tạp vận hành và chi phí.
- Ứng dụng AI trong phát triển: Tích hợp AI xuyên suốt vòng đời phát triển sản phẩm nhằm rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường và nâng cao tính nhất quán về chất lượng.

Ông Nguyễn Khánh Trung

CEO ZingPlay Game Studios, VNG

18 năm của ZPS là một hành trình không dễ dàng với bất kỳ tổ chức nào. Quãng thời gian đầy đủ trải nghiệm từ thách thức, cơ hội, thành công, vấp ngã đã dạy cho ZPS giá trị của sự kiên trì và của niềm tin: khi một cánh cửa khép lại, sẽ luôn có nhiều cánh cửa khác mở ra.

Cuộc cách mạng công nghệ thường sẽ chọn lọc và thay đổi trật tự, nhưng cũng tạo ra nhiều khoảng trống cơ hội cho những ai không ngừng nỗ lực. Điều quan trọng là đội ngũ đủ tỉnh táo để chọn đúng hướng đi và đủ bản lĩnh để không từ bỏ chính mình trong quá trình đó.

Vị thế thị trường và môi trường vận hành

Ngành game toàn cầu tăng trưởng 7,5%, đạt khoảng 197 tỷ USD trong năm 2025, với động lực chuyển từ mở rộng tệp người dùng sang nâng cao chất lượng doanh thu. VNGGames ghi nhận tăng trưởng 8% – tương đương thị trường về doanh thu và vượt trội về chất lượng tạo doanh thu, phản ánh doanh nghiệp đã xây dựng được danh mục sản phẩm có vòng đời dài.

Các yếu tố tác động

Kết quả hoạt động vẫn chịu tác động từ sự bất định của kinh tế vĩ mô và những thay đổi về quy định pháp lý tại các thị trường trọng điểm. Đồng thời, các thay đổi về mức phí trên kho ứng dụng và các động thái chống độc quyền trên Android có thể làm thay đổi cấu trúc phân chia lợi nhuận giữa nhà phát hành và nền tảng.

Nguồn: Newzoo's Global Games Market Report 2025.

Ông Bùi Minh Phương

Giám đốc phát triển game toàn cầu, VNGGames

Năm 2025 là cột mốc tái định vị chiến lược của mảng phát triển game tại VNGGames, với trọng tâm xây dựng năng lực lõi và tối ưu danh mục tăng trưởng dài hạn. Việc tập trung vào 3D Shooting, thiết lập AI backbone và mở rộng hợp tác phát triển quốc tế đang giúp chúng tôi nâng chuẩn quy trình sản xuất và từng bước mở rộng hiện diện trên thị trường toàn cầu trong giai đoạn 2026 và các năm tiếp theo.

Ưu tiên chiến lược năm 2026

- Triển khai chặt chẽ khung quản trị phát hành mới cho toàn bộ các sản phẩm ra mắt trong năm 2026, với việc phân bổ vốn gắn liền với các ngưỡng về mức độ gắn kết và giữ chân người chơi ngay từ giai đoạn đầu.
- Áp dụng tự động hóa marketing dựa trên AI trên toàn bộ danh mục phát hành đang hoạt động, mở rộng mô hình đã giúp ZPS (ZingPlay Game Studios) đạt mức tăng trưởng hơn 70% về bookings quốc tế sang toàn bộ hoạt động phát hành.

Điều chúng tôi tự hào nhất trong năm 2025 không chỉ là những con số, mà là một đội ngũ đã sẵn sàng thay đổi cách làm việc. Năm 2026, chúng tôi tiếp tục kiên định với tư duy đó: khi AI trở thành đòn bẩy, và năng lực con người chính là lợi thế cạnh tranh bền vững.



Bà Vũ Thảo Di Cầm

Giám đốc vận hành, VNGGames

Giải thưởng tiêu biểu

NHÀ PHÁT HÀNH XUẤT SẮC (VNGGAMES)

1

**NHÀ PHÁT HÀNH GAME XUẤT SẮC NHẤT
(NĂM THỨ 3 LIÊN TIẾP)**
GIẢI THƯỞNG GAME VIỆT NAM 2025

2

**THƯƠNG HIỆU GAME VÀ GIẢI TRÍ
SỐ XUẤT SẮC 2025**
WORLD BUSINESS OUTLOOK AWARDS 2025

SẢN PHẨM GAME XUẤT SẮC

1

**GAME VẬN HÀNH TOÀN CẦU XUẤT
SẮC NHẤT - PUBG MOBILE**
SENSOR TOWER APAC

3

**ESPORTS GAME OF THE YEAR
- LIÊN MINH HUYỀN THOẠI**
THE ESPORTS AWARDS 2025

5

**CỘNG ĐỒNG GAME ĐƯỢC YÊU
THÍCH NHẤT - VÕ LÂM TRUYỀN KỲ**
GIẢI THƯỞNG GAME VIỆT NAM 2025

2

**ESPORTS MOBILE GAME OF THE
YEAR - PUBG MOBILE**
THE ESPORTS AWARDS 2025

4

**GAME VƯỢT THỜI GIAN
- VÕ LÂM TRUYỀN KỲ**
GIẢI THƯỞNG GAME VIỆT NAM 2025

6

**CỘNG ĐỒNG GAME THỂ THAO
ĐIỆN TỬ ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT -
VALORANT**
GIẢI THƯỞNG GAME VIỆT NAM 2025

Nền tảng nhắn tin số 1 tại Việt Nam và ngày càng trở thành cổng tiếp cận AI chủ đạo của người dùng.

Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh, Zalo tiếp tục duy trì vị thế nền tảng nhắn tin số một tại Việt Nam, đồng thời ghi nhận sự gia tăng ổn định về mức độ gắn kết người dùng. Những kết quả này phản ánh định hướng phát triển nhất quán, lấy trải nghiệm người dùng làm trọng tâm và hướng tới tăng trưởng bền vững

Ông Vũ Trọng Cường
COO, Zalo

Hiệu quả tài chính và vận hành năm 2025

Năm 2025, doanh thu phân mảng Zalo tăng 38% so với cùng kỳ, đạt 1.718 tỷ đồng, nhờ sự tăng trưởng liên tục của việc sử dụng nền tảng với lượng tin nhắn hàng ngày vượt 2,1 tỷ (tăng 8% so với cùng kỳ). Lần đầu tiên, doanh thu ngoài quảng cáo đã vượt doanh thu quảng cáo, phản ánh sự chuyển dịch rõ rệt trong cơ cấu doanh thu hướng tới các dịch vụ giá trị gia tăng và giải pháp doanh nghiệp. Hệ sinh thái AI của Zalo cũng mở rộng nhanh chóng với 30% người dùng trải nghiệm các tính năng AI hàng tháng.

Tiến triển chiến lược

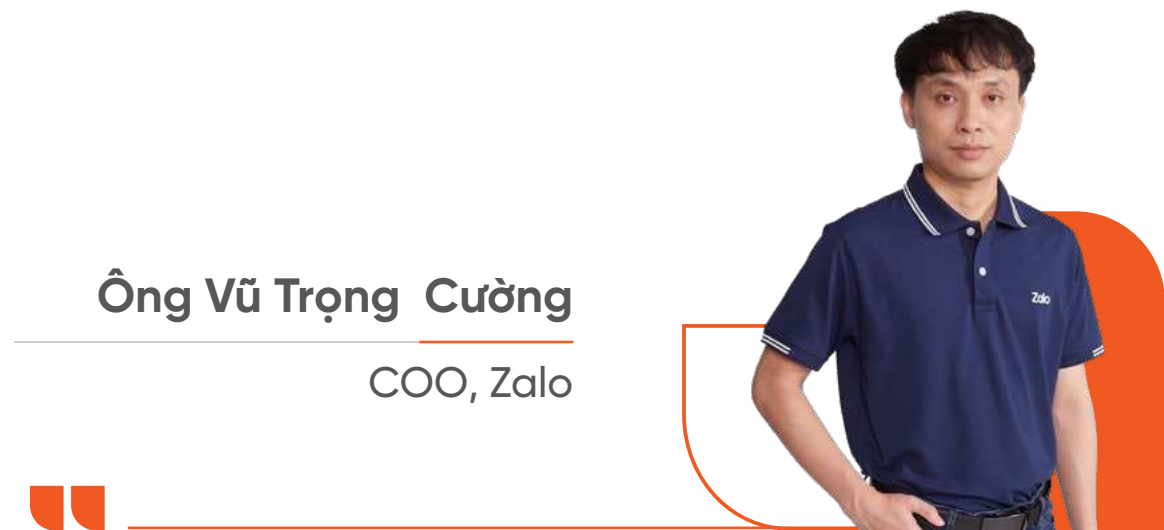
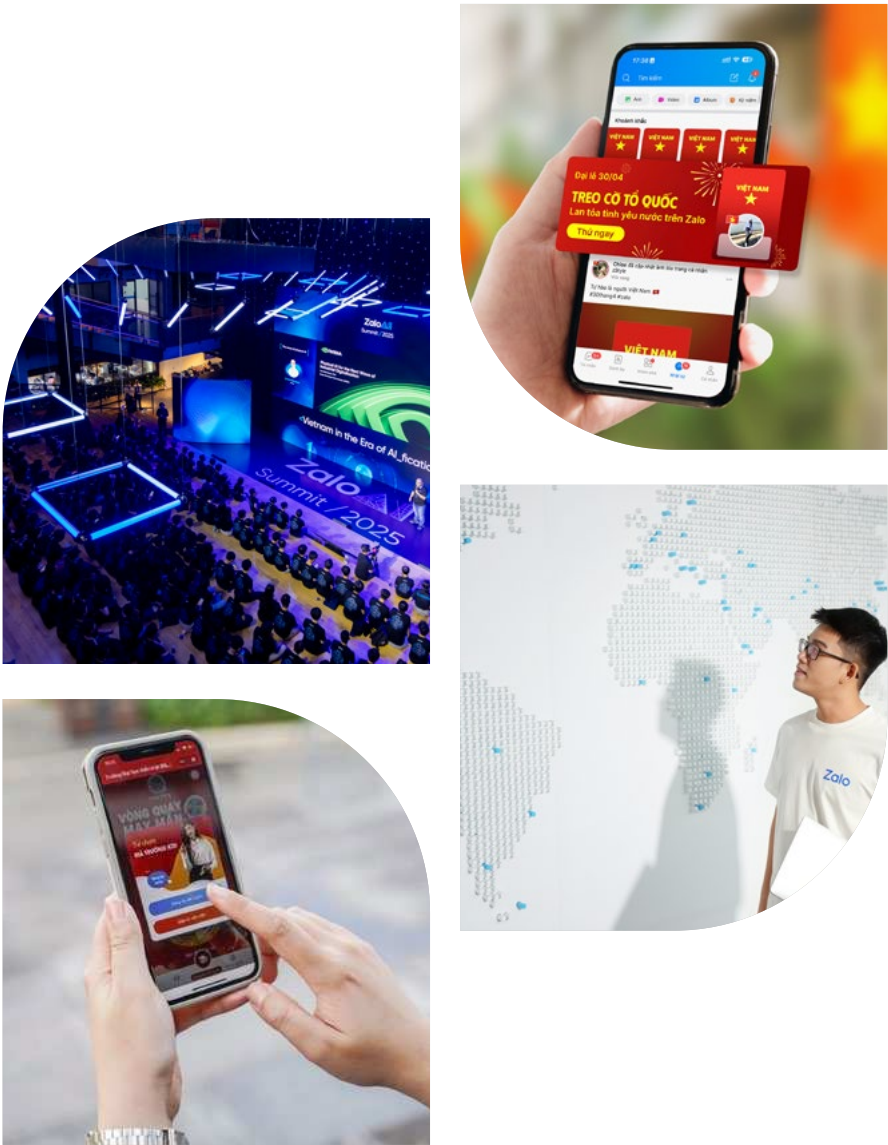
Zalo tiếp tục quá trình chuyển đổi sang một nền tảng doanh thu đa dạng và bền vững hơn. Các dịch vụ Giá trị gia tăng (VAS) và Giải pháp doanh nghiệp (Business Solutions) mở rộng ổn định, trong khi doanh thu quảng cáo duy trì ở mức bền vững.

Các dịch vụ giá trị gia tăng như zBusiness, zCloud, zStyle và Zing MP3 Premium ghi nhận mức độ sử dụng tăng lên khi người dùng tiếp cận nhiều hơn với các tính năng mang lại giá trị thực tiễn và giao dịch rõ ràng. Nhóm Giải pháp doanh nghiệp, bao gồm Official Accounts, Mini Apps và Zalo Notification Service (ZNS), tiếp tục mở rộng khi doanh nghiệp ngày càng sử dụng Zalo như một kênh tin cậy để tương tác với khách hàng ở quy mô lớn. Zalo Video, một sản phẩm ra mắt từ tháng 8/2023, đã ghi nhận 40 triệu người dùng thường xuyên, là top các nền tảng short video tại Việt Nam.

Bảng chỉ số tài chính và vận hành

CHỈ SỐ	2024	2025	THAY ĐỔI
Doanh thu (Tỷ đồng)	1.248	1.718	+38%
Người dùng hoạt động hàng tháng (MAU - triệu người)	77,7	79,6	+2%
Tin nhắn gửi đi hàng ngày (Tỷ)	1,94	2,11	+8%
Độ phủ Giải pháp Doanh nghiệp	~100k OA	150k OA	+50%
Tỷ lệ người dùng sử dụng tính năng AI trong ứng dụng mỗi tháng	20%	30%	10ppt
Cài đặt Kiki Auto trên xe hơi (Triệu)	1,0	1,4	+40%
Tính năng chuyển khoản ngân hàng trong ứng dụng	—	29 ngân hàng, phủ 98% thị trường trong nước	—

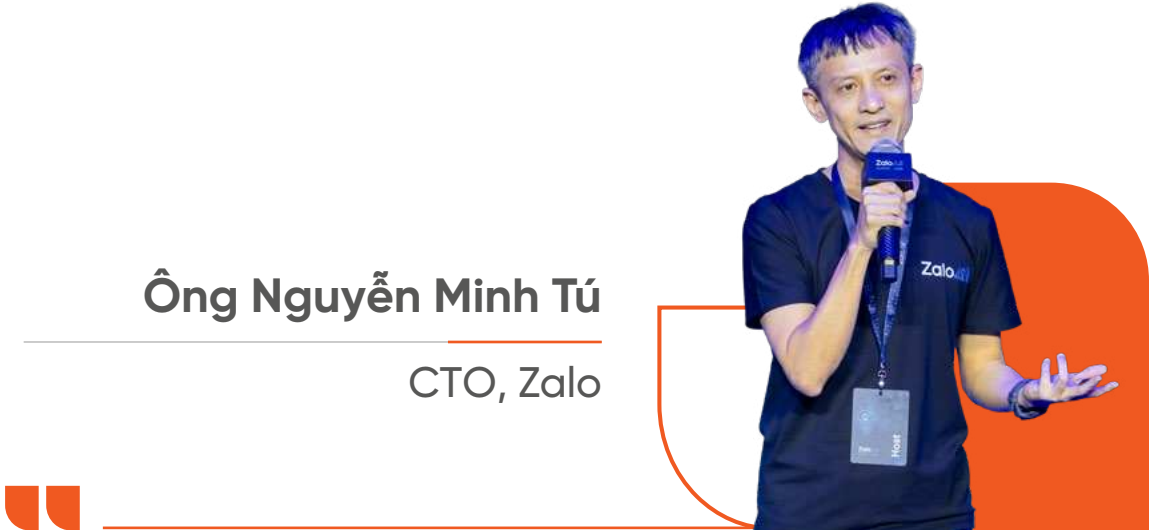
Chú giải: Người dùng hoạt động hàng tháng được tính theo MAU của 30 ngày cuối kỳ. Tin nhắn gửi đi hằng ngày được tính theo bình quân ngày của 30 ngày cuối mỗi kỳ. ppt: điểm phần trăm



Năm 2025, Zalo ghi nhận bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện mô hình kinh doanh, với cơ cấu doanh thu ngày càng cân bằng giữa ba trụ cột gồm dịch vụ giá trị gia tăng, giải pháp doanh nghiệp và quảng cáo. Đây là nền tảng để chúng tôi tiếp tục mở rộng quy mô và duy trì tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Các sáng kiến trọng điểm triển khai trong năm

- Mở rộng doanh thu thuê bao: Phát triển các dòng doanh thu dựa trên các gói thuê bao (subscription), đưa VAS và Giải pháp doanh nghiệp vận hành theo mô hình doanh thu định kỳ song song với quảng cáo.
- Tích hợp dịch vụ tài chính: Triển khai tính năng chuyển khoản ngân hàng nhanh với 29 ngân hàng đối tác, bao phủ khoảng 98% thị trường ngân hàng Việt Nam, cho phép thực hiện thanh toán trực tiếp trong cửa sổ chat.
- Hợp tác khu vực công: Hơn 17.000 Official Account của cơ quan nhà nước hoạt động trên nền tảng, cùng việc triển khai nhanh bản đồ Zalo SOS trong các tình huống ứng phó khẩn cấp.
- Mở rộng ứng dụng AI: Giới thiệu các tính năng AI thông qua các sản phẩm như Kiki Auto, Kiki Info và Trợ lý Công dân số, với khoảng 30% người dùng hoạt động hàng tháng sử dụng ít nhất một tính năng AI trong năm.
- Độ tin cậy và an toàn nền tảng: Đạt chứng nhận ISO/IEC 27001:2022 và nâng cấp hệ thống kiểm duyệt nội dung dựa trên AI, tự động xử lý phần lớn nội dung vi phạm chính sách.



Sắp tới, trọng tâm của Zalo là đảm bảo dịch vụ thông suốt và tăng cường trải nghiệm AI cho người dùng trên mọi phương diện. Song song đó, chúng tôi sẽ ứng dụng AI để tối ưu hóa hiệu quả làm việc cho chính đội ngũ nội bộ.

Vị thế thị trường và môi trường vận hành

Hệ sinh thái số tại Việt Nam đã bước vào giai đoạn trưởng thành, với người dùng tập trung hoạt động trên một số ít nền tảng thiết yếu. Năm 2025, Zalo tiếp tục dẫn đầu mảng nhắn tin với tỷ lệ thâm nhập 81%, vượt đáng kể so với Facebook và Messenger. Nền tảng có vị thế thuận lợi khi tận dụng nhu cầu ngày càng tăng đối với các tiện ích tích hợp AI và các giải pháp hỗ trợ giao tiếp doanh nghiệp.

Các yếu tố tác động

Hoạt động của Zalo chủ yếu tập trung tại Việt Nam, do đó chịu tác động từ các thay đổi về quy định trong nước liên quan đến quản lý dữ liệu, bảo mật và chính sách đối với nền tảng số. Trong lĩnh vực AI, năng lực cạnh tranh phụ thuộc vào chất lượng và mức độ phù hợp của các mô hình ngôn ngữ tiếng Việt, cũng như khả năng tích hợp hiệu quả các tính năng AI vào các trường hợp sử dụng thực tế của người dùng và doanh nghiệp.

Nguồn: Digital 2025 Global Overview Report (We Are Social & Meltwater); 2025 Connected Consumer Survey (Decision Lab).

Ưu tiên chiến lược năm 2026

Trong thời gian tới, Zalo sẽ tập trung vào việc đẩy mạnh tích hợp AI, mở rộng các dịch vụ theo mô hình thuê bao và gia tăng mức độ sử dụng AI trên toàn bộ tệp người dùng, từng bước chuyển các tính năng giao tiếp và tiện ích cốt lõi sang định hướng thiết kế AI-first.



Giải thưởng tiêu biểu

Những đổi mới trong sản phẩm, quy mô nền tảng và tác động xã hội của Zalo đã liên tục được các tổ chức hàng đầu ghi nhận trong giai đoạn 2024–2025.

- 1

TRỢ LÝ ẢO TIẾNG VIỆT XUẤT SẮC
TECH AWARDS 2024
- 2

ỨNG DỤNG NHẮN TIN ĐA CHỨC NĂNG XUẤT SẮC NHẤT
SENSOR TOWER APAC AWARDS 2024
- 3

BẰNG KHEN BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
- 4

SẢN PHẨM, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ VÌ CỘNG ĐỒNG
VIETNAM DIGITAL AWARDS 2025
- 5

VINH DANH BẢO TỒN THIÊN NHIÊN
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THIÊN NHIÊN (ENV)
- 6

TOP 10 NỀN TẢNG NHẮN TIN PHỔ BIẾN NHẤT THẾ GIỚI
CLOUDFLARE RADAR 2025
- 7

NỀN TẢNG NHẮN TIN ĐƯỢC SỬ DỤNG NHIỀU NHẤT & YÊU THÍCH NHẤT VIỆT NAM
DECISION LAB (2025)

Nền tảng thanh toán và công nghệ tài chính của người Việt, ngày càng trở thành hạ tầng cho các giao dịch tài chính hàng ngày.

Hiệu quả tài chính và vận hành 2025

Doanh thu tăng 47% so với cùng kỳ và đạt 1.111 tỷ đồng, nhờ vào sự mở rộng 76% tổng giá trị thanh toán (TPV). Doanh thu từ dịch vụ tài chính (cho vay, đầu tư, bảo hiểm) tăng trưởng đột phá 413% so với cùng kỳ, minh chứng rõ nét cho việc Zalopay đã vượt xa một ứng dụng thanh toán thuần túy để trở thành một nền tảng tài chính đa dạng và bền vững.

Tiến triển chiến lược năm 2025

Năm 2025 đánh dấu sự trưởng thành trong vận hành của Zalopay. Sau nhiều năm đầu tư xây dựng nhận diện thương hiệu, công ty chủ động chuyển trọng tâm từ mở rộng người dùng sang gia tăng mức độ gắn kết trong hệ sinh thái hiện hữu. Hiệu quả kinh tế theo đó được cải thiện rõ rệt. Doanh thu từ dịch vụ tài chính tăng gấp 5 lần, không đến từ việc tăng chi tiêu marketing mà từ việc người dùng mở rộng hành vi từ thanh toán sang tiết kiệm, vay và đầu tư ngay trên nền tảng. Đồng thời, Zalopay ngày càng gắn sâu vào các hoạt động hàng ngày tại Việt Nam, từ Metro TP.HCM, hệ thống y tế đến thanh toán QR Quốc tế tại 5 thị trường châu Á. Việc mở rộng này được thực hiện trong khi vẫn duy trì kỷ luật đầu tư đã thiết lập từ năm 2022. Mảng kinh doanh tiếp tục vận hành trong giới hạn ngân sách đã cam kết, và lộ trình đạt điểm hòa vốn trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Bảng chỉ số tài chính và vận hành

CHỈ SỐ	2024	2025
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	754	1.111 (+47% YoY)
Tổng giá trị thanh toán (TPV)	+39% YoY	+76% YoY
Tăng trưởng người dùng	(8%) YoY	+40% YoY
Doanh thu dịch vụ tài chính	+149% YoY	+413% YoY
Số thị trường thanh toán QR quốc	—	5



Các sáng kiến trọng điểm triển khai trong năm 2025:

- Thanh toán QR Quốc tế: Triển khai thanh toán QR tại Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia và Trung Quốc. Zalopay là nền tảng thanh toán Việt Nam đầu tiên cung cấp dịch vụ này ở quy mô lớn, cho phép người dùng thanh toán bằng VND với tỷ giá minh bạch theo thời gian thực.
- Đổi mới trong logistics: Giới thiệu Zalopay POD (Payment on Delivery) – giải pháp QR thay thế thu tiền khi giao hàng (COD), giúp tự động đối soát cho đối tác giao vận và giảm rủi ro xử lý tiền mặt cho nhân viên giao hàng.
- Tích hợp hạ tầng công: Thúc đẩy số hóa dịch vụ công thông qua tích hợp Zalopay vào Metro TP.HCM, hệ thống bệnh viện và trường học, đồng thời chuẩn hóa trải nghiệm VietQR trong các điểm chạm dịch vụ công.
- Bảo mật và phòng chống gian lận: Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và NAPAS triển khai thử nghiệm SIMO – hệ thống cảnh báo theo thời gian thực, giúp phát hiện tài khoản nhận đáng ngờ trước khi giao dịch được thực hiện.
- Tích hợp định danh số quốc gia: Kết nối thanh toán với hệ thống định danh điện tử VNeID thông qua hợp tác với Bộ Công an, cho phép triển khai các dịch vụ thanh toán gắn với danh tính người dùng.



Năm 2025 đánh dấu một bước chuyển quan trọng của Zalopay khi lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ đồng doanh thu, với tăng trưởng mạnh cả về người dùng và mức độ sử dụng dịch vụ.

Điều này cho thấy chúng tôi không chỉ mở rộng quy mô, mà đang dần xây dựng được một nền tảng tài chính được tin cậy và đem lại giá trị cho hàng triệu người dùng.



Bà Lê Lan Chi

Tổng giám đốc Zalopay



Vị thế thị trường và môi trường vận hành

Thị trường thanh toán số tại Việt Nam đạt khoảng 178 tỷ USD tổng giá trị giao dịch (GTV) trong năm 2025, với trọng tâm chuyển dần sang các dịch vụ tài chính được tích hợp trong các hệ sinh thái số. Trong bối cảnh các ứng dụng ngân hàng số đang thu hẹp khoảng cách về các chức năng thanh toán cơ bản, lợi thế cạnh tranh của Zalopay nằm ở độ phủ tích hợp rộng—trong Zalo, trong dịch vụ công và ngày càng mở rộng tại điểm thanh toán của doanh nghiệp. Tỷ lệ thâm nhập ví điện tử đạt 62% là nền tảng để tiếp tục mở rộng trong dài hạn.

Các yếu tố cần lưu ý

Chi phí chuyển đổi giữa các ứng dụng thanh toán tại Việt Nam ở mức thấp, người dùng thường sử dụng nhiều ứng dụng song song và dễ dàng chuyển đổi. Do đó, khả năng giữ chân dài hạn phụ thuộc vào việc các sản phẩm tài chính mở rộng từ thanh toán—như cho vay, đầu tư và bảo hiểm—có đủ giá trị để người dùng tiếp tục lựa chọn sử dụng nền tảng hay không.

Nguồn: Báo cáo e-Conomy SEA 2025 (Google, Temasek, Bain & Company); ASEAN+3 Macroeconomic Research Office; ASEAN Consumer Sentiment Study 2025.

Thành tích nổi bật

Ưu tiên chiến lược năm 2026

- Tiếp tục siết chặt mô hình vận hành nhằm hướng tới điểm hòa vốn, với nguồn lực tập trung vào các dịch vụ tài chính có biên lợi nhuận cao hơn và hạ tầng thanh toán doanh nghiệp thay vì các chương trình khuyến khích người dùng.
- Ứng dụng AI để cá nhân hóa lớp dịch vụ tài chính, gia tăng mức độ gắn kết trên danh mục 8 sản phẩm tài chính bằng cách cung cấp đúng sản phẩm cho đúng người dùng vào đúng thời điểm.

1

TOP 10 DOANH NGHIỆP ĐMST & KINH DOANH HIỆU QUẢ 2025 (VIE10)
VIET RESEARCH PHỐI HỢP VỚI BÁO TÀI CHÍNH - ĐẦU TƯ (BỘ TÀI CHÍNH)

2

TOP CÔNG NGHIỆP 4.0 VIỆT NAM 2025
INDUSTRY 4.0 AWARDS VIETNAM

3

SAO KHUÊ 2025 (ZALOPAY POD - THANH TOÁN KHI NHẬN HÀNG)
VINASA

4

HẠNG VÀNG "THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU NĂM 2025"
HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG NAPAS

5

GIẢI "TIỀN PHONG TRONG SÁNG KIẾN THANH TOÁN XUYÊN BIÊN GIỚI"
VISA VIETNAM CLIENT FORUM 2025

6

GIẢI "TIỀN PHONG XÂY DỰNG VÍ ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP ĐA DỊCH VỤ"
MASTERCARD CUSTOMER FORUM 2025

Zalopay



Nền tảng AI Cloud của Việt Nam, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước bước vào kỷ nguyên AI mà không phụ thuộc vào các hyperscaler nước ngoài.

Tổng quan

Doanh thu tăng 57% lên 774 tỷ đồng, dịch vụ GPU Cloud tăng 64%. Một chỉ số nổi bật trong kỳ là tỷ lệ duy trì và mở rộng doanh thu (NRR) đạt 123%, cho thấy tập khách hàng hiện hữu đã gia tăng chi tiêu gần 25% so với cùng kỳ, phản ánh vai trò thiết yếu của hạ tầng và khả năng mở rộng cùng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

Tiến triển chiến lược

Năm 2025 đánh dấu bước trưởng thành của GreenNode. Quyết định quan trọng nhất là hợp nhất thương hiệu VNG Cloud và GreenNode thành một nền tảng AI Cloud thống nhất, với một lộ trình sản phẩm và chiến lược thị trường chung. Hai thương hiệu từng phù hợp với các giai đoạn phát triển khác nhau, nhưng một nền tảng tích hợp là điều khách hàng doanh nghiệp thực sự cần. Cơ sở của quyết định này rõ ràng: các ngân hàng, doanh nghiệp bán lẻ và cơ quan nhà nước tại Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên AI cùng thời điểm với thế giới, và họ cần một hạ tầng vận hành trên lãnh thổ Việt Nam, tuân thủ pháp luật trong nước và được đội ngũ am hiểu thị trường hỗ trợ. GreenNode đã xây dựng nền tảng đó—from hạ tầng đến các ứng dụng như GreenMind và IDP—và thị trường đã phản hồi tích cực. Doanh thu từ khối ngân hàng và dịch vụ tài chính tăng 72% so với cùng kỳ, bán lẻ tăng 49%, và NRR đạt 123%. Đây không còn là các thử nghiệm ban đầu, mà là AI doanh nghiệp đang vận hành ở quy mô thực tế.

Bảng chỉ số tài chính và vận hành

CHỈ SỐ	2024	2025
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)	495	774 (+57% YoY)
Tăng trưởng doanh thu GPU Cloud	—	+64% YoY
Tăng trưởng doanh thu Cloud	+10% YoY	+22% YoY
Net Revenue Retention (NRR)	103%	123%
Phân khúc khách hàng giá trị cao (MRR>500 USD)	—	+64% YoY
Tỷ lệ LTV:CAC	3,1x	3,1x



Các sáng kiến trọng điểm triển khai trong năm 2025 bao gồm:

- Phân khúc BFSI: Tập trung vào khối Ngân hàng, Dịch vụ tài chính và Bảo hiểm (BFSI), cung cấp các giải pháp chuyên biệt cho doanh nghiệp có yêu cầu cao về bảo mật, tuân thủ và lưu trữ hiệu năng cao.
- Hạ tầng khu vực và chủ quyền dữ liệu: Vận hành 5 vùng khả dụng (Availability Zones) tại TP.HCM, Hà Nội và Bangkok, đảm độ dự phòng cấp doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu chủ quyền dữ liệu cho khách hàng hoạt động tại Đông Nam Á.
- Khai thác hệ sinh thái: Triển khai chiến lược “land and expand”, mở rộng giá trị trên tập khách hàng hiện hữu thông qua bán chéo các lớp trong AI Cloud stack, đạt NRR 123% và gia tăng mức sử dụng tài nguyên tính toán trên mỗi khách hàng.
- Thúc đẩy hệ sinh thái AI: Phát triển các nền tảng GreenMind và IDP nhằm nâng cao năng lực AI tự chủ của Việt Nam, đồng thời xây dựng cộng đồng thông qua chia sẻ kiến thức và các hoạt động kỹ thuật



Ông Vũ Thanh Tùng
Tổng giám đốc GreenNode

VNG Group đặt AI-first làm kim chỉ nam, và GreenNode được xây dựng để hiện thực hóa tầm nhìn đó từ lớp hạ tầng và nền tảng AI. Chúng tôi tin rằng Việt Nam xứng đáng có một hạ tầng AI của riêng mình: chủ quyền dữ liệu, chuẩn mực quốc tế, đủ ổn định và linh hoạt để phục vụ những bài toán thực của doanh nghiệp, và hơn hết đủ mạnh để doanh nghiệp Việt bước vào kỷ nguyên AI mà không phụ thuộc vào bất kỳ đám mây nước ngoài nào.

Đó là lý do GreenNode tồn tại.

Vị thế thị trường và môi trường vận hành

Việt Nam xếp hạng 6/40 quốc gia trong World AI Index 2025, và việc ứng dụng AI trong doanh nghiệp đã chuyển từ giai đoạn thử nghiệm sang triển khai thực tế – riêng năm 2024 có khoảng 47.000 doanh nghiệp đưa AI vào vận hành. Đồng thời, các sự cố gần đây của các hyperscaler toàn cầu đã đưa vấn đề chủ quyền dữ liệu và đa dạng hóa nhà cung cấp lên ưu tiên cấp lãnh đạo. Với vị thế là nhà cung cấp nội địa duy nhất cung cấp nền tảng Cloud-to-AI full-stack có chủ quyền cùng SLA cấp doanh nghiệp, GreenNode trở thành đối tác chiến lược cho các tổ chức muốn giảm thiểu rủi ro hạ tầng toàn cầu và đẩy nhanh lộ trình AI.

Các yếu tố cần lưu ý

Rào cản tăng trưởng chính là sự thiếu hụt nhân lực AI cấp cao tại Việt Nam. Dù mỗi năm có khoảng 60.000 cử nhân CNTT, nguồn nhân lực có kinh nghiệm thực tiễn với các công nghệ AI tiên tiến vẫn hạn chế, tạo ra thị trường lao động cạnh tranh cao. Bên cạnh đó, lộ trình phần cứng vẫn phụ thuộc vào nguồn cung GPU toàn cầu. Bất kỳ gián đoạn nào—do kiểm soát xuất khẩu, biến động địa chính trị hoặc áp lực chi phí—đều có thể ảnh hưởng đến cấu trúc chi phí và khả năng mở rộng. Công ty đang giảm thiểu rủi ro thông qua đa dạng hóa nguồn cung và đầu tư phát triển nhân lực nội bộ.

Nguồn: Quyết định 74/9, Quyết định 94/2, Quyết định 81/0 Ngân hàng Nhà nước; Vietnam Data Center & Cloud Computing Report 2024.

Ưu tiên chiến lược năm 2026

- Tăng trưởng 112% doanh thu cloud liên quan đến AI và 39% doanh thu cloud từ khách hàng bên ngoài, đồng thời duy trì NRR trên 120%.
- Ra mắt AgentBase – nền tảng AI agent cho doanh nghiệp, mở rộng vai trò của GreenNode từ nhà cung cấp hạ tầng sang lớp nền tảng nơi doanh nghiệp xây dựng và vận hành các quy trình tự động hóa.

1

MÔ HÌNH SUY LUẬN LLM TIẾNG VIỆT MÃ NGUỒN MỞ ĐẦU TIÊN (GREENMIND)

NVIDIA NIM

2

TOP 3 DOANH NGHIỆP AI XUẤT SẮC

AI AWARDS 2025

3

TOP 3 GIẢI PHÁP AI XUẤT SẮC (AI STACK)

AI AWARDS 2025

4

SOC 2 TYPE 1 VÀ SOC 2 TYPE 2



Báo cáo Quản trị

25 Mô hình kinh doanh

27 Thảo luận và phân tích của Ban Tổng giám đốc

30 Các chỉ số hoạt động chính

31 Chiến lược quản trị rủi ro

32 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn

32 Mục tiêu tài chính năm 2026

Mô hình tạo doanh thu và các động lực tăng trưởng chủ yếu của VNG



Năm 2025 là một năm bản lề của VNG, với năng lực triển khai mạnh mẽ và kỷ luật tài chính được duy trì xuyên suốt, qua đó cải thiện rõ rệt hiệu quả hoạt động. Chúng tôi ghi nhận kết quả tài chính tốt nhất từ trước đến nay, với doanh thu thuần đạt gần 11 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh đạt 856 tỷ đồng, đều là những mức cao kỷ lục. Điều đáng khích lệ là kết quả tích cực này được ghi nhận trên toàn Tập đoàn, cho thấy rõ hiệu quả của chiến lược đa dạng hóa, tinh bền vững và sức mạnh hiệp lực giữa các đơn vị. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đạt 1.836 tỷ đồng, hơn gấp đôi so với năm trước, nâng số dư tiền mặt lên 4.806 tỷ đồng và tiếp tục củng cố bảng cân đối kế toán của chúng tôi.

Đối với từng mảng kinh doanh, chúng tôi đang ở vị thế thuận lợi với các chiến lược rõ ràng và lộ trình triển khai cụ thể, cùng nền tảng tài chính vững mạnh. Đây là cơ sở để VNG tiếp tục tận dụng đà tăng trưởng và những thành quả đạt được trong năm 2025, hướng tới tăng trưởng bền vững và hiệu quả trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Bốn đơn vị kinh doanh của chúng tôi cùng chia sẻ một mục tiêu chiến lược thống nhất: thúc đẩy doanh thu chất lượng cao thông qua việc gia tăng mức độ tương tác của người dùng, đa dạng hóa các kênh phân phối và mở rộng sự hiện diện tại các thị trường quốc tế. Trong suốt năm 2025, việc chủ động chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang các dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) có biên lợi nhuận cao, các sản phẩm tài chính tích hợp và hạ tầng AI Cloud cho doanh nghiệp đã thúc đẩy rõ hơn đòn bẩy hoạt động như trình bày tại trang 26.

Tập đoàn VNG vận hành bốn mảng kinh doanh tạo doanh thu chủ lực, mỗi mảng có mô hình tạo doanh thu riêng biệt, cùng nhau hình thành một trong những hệ sinh thái số đa dạng nhất tại Việt Nam. Bảng dưới đây trình bày mô hình doanh thu và các động lực vận hành chủ yếu theo từng mảng.

Mô hình doanh thu theo từng mảng

MẢNG KINH DOANH



Games & Entertainment



Zalo & AI



Zalopay



GreenNode

CÁCH TẠO DOANH THU

Các tựa game miễn phí (free-to-play) được tạo doanh thu thông qua bán vật phẩm ảo trong game (vật phẩm tiêu hao và vật phẩm sử dụng lâu dài). Thanh toán được xử lý qua các cửa hàng ứng dụng (Apple, Google), các trung gian thanh toán (Zalopay), nền tảng trực tuyến và thẻ trả trước.

Ba trụ cột doanh thu: (i) Dịch vụ giá trị gia tăng (zBusiness, zCloud, zStyle, Zing MP3); (ii) Giải pháp doanh nghiệp (Official Accounts, Mini Apps, ZNS tính phí theo mỗi tin nhắn); (iii) Quảng cáo trên các nền tảng nhắn tin, bảng tin, video, Báo Mới và Zing MP3, được hỗ trợ bởi Adtima.

Hoa hồng trên tổng giá trị giao dịch được xử lý qua ví Zalopay, cổng thanh toán hoặc mã QR đa năng. Nhóm dịch vụ tài chính có biên lợi nhuận cao hơn bao gồm cho vay (mua trước – trả sau, vay tiền mặt, vay trả góp) và sản phẩm đầu tư (giao dịch chứng khoán, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ quỹ).

Hạ tầng AI Cloud cho doanh nghiệp, tính phí theo mô hình thuê bao hoặc theo mức sử dụng trên các dịch vụ Cloud và AI. Tập khách hàng B2B trải dài trên các lĩnh vực Ngân hàng – Dịch vụ tài chính – Bảo hiểm (BFSI), Bán lẻ và khu vực công, với hạ tầng tích hợp theo chiều dọc (trung tâm dữ liệu Tier-3, cụm NVIDIA H100), nền tảng AI và các ứng dụng (GreenMind, AgentBase).

ĐỘNG LỰC CHỦ YẾU

Quy mô người dùng hoạt động và người dùng trả phí, mức độ tương tác, lộ trình ra mắt tựa game mới, hiệu quả của danh mục game chủ lực, và tốc độ mở rộng quốc tế.

Quy mô và mức độ tương tác của khoảng 80 triệu người dùng hoạt động hàng tháng (MAU); VAS và Giải pháp doanh nghiệp hiện đã vượt Quảng cáo trong cơ cấu doanh thu, qua đó giảm mức độ phụ thuộc theo chu kỳ.

Số lượng người dùng hoạt động, mạng lưới đối tác chấp nhận thanh toán, mở rộng kịch bản sử dụng.

Thu hút và duy trì các khách hàng doanh nghiệp, ra mắt các sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến và mở rộng các giải pháp hiện có, cũng như thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với khách hàng.

GHI NHẬN DOANH THU

Vật phẩm tiêu hao được ghi nhận tại thời điểm cung cấp; vật phẩm sử dụng lâu dài được ghi nhận trong suốt vòng đời chơi ước tính. Ghi nhận theo giá trị gộp đối với cửa hàng ứng dụng/trung gian thanh toán; ghi nhận theo giá trị thuần đối với thẻ trả trước/đại lý.

VAS được ghi nhận trong suốt kỳ thuê bao; Giải pháp doanh nghiệp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp thành công; Quảng cáo được ghi nhận theo cơ chế đấu giá/hiệu suất.

Hoa hồng và phí được ghi nhận khi giao dịch hoàn tất. Doanh thu dịch vụ tài chính phát sinh từ người dùng và đối tác dưới hình thức hoa hồng trên giá trị giao dịch hoặc phí cố định.

Doanh thu thuê bao được ghi nhận trong suốt thời hạn dịch vụ; doanh thu Cloud theo mức sử dụng được ghi nhận dựa trên mức sử dụng thực tế.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

Năm yếu tố vận hành dưới đây là động lực chi phối kết quả hoạt động trên tất cả các mảng. Tác động định lượng của các yếu tố này được trình bày chi tiết trong phần Thảo luận và Phân tích của Ban Tổng giám đốc (TL&PT) ở các mục tiếp theo.



Các yếu tố vận hành chủ yếu

Cơ sở người dùng, tăng trưởng và mức độ tương tác

Tăng trưởng doanh thu có mối tương quan trực tiếp với quy mô và mức độ tương tác của người dùng hoạt động trên các mảng Games, Zalo, Zalopay và GreenNode. Trong khi chúng tôi liên tục tối ưu hóa khả năng giữ chân người dùng và giá trị vòng đời khách hàng (LTV), chúng tôi cũng chủ động quản lý các áp lực từ chi phí thu hút khách hàng (CAC) gia tăng và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.

Triển khai các chiến lược tăng trưởng

Kết quả tài chính vượt kỳ vọng phụ thuộc vào việc triển khai một cách kỷ luật các hoạt động phát triển sản phẩm, phân phối nội dung và mở rộng thị trường. Các yếu tố thúc đẩy chính bao gồm việc phát hành đúng tiến độ, chất lượng cao các tựa game trong danh mục Games và việc nhanh chóng triển khai các kịch bản sử dụng mới trong lĩnh vực fintech phù hợp với khung pháp lý đang thay đổi.

Quản lý chi phí và chi tiêu

Các khoản chi chủ yếu bao gồm chi phí nhân sự, bản quyền nội dung, phí phân phối nền tảng (Apple/Google) và chi phí vận hành hạ tầng. Chúng tôi duy trì kỷ luật kiểm soát chi phí nghiêm ngặt, đồng thời tiếp tục đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trọng yếu, có tỷ suất lợi nhuận đầu tư (ROI) cao trong lĩnh vực AI và hạ tầng dữ liệu nhằm bảo đảm tăng trưởng cấu trúc dài hạn.

Quan hệ đối tác chiến lược

Các liên minh với các nhà phát hành game toàn cầu, các tổ chức tài chính Tier-1 và các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu như NVIDIA đóng vai trò thiết yếu trong việc rút ngắn chu kỳ nghiên cứu và phát triển, mở rộng năng lực của chúng tôi và giảm thiểu rủi ro của các dự án mới. Thành công bền vững đòi hỏi sự phối hợp vận hành chặt chẽ và kỷ luật triển khai.

Quản lý nhân sự và chi phí lao động

Cạnh tranh trong việc thu hút nhân tài chuyên sâu về AI, điện toán đám mây và kỹ thuật sản phẩm tạo áp lực tăng lên chi phí đãi ngộ. Chúng tôi giảm thiểu các chi phí này thông qua việc nâng cao hiệu quả năng suất, tận dụng nguồn lực thuê ngoài ở nước ngoài và duy trì tuân thủ nghiêm ngặt các quy định lao động pháp định.

Thảo luận và Phân tích của Ban Tổng giám đốc về kết quả tài chính

Bảng dưới đây trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 2024.

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tỷ đồng	2025	2024
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.894	9.273
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.889)	(5.847)
Lợi nhuận gộp	4.005	3.426
Doanh thu tài chính	213	158
Chi phí tài chính	(193)	(177)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(138)	(145)
Lỗ từ công ty liên kết	(94)	(392)
Chi phí bán hàng	(2.558)	(1.971)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.318)	(1.330)
Lợi nhuận / (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	57	(286)
Lỗ khác	(178)	(449)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(121)	(735)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(131)	(80)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(74)	(365)
Lỗ sau thuế TNDN	(326)	(1.180)

Doanh thu thuần

Doanh thu thuần tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, đạt 10.894 tỷ đồng, nhờ tăng trưởng trên diện rộng ở cả bốn mảng kinh doanh cốt lõi. Kết quả này cho thấy khả năng chống chịu của cơ cấu kinh doanh đa dạng và giảm sự phụ thuộc vào bất kỳ nguồn doanh thu đơn lẻ nào.

Doanh thu theo mảng kinh doanh

Doanh thu theo mảng (tỷ đồng)	2025	2024
Games & Entertainment	7.054	6.504
Zalo & AI	1.718	1.248
Fintech (Zalopay)	1.111	754
GreenNode	774	495
Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	238	272
Hợp nhất	10.894	9.273

Mảng Games & Entertainment đóng góp 65% doanh thu hợp nhất, đạt mức tăng trưởng 8% so với cùng kỳ năm trước nhờ danh mục game chủ lực đã được khẳng định và việc ra mắt thành công các tựa game mới. Mảng Zalo & AI tăng 38%, được thúc đẩy bởi hoạt động tạo doanh thu từ Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) mạnh mẽ và đã triển khai Giải pháp doanh nghiệp ngày càng mở rộng trên nền tảng gần 80 triệu người dùng hoạt động hằng tháng (MAU). Mảng Zalopay tăng mạnh 47%, dẫn dắt bởi khối lượng thanh toán cốt lõi duy trì ổn định và việc mở rộng thành công các sản phẩm cho vay và đầu tư có biên lợi nhuận cao hơn. Mảng GreenNode tăng 57%, được thúc đẩy bởi đã tiếp nhận nhanh dịch vụ GPU-as-a-Service cho các tác vụ AI của doanh nghiệp.





Chi phí, biên lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tăng 18% so với cùng kỳ năm trước, đạt 6.889 tỷ đồng, phù hợp với tốc độ tăng doanh thu, phản ánh chi phí bản quyền, phí phân phối trả cho Google và Apple, chi phí nhân sự cao hơn và chi phí khấu hao máy chủ AI tại GreenNode.

Lợi nhuận gộp tăng 17%, đạt 4.005 tỷ đồng; biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định ở mức 37%.

Doanh thu tài chính tăng 35%, đạt 213 tỷ đồng nhờ lãi từ việc thoái vốn VNG Solutions, Ecotruck, VRC Vietnam và VRC Singapore, cùng với thu nhập lãi cao hơn.

Chi phí tài chính tăng 9%, đạt 193 tỷ đồng, chủ yếu do các khoản dự phòng cho đầu tư dài hạn và ghi giảm giá trị đầu tư (VNG Technologies, Victoria Shanghai); phần lớn mang tính một lần.

Phần lỗ từ các công ty liên kết thu hẹp 76% còn 94 tỷ đồng, nhờ mức trích lập suy giảm thấp hơn và đóng góp từ liên doanh NCV.

Chi phí bán hàng tăng 30%, đạt 2.558 tỷ đồng (23% doanh thu so với 21% năm 2024), phản ánh các khoản đầu tư cho thu hút người dùng mới và xây dựng thương hiệu, cùng với phí hoa hồng cao hơn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp nhìn chung đi ngang ở mức 1.318 tỷ đồng, giảm xuống còn 12% doanh thu so với 14% năm trước; đòn bẩy hoạt động ngày càng rõ nét.

Lỗ khác thuần ở mức 178 tỷ đồng, cải thiện 60% so với cùng kỳ năm trước nhờ các khoản trích lập dự phòng thấp hơn.

Lỗ sau thuế thu hẹp 72% còn 326 tỷ đồng; lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chuyển từ mức lỗ 286 tỷ đồng sang lãi 57 tỷ đồng.

Thanh khoản và Dòng tiền

Tập đoàn duy trì vị thế thanh khoản vững mạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, được hỗ trợ bởi dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cải thiện và kỷ luật trong phân bổ vốn. Vị thế tiền mặt ròng tăng lên 3.337 tỷ đồng, hơn gấp đôi so với năm 2024.

Các chỉ số tài chính ngoài khuôn khổ GAAP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
	2025 (tỷ VNĐ)	2024 (tỷ VNĐ)
Tiền mặt ròng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.806	2.743
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	926	60
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	0	823
Tổng tiền, tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.732	3.627
Vay ngắn hạn	(1.296)	(755)
Vay dài hạn	(1.098)	(1.249)
Tổng vay nợ	(2.394)	(2.004)
Tiền ròng	3.337	1.623
Tóm tắt báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.836	843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(234)	(2.459)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	452	516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.054	(1.100)

Ghi chú: Các con số có thể không khớp chính xác do làm tròn.

Tổng dư nợ vay tăng lên 2.394 tỷ đồng, chủ yếu do các hạn mức vay ngắn hạn tại MSB phục vụ vốn lưu động tăng lên, được bù trừ một phần bởi các khoản trả nợ dài hạn theo lịch. Các khoản vay dài hạn liên quan đến MSB (trung tâm dữ liệu), Vietcombank (máy chủ và thiết bị) và Deutsche Bank (máy chủ AI GPU cho GreenNode).

Ngoài báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), chúng tôi công bố hai chỉ số ngoài khuôn khổ GAAP: tổng số tiền người chơi chi trong kỳ cho mảng Games & Entertainment (Games bookings) và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh (Adjusted Operating Profit). Chỉ số bookings phản ánh số tiền người chơi thực chi trong kỳ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh được xác định bằng cách loại bỏ ảnh hưởng của doanh thu chưa thực hiện của mảng Games & Entertainment, các chi phí liên quan và các khoản mục không thuộc hoạt động kinh doanh chính. Cả hai chỉ số đều chưa được kiểm toán và mang tính bổ sung, không thay thế cho các chỉ số theo GAAP.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12		
	2025 (tỷ VNĐ)	2024 (tỷ VNĐ)
Tổng bookings cho mảng Trò chơi trực tuyến	8.162	7.233
Tổng bookings thị trường quốc tế cho mảng Trò chơi trực tuyến	1.434	1.639
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh	856	302
Biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh	8%	3%

Tổng bookings cho mảng Games & Entertainment tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, đạt 8.162 tỷ đồng, nhờ đóng góp từ các tựa game chủ lực (PUBG Mobile, Play Together) và các tựa game mới ra mắt (MU Angel War, Ballistic Hero). Bookings thị trường quốc tế giảm nhẹ do kết quả hoạt động thấp hơn tại một số thị trường nước ngoài. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau điều chỉnh tăng gần ba lần, đạt 856 tỷ đồng, với biên lợi nhuận mở rộng từ 3% lên 8%, phản ánh đòn bẩy hoạt động rõ nét, kỷ luật kiểm soát chi phí và khả năng tạo doanh thu được cải thiện.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
Chỉ tiêu	2025 (tỷ VNĐ)	2024 (tỷ VNĐ)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,9	0,7
Hệ số thanh toán nhanh	0,9	0,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,2	0,2
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	2,7	1,8
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
Vòng quay hàng tồn kho	100,7	89,6
Vòng quay tổng tài sản	1,0	1,0
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	(3,0%)	(12,7%)
Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE)	(36,6%)	(106,5%)
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	(2,9%)	(12,5%)
Tỷ suất sinh lời từ hoạt động kinh doanh	0,5%	(3,1%)

Các chỉ số thanh khoản cải thiện lên 0,9 lần từ 0,7 lần; tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản duy trì ổn định ở mức 0,2 lần. Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng lên 2,7 lần từ 1,8 lần, phản ánh dư nợ vay cao hơn và biến động của vốn chủ sở hữu. Các chỉ số khả năng sinh lời cải thiện đáng kể: biên lợi nhuận sau thuế (PAT) thu hẹp còn (3,0%) từ (12,7%); ROA và ROE cải thiện nhờ lỗ ròng thu hẹp; biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chuyển sang mức dương, phù hợp với tăng trưởng doanh thu mạnh hơn, hiệu quả kiểm soát chi phí và đòn bẩy hoạt động khi các khoản đầu tư trước đây bắt đầu đóng góp vào kết quả.



Phân tích kết quả hoạt động theo từng mảng kinh doanh

Các chỉ số hoạt động dưới đây được sử dụng để bổ trợ, không thay thế cho các kết quả tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS).

Trò chơi trực tuyến

Các chỉ số hoạt động theo quý của mảng Trò chơi trực tuyến

Đơn vị: triệu	Q1.24	Q2.24	Q3.24	Q4.24	Q1.25	Q2.25	Q3.25	Q4.25
QAU ¹	76,2	77,2	77,3	66,5	59,2	58,6	56,3	55,0
QPU ²	2,9	3,0	3,1	2,1	2,1	2,5	2,8	3,0
Tỷ lệ người chơi trả phí ³	3,8%	3,9%	4,0%	3,2%	3,6%	4,3%	4,9%	5,5%

Trong năm 2025, chúng tôi đã chủ động chuyển dịch trọng tâm chiến lược từ tối đa hóa quy mô người dùng trên diện rộng sang nâng cao chất lượng chuyển đổi doanh thu. Kết quả của việc chuyển dịch này là QAU giảm về 55,0 triệu vào Quý 4 năm 2025, so với 66,5 triệu vào Quý 4 năm 2024. Ngược lại, tỷ lệ người chơi trả phí tăng liên tục qua các quý trong năm, đạt 4,6%, tăng từ mức 3,7% của năm trước, qua đó hỗ trợ QPU phục hồi lên 3,0 triệu. Kết quả này khẳng định tính đúng đắn của chiến lược: xây dựng một tệp người dùng trả phí có mức độ gắn bó cao hơn, qua đó tạo ra giá trị lớn hơn đáng kể trên mỗi người dùng. Về yếu tố mùa vụ, hoạt động trên nền tảng thường mạnh nhất trong Quý 2 và Quý 3, trong khi Quý 1 và Quý 4 thường ghi nhận mức độ tương tác thấp hơn do biến động trong chi tiêu không thiết yếu và mức độ tham gia các hoạt động ngoài đời thực xoay quanh dịp Tết Nguyên đán.

Zalopay

Tổng giá trị thanh toán (TPV) tăng mạnh 76% so với cùng kỳ năm trước trong năm 2025, được thúc đẩy chủ yếu bởi tốc độ tiếp nhận nhanh của VietQR, với TPV từ VietQR tăng 226% so với cùng kỳ. Nhờ tận dụng khung liên thông của VietQR (cho phép một mã QR duy nhất được chấp nhận trên hầu hết các ứng dụng ngân hàng lớn và ví điện tử), chúng tôi đã giúp đơn giản hóa đáng kể trải nghiệm thanh toán và giảm ma sát trong quá trình giao dịch. Theo đó, số lượng người dùng hoạt động tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng tự nhiên này củng cố mạng lưới tích hợp đối tác chấp nhận thanh toán ngày càng mở rộng và tính hữu ích ngày càng cao của nền tảng trong các giao dịch hằng ngày.

Zalo & AI

Các chỉ số hoạt động theo quý của mảng Zalo & AI

Đơn vị: triệu	Q1.24	Q2.24	Q3.24	Q4.24	Q1.25	Q2.25	Q3.25	Q4.25
MAU ⁴	76,6	76,5	77,6	77,7	77,7	78,1	79,2	79,6
Số tin nhắn gửi đi mỗi ngày ⁵	1.848	1.918	1.966	1.944	1.945	2.029	2.084	2.105

MAU tăng trưởng ổn định trong năm 2025, đạt 79,6 triệu người dùng vào Quý 4, với số tin nhắn gửi đi mỗi ngày vượt 2,1 tỷ. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng của số tin nhắn hằng ngày vượt tốc độ tăng MAU, cho thấy cường độ sử dụng và mức độ gắn bó của người dùng với nền tảng đều tăng đáng kể. Đà tăng trưởng bền bỉ này phản ánh việc liên tục nâng cấp sản phẩm, độ phủ theo các nhóm nhân khẩu học ngày càng sâu rộng, và vị thế vững chắc của Zalo với vai trò là hạ tầng liên lạc số chủ đạo tại Việt Nam.



Quản trị rủi ro

Khung Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) của Tập đoàn VNG vận hành theo ba lớp: Hội đồng Quản trị (được giám sát bởi Ban Kiểm soát) thiết lập khẩu vị rủi ro và rà soát chính sách; các Đơn vị Kinh doanh sở hữu và quản lý các rủi ro đặc thù theo mảng; Bộ phận ERM tổng hợp, xếp hạng mức độ ưu tiên và báo cáo rủi ro ở cấp toàn doanh nghiệp. Quy trình năm bước (Nhận diện → Đánh giá → Giám sát và Xếp hạng mức độ ưu tiên → Giảm thiểu và Kiểm soát → Giám sát và Báo cáo) được áp dụng nhất quán trên tất cả các mảng. Phần dưới đây trình bày các rủi ro trọng yếu nhất theo từng mảng.

Mảng kinh doanh	Rủi ro trọng yếu	Biện pháp giảm thiểu chủ yếu
Games & Entertainment	Rủi ro tập trung và pháp lý: Doanh thu tập trung cao ở một số tựa game chủ lực (PUBG Mobile, Play Together) và phụ thuộc vào các mối quan hệ phát hành trọng yếu (Tencent, NCSoft). Các diễn biến về quy định pháp lý toàn cầu tác động đến mô hình doanh thu trò chơi trực tuyến có thể ảnh hưởng đến hiệu quả doanh thu trong trung hạn.	Đa dạng hóa danh mục và tài sản trí tuệ (IP): Đa dạng hóa lộ trình phát triển sản phẩm thông qua liên doanh NCV và các kênh trực tiếp đến người dùng (Direct-to-Consumer – DTC); mở rộng quy mô của các IP thuộc sở hữu ZingPlay tại các thị trường toàn cầu; triển khai hoạt động giám sát pháp lý chủ động trên phạm vi toàn cầu.
Zalo & AI	Rủi ro tuân thủ và chu kỳ: Chịu tác động từ các khung pháp lý đang hoàn thiện về quyền riêng tư dữ liệu và kiểm duyệt nội dung tại Việt Nam. Vẫn chịu ảnh hưởng từ tính chu kỳ của chi tiêu quảng cáo theo bối cảnh kinh tế vĩ mô.	Củng cố doanh thu và an ninh: Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang VAS thuê bao và Giải pháp doanh nghiệp để ổn định dòng doanh thu; duy trì tuân thủ nghiêm ngặt (SOC, ISO, Vietnam Data Shield); bổ nhiệm Cán bộ Bảo vệ dữ liệu (DPO) chuyên trách; chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý.
Zalopay	Rủi ro chính sách và biên lợi nhuận: Chịu tác động từ các điều chỉnh chính sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) liên quan đến ví điện tử, mua trước – trả sau (BNPL) và phí liên ngân hàng. Các giới hạn pháp lý tiềm ẩn đối với hoạt động cho vay hoặc cơ cấu phí có thể tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận của mảng.	Kỷ luật thẩm định: Tuân thủ nghiêm ngặt ở cấp sản phẩm và thẩm định tín dụng thận trọng; chủ động đối thoại với cơ quan quản lý; đẩy nhanh đa dạng hóa trên cả mảng thanh toán và các dòng dịch vụ tài chính có biên lợi nhuận cao hơn.
GreenNode	Rủi ro chuỗi cung ứng và cạnh tranh: Các ràng buộc trong chuỗi cung ứng GPU toàn cầu và yêu cầu chi đầu tư vốn lớn. Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp hyperscaler toàn cầu, cùng với việc doanh thu tập trung ở các hợp đồng doanh nghiệp giai đoạn đầu.	Hạ tầng và mở rộng: Triển khai chiến lược mua sắm đa nhà cung cấp; thúc đẩy giữ chân khách hàng thông qua bán chéo có giá trị cao (NRR 123%); đào sâu chuyên môn hóa theo ngành trong BFSI và Bán lẻ; đẩy nhanh mở rộng khu vực thông qua Hạ tầng Điện toán đám mây AI tại Thái Lan.
Cấp Tập đoàn	Rủi ro kinh tế vĩ mô, an ninh mạng và nhân sự: Chịu tác động từ biến động tỷ giá và lãi suất đối với các hạn mức tín dụng bằng USD (MSB, VCB, Deutsche Bank). Bối cảnh đe dọa an ninh mạng ngày càng phức tạp và cạnh tranh gay gắt trong khu vực đối với nhân sự công nghệ chuyên sâu.	Ngân quỹ và năng lực vận hành: Chủ động quản trị rủi ro tài chính thông qua công tác ngân quỹ và duy trì dự phòng thanh khoản vững chắc; triển khai khung an ninh toàn diện (SOC 2 Type I/II, ISO); áp dụng cơ cấu đãi ngộ cạnh tranh và các chương trình hợp tác chiến lược với các trường đại học để xây dựng nguồn nhân tài.

Rủi ro phát sinh. Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào trí tuệ nhân tạo (AI), chiến lược mở rộng quốc tế và các kỳ vọng ngày càng cao về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đặt ra các rủi ro mới trong lĩnh vực đạo đức AI, luân chuyển dữ liệu xuyên biên giới và sự không chắc chắn về pháp lý. Các rủi ro này đang được xử lý thông qua việc cập nhật chính sách quản trị, các đánh giá rủi ro có trọng tâm và các sáng kiến phát triển bền vững.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn, Hội đồng Quản trị đã giám sát Tổng Giám đốc và các Người Quản lý khác trong năm 2025 trên bốn nội dung: kế hoạch đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh; việc lập và trình bày báo cáo tài chính; hoạch định nguồn nhân lực; và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động giám sát được thực hiện thông qua các cuộc họp Hội đồng Quản trị, trao đổi thư điện tử, họp trực tuyến và tiếp xúc trực tiếp, nhằm đảm bảo việc giám sát kịp thời và phù hợp.

Kết quả giám sát

- Tổng Giám đốc và các Người Quản lý đã thực hiện công việc trong phạm vi thẩm quyền và phù hợp với các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Báo cáo tài chính quý và bán niên đã được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Đánh giá đầy đủ của Hội đồng Quản trị, bao gồm danh mục giám sát chi tiết, hiện được trình bày tại Phụ lục Quản trị.

Mục tiêu tài chính 2026

Chỉ số	Tăng trưởng 2026 (YoY)
Tổng bookings	10% - 20%
Doanh thu thuần	15% - 25%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD sau điều chỉnh	15% - 30%

Báo cáo Tác động

Con người là nền tảng

Công nghệ là lời giải

Con người là nền tảng

Phát triển bền vững từ nội lực

Với VNG, Con người luôn là yếu tố trung tâm trong hành trình phát triển bền vững. Đây không phải là một cam kết mang tính tuyên ngôn đơn thuần, mà thực sự đã được phản ánh trong mọi quyết định của Công ty. Trên thực tế, trong suốt quá trình phát triển ở cả quá khứ lẫn hiện tại, VNG không coi mục tiêu kinh doanh là quan trọng nhất. Điều mà Công ty muốn xây dựng là trở thành một nơi tốt nhất tại Việt Nam để mọi người được làm việc, học tập và phát triển. Với triết lý “muốn đi xa, phải đi cùng nhau”, chúng tôi tin rằng sự phát triển bền vững của tổ chức trong tương lai sẽ được quyết định bởi chất lượng đội ngũ được xây dựng và kế thừa ngay hôm nay.

Năm 2025, trong bối cảnh AI đang định hình lại cách thức làm việc ở quy mô và tốc độ chưa từng có, cam kết của VNG với Phát triển Con người lại càng trở nên mạnh mẽ hơn. Chiến lược nhân sự được triển khai với chiều sâu thực chất: đầu tư không chạy theo quy mô mà hướng đến chất lượng, không dừng lại ở chính sách mà lan tỏa vào văn hóa, không chỉ đòi hỏi trách nhiệm mà còn nuôi dưỡng tinh thần gắn kết. Và trên hết, đây là khoản đầu tư không cho hiện tại, mà cho tương lai. Điều đó được phản ánh qua bốn định hướng chiến lược trong năm 2025, mỗi định hướng cho thấy cách VNG suy nghĩ về con người, và cách chúng tôi hiện thực hóa nó.

Bà Trần Xuân Ngọc Thảo

Giám đốc Nhân sự
và Truyền thông, VNG



Chúng tôi chọn đồng hành cùng nhân viên – từng bước trưởng thành của mỗi người đều trở thành động lực giúp VNG tiến về phía trước.



Chủ tịch VNG Lê Hồng Minh từng chia sẻ “Chúng tôi rất kiên nhẫn với việc phát triển và đào tạo con người”. Bởi lẽ đó, VNG không tìm kiếm những người xuất sắc ở thời điểm hiện tại mà đánh giá cao tiềm năng trong tương lai của các ứng viên, với tư duy cởi mở, mức độ sẵn sàng học hỏi và khả năng thích nghi tạo ra giá trị thực chất trong công việc.

Cách tiếp cận đó được thể hiện ngay từ giai đoạn tuyển dụng. Thay vì hỏi “bạn đã dùng công cụ này chưa?”, VNG quan tâm hơn đến câu hỏi: “Khi có điều gì đó mới xuất hiện, bạn tiếp cận như thế nào?” Trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh hơn bất kỳ chương trình đào tạo nào, khả năng tự định hướng và chủ động học hỏi mới tạo ra sự khác biệt.

Một minh chứng rất cụ thể là cuối năm 2025, một dự án phần mềm vốn cần 3 người thực hiện trong 1,5 tháng đã được hoàn thành chỉ trong chưa đầy 20 giờ nhờ đội ngũ biết khai thác hiệu quả các công cụ AI. Kết quả đó phản ánh một thực tế rõ ràng: khi AI làm cho việc tạo ra ý tưởng trở nên phổ biến hơn, lợi thế cạnh tranh của nhân sự sẽ đến từ tốc độ hiện thực hóa và năng lực biến ý tưởng thành sản phẩm thực tế. Một ứng viên biết khai thác công nghệ để làm được nhiều hơn, nhanh hơn không chỉ đang sử dụng một công cụ tốt mà họ đang chứng minh năng lực phù hợp với cách vận hành của thời đại mới.

Định hướng tuyển dụng này được phản ánh qua các chỉ số cụ thể trong năm 2025: tỷ lệ nghỉ việc giảm mạnh cho thấy mức độ phù hợp giữa ứng viên và tổ chức ngày càng được cải thiện:

8%

tỷ lệ nghỉ việc trong năm đầu của nhân sự mới (giảm từ 15%)

13 ngày

tốc độ tuyển dụng trung bình (rút ngắn 23,5% so với năm trước)

14.000+

sinh viên được tiếp cận qua hợp tác đại học

7.000+

ứng viên tiềm năng đạt yêu cầu

Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư có chiến lược vào thể hệ tài năng kế cận thông qua chương trình Fresher Program – được triển khai đồng thời tại nhiều đơn vị kinh doanh và đa dạng lĩnh vực với nhóm tech và non-tech. Hơn 3.000 đơn ứng tuyển trong năm 2025 không chỉ phản ánh sức hút của thương hiệu tuyển dụng VNG, mà còn cho thấy Công ty đang chủ động chuẩn bị nguồn lực kỹ càng cho các giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

TOP #50

Thương hiệu Nhà Tuyển Dụng Hấp Dẫn Với Sinh viên Việt Nam 2025

Anphabe

TOP #1

Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn trong ngành CNTT

Anphabe

Ở chiều rộng hơn, VNG hình thành quan hệ hợp tác chiến lược với Đại học Quốc gia TP.HCM (VNU) theo mô hình ba Nhà: Nhà nước, Nhà trường, Doanh nghiệp. Thông qua mô hình này, sinh viên học tập và thực hành trực tiếp trong môi trường làm việc thực tế của VNG, với các dự án có tính ứng dụng cao. Sau ba tháng triển khai, kết quả của các nhóm sinh viên đạt chất lượng đủ để tiến hành ra mắt thị trường đã vượt kỳ vọng ban đầu của cả hai phía. Đây là mô hình hợp tác doanh nghiệp – đại học có tính thực tiễn và khả năng nhân rộng, đồng thời phản ánh trách nhiệm của VNG đối với chất lượng nguồn nhân lực công nghệ của quốc gia.

XÂY DỰNG KHUNG QUẢN TRỊ ĐỂ KHAI THÁC TIỀM NĂNG

Ở cấp Tập đoàn, VNG định hình các nguyên tắc cốt lõi, khung năng lực và định hướng chiến lược xuyên suốt hành trình nhân sự. Ở cấp đơn vị kinh doanh, từng BU có toàn quyền thiết kế cách thực thi phù hợp với đặc thù lĩnh vực và giai đoạn phát triển của mình. Điều quan trọng là mức độ tự chủ không được trao đồng đều mà tỷ lệ thuận với năng lực quản trị đã được chứng minh qua kỷ luật tài chính, hiệu quả lập kế hoạch và kiểm soát nội bộ. Khi một BU chứng minh được năng lực, Công ty trao cho họ nhiều không gian hơn để tự quyết định. Sự linh hoạt trong khuôn khổ rõ ràng cho phép VNG vừa duy trì tinh thần năng động, vừa bảo đảm kỷ luật vận hành.

Trong từng đội nhóm, VNG theo đuổi cách tiếp cận khác biệt: cấp dưới được khuyến khích bày tỏ ý kiến và được trao quyền ra quyết định nhiều hơn. VNG tin rằng khi mỗi người được làm việc và sáng tạo đúng với vị trí của mình, sự kết nối trong tập thể sẽ không bị gò bó bởi luật lệ và kiểm soát.

Về mặt chiến lược, VNG vận hành theo quy trình hoạch định hai chiều: cấp lãnh đạo thiết lập định hướng dài hạn, các đơn vị kinh doanh chuyển hóa thành kế hoạch hành động cụ thể. Thay vì dừng lại ở ngân sách năm một lần, VNG duy trì kế hoạch dự báo với tầm nhìn bốn đến sáu quý tiếp theo nhằm đảm bảo tổ chức luôn phản ứng kịp với thay đổi của thị trường.

Quan trọng hơn, ngay cả khi thị trường gặp khó khăn, VNG không rút lại đầu tư vào con người. Đây là lựa chọn được duy trì nhất quán qua nhiều chu kỳ kinh doanh, bởi với VNG, cách công ty xây dựng đội ngũ và cách công ty phát triển kinh doanh không phải là hai câu chuyện riêng biệt.



Sự linh hoạt trong những khuôn khổ rõ ràng cho phép chúng tôi vừa giữ được tinh thần tiên phong, vừa đảm bảo tính kỷ luật.

Một trong những thách thức phổ biến nhất trong quản trị tổ chức lớn là sự đánh đổi giữa nhất quán và linh hoạt. VNG giải quyết thách thức đó thông qua mô hình quản trị hai lớp: xây dựng nền tảng đủ vững vàng để từng đơn vị có thể phát triển linh hoạt trên đó.

3

BIẾN SỰ ĐA DẠNG THÀNH LỢI THẾ

Với gần một nửa lực lượng lao động thuộc thế hệ Gen Z và nhân sự đến từ 21 quốc tịch, một môi trường làm việc theo khuôn mẫu chung sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu thực tế. VNG lựa chọn cách tiếp cận khác: xây dựng môi trường đủ linh hoạt để mỗi người phát huy tốt nhất năng lực theo cách riêng, nhưng cũng đủ gắn kết để những sự khác biệt đó thực sự làm cho kết quả chung trở nên tốt hơn.

Với đặc thù là công ty công nghệ có nhiều sản phẩm B2C, sự đa dạng trong tư duy cũng là yếu tố then chốt giúp VNG thấu hiểu người dùng và xây dựng sản phẩm toàn diện hơn. Sự đa dạng trong đội ngũ vì vậy không chỉ là câu chuyện văn hóa doanh nghiệp mà đã thực sự đi vào chiến lược kinh doanh.

Triết lý đó cũng chi phối cách VNG tiếp cận phúc lợi. Quan điểm của chúng tôi là một chính sách phúc lợi chỉ có ý nghĩa khi nó thay đổi được trải nghiệm của người lao động trong công việc mỗi ngày. Thay vì xuất phát từ câu hỏi “chính sách tiêu chuẩn là gì?”, VNG đặt ra một câu hỏi khác: Động lực thực sự để nhân viên đến công ty là gì, không chỉ trong những ngày bình thường mà trong cả những giai đoạn khó khăn của cuộc sống? Câu trả lời đôi khi là những hành động thiết thực và không theo công thức: hỗ trợ chi phí xăng khi giá nhiên liệu biến động, thêm ngày nghỉ để tạo chuỗi nghỉ liền mạch trong những dịp lễ lớn. Những quyết định nhanh chóng từ cấp Tập đoàn là minh chứng rõ nét nhất cho triết lý lấy con người làm trung tâm và tinh thần của một tổ chức luôn sẵn sàng đổi mới.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì cam kết mạnh mẽ về an toàn tâm lý và đối thoại cởi mở: thiết lập các kênh để nhân viên trao đổi trực tiếp với lãnh đạo cấp cao, phá vỡ những rào cản thứ bậc thường cản trở giao tiếp thực chất trong các tổ chức lớn. Kết quả dưới đây được phản ánh qua khảo sát độc lập năm 2025 phản ánh hiệu quả thực sự sau một hành trình kiên trì theo đuổi mục tiêu Phát triển Con người dài hạn mà không có con đường tắt nào có thể thay thế.



89%

nhân viên đánh giá
VNG là nơi làm việc
tuyệt vời

94%

cảm thấy được đối
xử công bằng bất
kể giới tính, tuổi tác,
quốc tịch

90%

tự hào khi nói với
người khác về nơi họ
làm việc

3 năm

liên tiếp được chứng
nhận Great Place To
Work® (2023–2025)

4 THÚC ĐẨY VĂN HÓA HỌC TẬP, NUÔI DƯỠNG TINH THẦN ĐÓN NHẬN THÁCH THỨC

Trong một môi trường mà công cụ, nền tảng và mô hình kinh doanh có thể thay đổi hoàn toàn chỉ trong vài tháng, năng lực quan trọng nhất không phải là những gì một người đã biết mà là tốc độ họ có thể học điều mới và đưa nó vào thực tiễn.

Khi “đón nhận thử thách” trở thành giá trị cốt lõi, VNG sẵn sàng đầu tư vào các lĩnh vực mới để đội ngũ học tập và thử sai. Niềm tin của VNG rất rõ ràng: tổ chức chỉ có thể trưởng thành khi thực sự va vấp. Hành trình trở thành công ty công nghệ thực thụ đòi hỏi VNG phải tự xây dựng sản phẩm và làm chủ công nghệ bằng năng lực cốt lõi của chính mình – dù con đường đó nhiều rủi ro, tốn kém và không hề bằng phẳng.

Triết lý đó định hình cách VNG tiếp cận phát triển nhân sự: phát triển nguồn lực tại VNG không phải là tuyển thật nhiều người, trả lương cao rồi sàng lọc, mà là cho mỗi người đủ thời gian, không gian và thử thách để thực sự lớn lên. Mọi nhân viên mới đều được học liên tục thông qua dự án thực tế, kỹ năng chuyên môn và hoạt động cộng tác – học từ người quản lý, từ đồng nghiệp và từ những tình huống mà không có giáo trình nào có thể chuẩn bị trước.

Hệ sinh thái học tập tại VNG được xây dựng theo cấu trúc nhiều lớp, phục vụ nhu cầu khác nhau của từng nhóm nhân sự. Với nhân sự mới, trọng tâm là định hướng và xây dựng nền tảng. Với nhân sự chuyên môn, là chuỗi phát triển kỹ năng và chia sẻ kiến thức theo từng đơn vị kinh doanh. Với nhân sự lãnh đạo, chương trình Leadership Matters tập trung vào tư duy hệ thống, năng lực dẫn dắt đội ngũ và khả năng định hướng trong bối cảnh thay đổi dài hạn. Mô hình VNG Campus cho phép sinh viên học và thực hành ngay trong môi trường doanh nghiệp thực tế, làm dự án thật dưới sự hướng dẫn của chuyên gia thực chiến – trong khi các sáng kiến như VNG Code Tour và chương trình Fresher tiếp tục là cầu nối hiệu quả giữa VNG và các trường đại học top đầu.

Trong năm 2025, nhân viên VNG hoàn thành 14.597 giờ đào tạo và 1.980 khóa học. Nhưng điều đáng chú ý hơn những con số đó là chất lượng của sự chủ động: nhiều nhân viên, không phân biệt vai trò kỹ thuật hay kinh doanh, đã tự tìm hiểu, thực hành và ứng dụng AI vào công việc hằng ngày mà không chờ chỉ đạo từ cấp trên. Đây là tín hiệu của một tổ chức đang chuyển mình thực sự từ bên trong – không phải triển khai công nghệ theo phong trào.

Thử thách đối với nhân viên VNG là môi trường phát triển và cũng là sự hấp dẫn. Người trẻ giỏi không chỉ tìm kiếm thu nhập – họ tìm kiếm nơi được giải những bài toán khó và tạo

ra giá trị thực sự cho số đông. VNG hiểu điều đó, và liên tục trao cho đội ngũ những dự án đủ phức tạp để thúc đẩy sự tiến lên.

Khi AI đang được ứng dụng vào tất cả các khía cạnh trong công việc, VNG lựa chọn trang bị kếp: vừa đầu tư về công cụ cho đội ngũ và vừa đầu tư vào những giá trị mà công nghệ không thể thay thế. Từ năm 2024, VNG bắt đầu cấp tài khoản AI có chọn lọc cho nhân viên và đang mở rộng sang Enterprise accounts, đồng thời triển khai chính sách bảo mật dữ liệu và đào tạo AI cơ bản cấp phòng ban nhằm đảm bảo rằng công nghệ được ứng dụng có trách nhiệm và hiệu quả trên toàn tổ chức.



Lượng người theo dõi trên các kênh mạng xã hội của VNG

	LinkedIn	Facebook (VNG)	Facebook (Life at VNG)	TikTok	Instagram
2025 (tính đến 31/10)	258.855	171.320	76.125	45.627	6.618
2024 (nếu có) (tính đến tháng 11)	219.777	170.737	70.346	45.684	7.091

Nhưng hạ tầng công nghệ chỉ là điều kiện cần. Điều VNG hướng tới là xây dựng một môi trường học hỏi liên tục, nơi tất cả mọi người – không phân biệt vai trò hay giới tính – đều có cơ hội phát triển như nhau. Giá trị nghề nghiệp bền vững tại VNG được định nghĩa bằng khả năng tự định hướng, duy trì kỷ luật học tập và thích nghi theo những cách tạo ra tác động có ý nghĩa thực sự. Đó là những phẩm chất mà không chương trình đào tạo nào có thể trao trực tiếp nhưng một tổ chức đúng đắn có thể nuôi dưỡng.

Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư kênh giao tiếp hiệu quả với nhân viên. Năm 2025, VNG vận hành 5 kênh truyền thông nội bộ chính thức gồm email, bản tin, Zalo OA nội bộ, cổng thông tin myVNG và hệ thống các màn hình lớn trong văn phòng – đảm bảo thông tin được truyền tải chính xác, kịp thời và nhất quán trong toàn Tập đoàn. Song song đó, VNG duy trì Bộ quy tắc truyền thông chính thức: không chỉ quy định nội dung được chia sẻ, mà định hướng cách thức giao tiếp chuyên nghiệp, minh bạch và có trách nhiệm trên các nền tảng số, để văn hóa doanh nghiệp được nuôi dưỡng bền bỉ trong một môi trường làm việc ngày càng linh hoạt và đa dạng.

Trong một tổ chức với hơn 4.000 người trải rộng nhiều đơn vị kinh doanh, truyền thông nội bộ không chỉ là kênh cung cấp thông tin mà là cơ chế để mỗi thành viên đều cảm thấy mình thuộc về cùng một tổ chức.

ĐẦU TƯ DÀI HẠN VÀO ĐIỀU KHÔNG THỂ SÀO CHÉP

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, VNG tin rằng câu hỏi quan trọng không phải là “AI sẽ thay thế gì” – mà là “con người sẽ tạo ra điều gì mà AI không thể.” Công nghệ có thể tái tạo nhiều loại công việc, nhưng có những thứ không thể lập trình: sự tin tưởng, ý nghĩa trong công việc, tinh thần cộng đồng và khả năng kết nối người với người. Đó là lý do VNG song song với việc mở rộng ứng dụng AI trong toàn tổ chức, vẫn kiên định đầu tư vào nuôi dưỡng sự đồng cảm và những giá trị nhân văn mà không công nghệ nào có thể thay thế.

Thay vì chỉ tuyển dụng chuyên gia có kinh nghiệm, VNG lựa chọn đầu tư có chiều sâu vào thế hệ tiếp theo, tạo ra lộ trình phát triển có cấu trúc và trao cho họ trách nhiệm thực sự ngay từ ngày đầu. Và khi mỗi cá nhân trong tổ chức trưởng thành hơn, tập thể cũng trở nên mạnh mẽ hơn, đó là động lực để VNG không ngừng tiến về phía trước.



CÔNG NGHỆ LÀ LỜI GIẢI

Lan tỏa tác động đến cộng đồng

Tại VNG, chúng tôi không định nghĩa trách nhiệm xã hội bằng việc “trích một phần lợi nhuận để làm từ thiện”. Thay vào đó, chúng tôi bắt đầu bằng một câu hỏi cốt lõi: Năng lực công nghệ của VNG có thể giải quyết những vấn đề thực chất nào của xã hội? Từ câu hỏi đó, hành trình “Công nghệ vì cộng đồng” của VNG được định hình qua ba trụ cột nhất quán. Chúng tôi không xem đây là những hoạt động bên lề, mà là cách VNG thực thi trách nhiệm của một doanh nghiệp công nghệ đầu tàu: Mở rộng cơ hội, đồng kiến tạo hệ sinh thái và kiên định với những cam kết dài hạn.

VNG - ĐỐI TÁC PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

MỞ RỘNG CƠ HỘI

Tiếp cận nền kinh tế số

Thu hẹp khoảng cách số

Nuôi dưỡng khát vọng toàn cầu

ĐỒNG KIẾN TẠO HỆ SINH THÁI

Mô hình “Ba Nhà”

Phát triển “E-Vietnam”

Đồng kiến tạo tương lai

KIÊN ĐỊNH VỚI CAM KẾT DÀI HẠN

Xây dựng sức mạnh bền bỉ

UpRace Vì cộng đồng

Quỹ Kiến tạo Ước mơ

1 MỞ RỘNG CÁNHR CỬA VÀO NỀN KINH TẾ SỐ CHO THẾ HỆ TRẺ

Chúng tôi tin rằng rào cản lớn nhất đối với người trẻ không phải là thiếu tiềm năng, mà là thiếu cơ hội tiếp cận thực tế và những “giấc mơ đủ lớn”. Như nhà sáng lập Lê Hồng Minh từng chia sẻ: “Cũng giống như bóng đá, chỉ khi dám mơ về World Cup, chúng ta mới có động lực mạnh mẽ để rèn luyện và nâng cao trình độ”. Tại VNG, chúng tôi muốn trao cho người trẻ tấm vé để bước ra thế giới, bắt đầu từ việc rút ngắn khoảng cách giữa giảng đường và tiêu chuẩn toàn cầu.

Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực chiến

Thay vì những lý thuyết khô khan, các chương trình như Code Tour, Zalo AI Summit hay Zalo AI Challenge mang đến cho sinh viên cơ hội va chạm trực tiếp với những bài toán kỹ thuật học búa nhất. Ở đó, đội ngũ chuyên gia và kỹ sư VNG không chỉ đóng vai trò giảng dạy, mà là những người đồng hành, cùng các bạn trẻ giải quyết những bài toán thực của thị trường. Sự kết nối này được đẩy mạnh qua mô hình đồng đào tạo giữa VNG và các trường đại học, nơi sinh viên được học cách phát triển sản phẩm theo quy chuẩn doanh nghiệp, và chạm với quy trình thực tế để hiểu rằng: Công nghệ không có biên giới.

Nuôi dưỡng khát vọng tiến ra toàn cầu

Việc xây dựng một hệ sinh thái eSports bài bản hay tổ chức các kỳ Hackathon không chỉ nhằm tìm kiếm tài năng, mà còn để nuôi dưỡng tư duy “Go Global”. Chúng tôi muốn người trẻ Việt Nam không chỉ nhìn vào cuộc chơi ở sân nhà, mà phải tự tin bước ra khu vực và thế giới. Khi các bạn được tiếp cận với môi trường thực tế, được thực hành trên những nền tảng có hàng triệu người dùng, các bạn sẽ tự định vị lại năng lực của bản thân theo những tiêu chuẩn cao nhất.

51

Sinh viên tham gia chương trình đồng đào tạo VNG-UIT

~10

Đối tác mới tham gia mạng lưới phát triển eSports chuyên nghiệp

24

Giảng viên và chuyên gia đồng hành giảng dạy

02

Cuộc thi về lập trình và AI tổ chức thường niên (Code Tour, Zalo AI Challenge)

06

Giải đấu và sự kiện eSports quy mô lớn cấp quốc gia và quốc tế được tổ chức

3.100+

Thí sinh và đội thi tham gia



Code Tour 2025

VNG cùng ĐHQG-HCM đồng tổ chức cuộc thi lập trình Code Tour 2025, thu hút 5.104 lượt đăng ký



Zalo AI Challenge 2025

Zalo AI Summit 2025 – Đấu trường AI lớn nhất Việt Nam thu hút 1.060 đội thi.



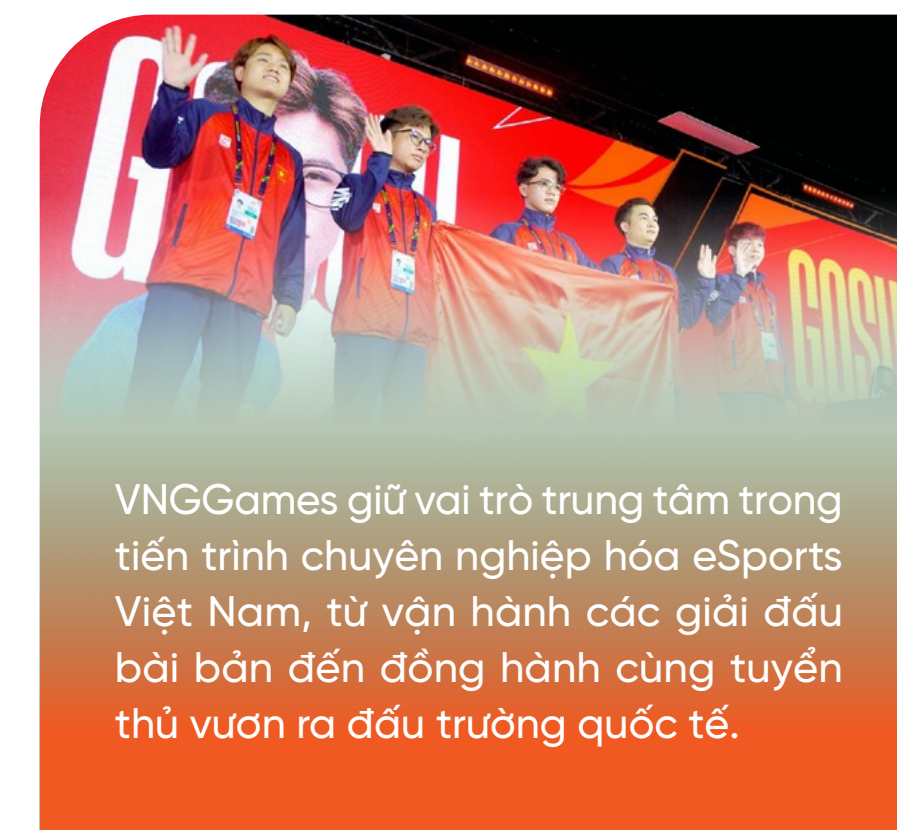
Zalo AI Summit 2025

Diễn đàn Trí tuệ nhân tạo thường niên Zalo AI Summit 2025 với chủ đề “Việt Nam trong kỷ nguyên AI hóa” quy tụ hơn 400 kỹ sư AI cùng các chuyên gia công nghệ trong và ngoài nước.



Các chương trình đồng đào tạo

VNG đồng hành cùng ĐHQG-HCM và các tổ chức uy tín để hiện thực hóa các chương trình đồng đào tạo dành cho sinh viên.



VNGGames giữ vai trò trung tâm trong tiến trình chuyên nghiệp hóa eSports Việt Nam, từ vận hành các giải đấu bài bản đến đồng hành cùng tuyển thủ vươn ra đấu trường quốc tế.



Chủ thích: Thông qua các kỳ Hackathon, Meetup và hội thảo chuyên sâu về AI & Dữ liệu, VNG mở ra những ‘sân chơi’ thực chiến, nơi thế hệ trẻ trực tiếp trải nghiệm các bài toán công nghệ thực tế.



Mong muốn của VNG là khơi gợi “giấc mơ World Cup” trong mỗi cá nhân. Khi người trẻ xóa bỏ được rào cản về tâm lý và địa lý để chạm tay vào nền kinh tế số, toàn bộ hệ sinh thái công nghệ Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ một thế hệ có đầy đủ chuyên môn và mang trong mình khát khao chinh phục biển lớn.



ĐỒNG KIẾN TẠO HẠ TẦNG NHÂN LỰC VÀ HỆ SINH THÁI QUỐC GIA

Khi mỗi cá nhân đã có cơ hội tiếp cận để bước vào nền kinh tế số, bước tiếp theo là xây dựng một hệ sinh thái vững chắc để những tiềm năng đó được phát huy ở quy mô quốc gia. VNG hiểu rằng sự phát triển của mình không tách rời dòng chảy đổi mới của đất nước trong 30 năm qua. Với tâm thế trân quý những bước tiến thần kỳ của Internet Việt Nam, chúng tôi chọn đồng hành cùng Chính phủ và các định chế giáo dục để xây dựng công nghệ và kiến tạo một “tư duy số” mới.

Xây dựng nền tảng từ giảng đường đến các trung tâm nghiên cứu

Thông qua mối quan hệ đối tác chiến lược với Đại học Quốc gia Việt Nam, VNG triển khai mô hình “Ba Nhà”: Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp. Tại đây, sinh viên được trực tiếp tham gia vào các dự án thực tế của VNG, tạo ra những sản phẩm chất lượng chỉ sau 3 tháng thực tập. Song song đó, việc trao tặng thiết bị GPU hiện đại và đồng sáng lập các trung tâm nghiên cứu AI tại VNG Campus hay tham gia xây dựng mạng lưới AI Excellence là những cam kết của chúng tôi trong việc góp phần đưa Việt Nam tiến gần hơn đến vị thế một quốc gia công nghệ trong tương lai gần.



Ký kết hợp tác chiến lược cùng ĐHQG-HCM theo Nghị quyết 57-NQ/TW về mô hình hợp tác “Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp”



Tài trợ GPU trị giá 6 tỷ đồng dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học tại 03 trường đại học thành viên ĐHQG-HCM



Cùng UIT triển khai chương trình đồng đào tạo môn học “Phát triển Kỹ năng Lập trình Game ứng dụng trong Thực tế”, thu hút 51 sinh viên



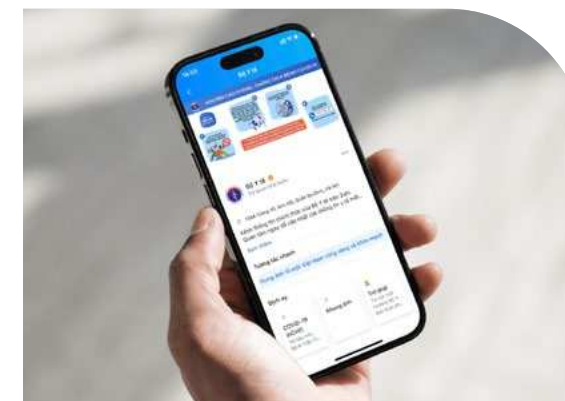
Đồng thành lập Saigon AI Hub cùng ĐHQG-HCM, không gian nghiên cứu mở tại VNG Campus dành cho cộng đồng AI

Thúc đẩy “E-Vietnam” từ việc thấu hiểu thói quen và nhu cầu thiết thực

Chúng tôi tin rằng chìa khóa của một “E-Vietnam” không nằm ở những hệ thống phức tạp, mà ở khả năng thay đổi hành vi và thói quen người dùng qua những sản phẩm hữu ích hằng ngày. Người Việt vốn có khả năng thích ứng công nghệ nhanh bậc nhất thế giới – từ mạng xã hội đến trí tuệ nhân tạo. Minh chứng rõ nhất là sự chấp nhận rộng rãi của các tiện ích như VNeID.

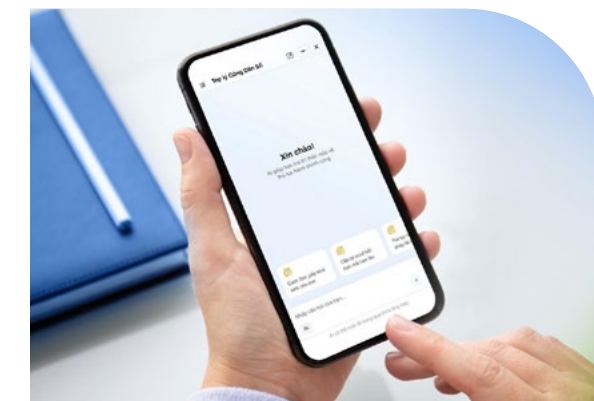
Học hỏi từ thực tiễn đó, VNG nỗ lực đưa công nghệ trở thành hạ tầng phục vụ đời sống: Zalo kết nối công dân với chính quyền tại 34 tỉnh thành, Zalopay hợp tác chiến lược cấp quốc gia và mở rộng thanh toán quốc tế, GreenNode hỗ trợ khu vực công nâng cao năng suất qua AI Cloud. Khi công nghệ giải quyết được những nhu cầu thiết thực nhất, chuyển đổi số sẽ không còn là lời kêu gọi, mà trở thành một phần tự nhiên của cuộc sống.

Zalo



~150.000+

Tài khoản Zalo OA của các tổ chức (bao gồm hơn 17.000 OA của cơ quan nhà nước và tiện ích công)



~300.000

Người dùng ứng dụng Trợ lý Công dân số (sau 3 tháng ra mắt)

Zalopay



Phối hợp cùng Bộ Công an

Triển khai thanh toán gần với định danh điện tử trên VNeID



Kết nối thanh toán tại nhiều quốc gia châu Á

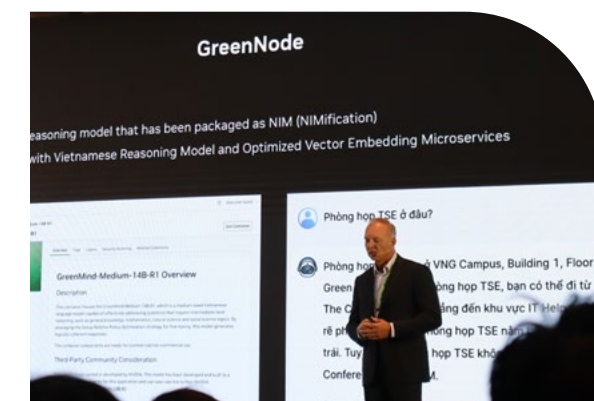
Hướng đến mục tiêu thanh toán không tiền mặt toàn cầu cho người Việt

GREENNODE



1.000+

Doanh nghiệp được hỗ trợ triển khai giải pháp số



NVIDIA AI Day

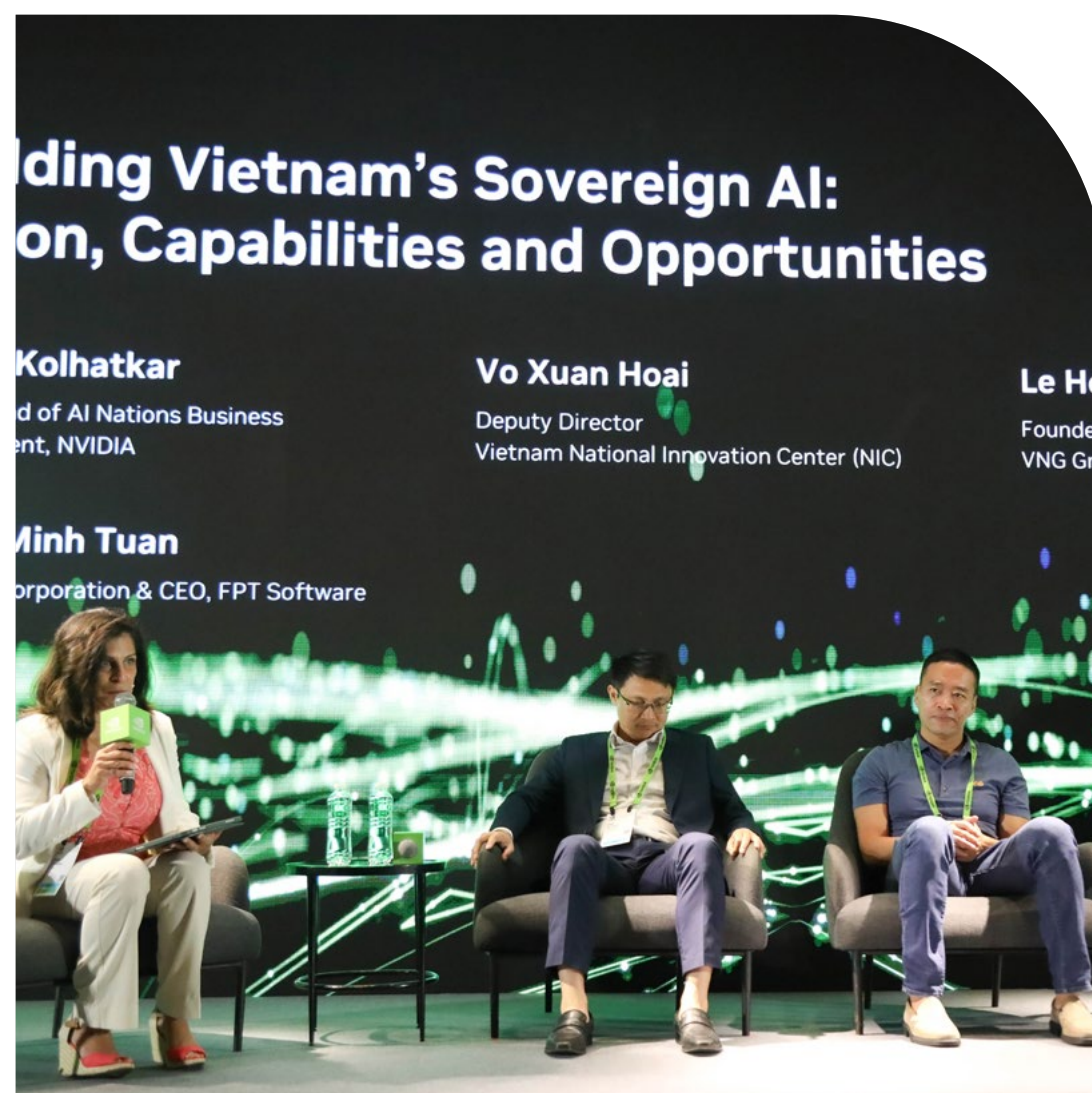
Giới thiệu mô hình GreenMind và chia sẻ định hướng xây dựng AI có chủ quyền cho Việt Nam



Hiến kế và đồng hành trong việc hoạch định tương lai số quốc gia

Để công nghệ thực sự cất cánh, xã hội cần một “hệ điều hành” pháp lý minh bạch và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. VNG chủ động chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình vận hành các nền tảng hàng chục triệu người dùng để góp ý cho các dự thảo chính sách quan trọng, từ an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đến đạo đức AI.

Sự hiện diện của lãnh đạo VNG trong các vai trò như Đại biểu HĐND TP.HCM hay Thành viên Hội đồng tư vấn quốc gia không chỉ là trách nhiệm công vụ, mà còn là nỗ lực đưa góc nhìn thực tiễn vào các quyết sách lớn. Chúng tôi tin rằng với sự quyết tâm và tư duy đổi mới, trong 5 năm tới, Việt Nam sẽ chứng kiến những bứt phá mạnh mẽ, hiện thực hóa khát vọng trở thành một cường quốc công nghệ trong khu vực.



Thay vì định vị mình là một “doanh nghiệp làm CSR”, VNG xây dựng năng lực để trở thành một “đối tác phát triển quốc gia”. Chúng tôi đặt mình vào vị thế đồng kiến tạo hệ thống, nơi tác động không đo bằng một giải pháp tức thời, mà bằng những thay đổi mang tính cấu trúc và dài hạn cho tương lai số của Việt Nam.

3 CAM KẾT CỘNG ĐỒNG THEO CHIỀU SÂU VÀ BỀN BỈ

UpRace: Khi công nghệ nhân lên giá trị của mỗi bước chạy

Trong quá trình triển khai các hoạt động cộng đồng, VNG luôn xem tác động xã hội thực chất không đến từ quy mô của một lần đóng góp, mà từ sự kiên định duy trì cam kết đó qua nhiều năm. Khi những giải pháp công nghệ đã giúp mở rộng cánh cửa và kiến tạo hệ sinh thái, thì sự hiện diện trực tiếp và bền bỉ trong các hoạt động cộng đồng chính là cách chúng tôi nuôi dưỡng những hy vọng thiết thực nhất, ngay cả ở những nơi mà nền tảng số chưa thể chạm tới.

7 năm

vì cộng đồng

945.000+

người tham gia

27 triệu km

được hoàn thành

1.400+

tổ chức và doanh nghiệp được kết nối

36 tỷ đồng

được quyên góp

Top 5

Dự án CSR truyền cảm hứng (WeChoice Awards 2025)

Khởi nguồn từ một hoạt động nội bộ năm 2017, UpRace đã trở thành dự án chạy bộ trực tuyến vì cộng đồng có sức ảnh hưởng lớn nhất Việt Nam. Đây là mô hình kết nối độc đáo giữa ba bên: Người chạy - Doanh nghiệp - Tổ chức xã hội, xoay quanh một hành động đơn giản nhưng mang ý nghĩa tập thể sâu sắc: chạy bộ.

Với thông điệp "Every Step Matters", mùa giải 2025 tiếp tục ghi nhận những con số ấn tượng: hơn 914.000 người tham gia, hoàn thành gần 3,5 triệu km chỉ trong 24 ngày và gây quỹ hơn 3,7 tỷ đồng. Những bước chạy này đã chuyển hóa thành cơ hội học tập cho học sinh vùng cao qua Quỹ học bổng Vừ A Dính, hỗ trợ sinh kế qua Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam (ASVDO) và viết tiếp hy vọng sống cho trẻ sơ sinh qua tổ chức Sơ sinh Việt Nam (SSVN). UpRace minh chứng rằng: Khi công nghệ được đặt đúng chỗ, nó có thể huy động sức mạnh của cả cộng đồng để giải quyết những bài toán lớn lao.



VNG

Dream
Maker
Foundation

CP PAPER

UPRACE. 2025

EVERY STEP MATTERS



Bà Trương Mỹ Hoa

Nguyên Phó Chủ tịch nước Việt Nam,
Chủ tịch Quỹ học bổng Vừ A Dính

UpRace cho thấy rằng ngay cả một hành động nhỏ cũng có thể tạo nên những thay đổi ý nghĩa. Mỗi ki-lô-mét được chạy là một sự sẻ chia dành cho trẻ em tại các cộng đồng dân tộc thiểu số và vùng biển đảo, nơi các em vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn. Chúng tôi trân trọng từng ki-lô-mét đóng góp từ cộng đồng, bởi mỗi bước chạy đều đại diện cho một cơ hội học tập dành cho hàng nghìn học sinh trên khắp cả nước.

3

CAM KẾT CỘNG ĐỒNG THEO CHIỀU SÂU VÀ BỀN BỈ

Quỹ Kiến tạo Ước mơ: Đặt nền móng
cho những cuộc đời vững vàng

30

địa phương được hỗ trợ
điều kiện y tế, giáo dục
và an sinh

12 tỷ đồng

đóng góp cho cộng đồng
trong năm 2025

20

chương trình và hoạt động
cộng đồng được triển khai

33

căn nhà tình nghĩa được trao tặng
tới các hộ dân khó khăn

Có những nhu cầu mà nền tảng số không thể thay thế, đó là lúc Quỹ Kiến tạo Ước mơ (Dream Maker Foundation - DMF) hiện diện trực tiếp thông qua những hành động nhân văn cụ thể. Chúng tôi không chỉ hỗ trợ tức thời, mà tập trung vào việc cải thiện những điều kiện cơ bản nhất để cộng đồng có thể tự phục hồi và phát triển.



Trong lĩnh vực Giáo dục: Với thông điệp "Kiến tạo ước mơ, cùng em đến trường", Quỹ đã dành gần 2 tỷ đồng để xây dựng trường mầm non, hỗ trợ các điểm trường vùng sâu và biển đảo, đồng thời kịp thời sửa chữa cơ sở vật chất sau bão lũ tại Thái Nguyên, Cao Bằng.



Trong lĩnh vực y tế, dự án đào tạo bác sĩ sơ sinh tại miền Trung (ngân sách 2,3 tỷ đồng) là nỗ lực bền bỉ để đảm bảo không còn trẻ em nào phải tử vong vì những nguyên nhân có thể phòng ngừa được.



Trong lĩnh vực An sinh: Hưởng ứng phong trào "Xóa nhà tạm" của Chính phủ, VNG phối hợp cùng Bộ Công an trao tặng 33 căn nhà tình nghĩa tại Thanh Hóa và An Giang. Mỗi mái ấm được dựng lên không chỉ là nơi che mưa che nắng, mà còn là điểm tựa để các gia đình an tâm xây dựng cuộc sống mới sau thiên tai.

Bà Trương Thị Thanh

Phó Tổng Giám đốc VNG, Chủ tịch &
Giám đốc điều hành Quỹ Kiến tạo Ước mơ



Thay vì chỉ giải quyết những nhu cầu tức thời rồi rút đi, VNG chọn đặt nền móng bền vững để mỗi cá nhân có thể tự kiến tạo tương lai của mình. Chúng tôi tin rằng trách nhiệm xã hội không nằm ở những chiến dịch rầm rộ, mà nằm ở sự tận tâm và bền bỉ, nơi mỗi đóng góp đều hướng tới việc tạo ra những thay đổi thực chất trong đời sống của từng gia đình và cộng đồng.

4

KIẾN TẠO CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI - VÌ MỘT CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN

Ba trụ cột chúng tôi theo đuổi không phải là những chương trình tách biệt, mà là những nhịp đập nhất quán của một niềm tin: Công nghệ chỉ thực sự có giá trị khi trở thành lời giải cho các bài toán của con người. Tại VNG, nếu nội lực được vun đắp từ nền tảng con người, thì công nghệ chính là phương thức để chúng tôi lan tỏa sức mạnh đó ra cộng đồng. Chúng tôi không dừng lại ở vai trò một doanh nghiệp làm từ thiện, mà kiên định xây dựng năng lực của một đối tác phát triển quốc gia.

Từ những dòng code nâng tầm thế hệ trẻ đến những hạ tầng số đồng hành cùng Chính phủ, VNG cam kết bền bỉ kiến tạo những thay đổi mang tính cấu trúc. Bởi sau cùng, đích đến của chúng tôi là một Việt Nam bản lĩnh, nơi mỗi cá nhân đều có một điểm tựa vững chắc để tự tin chinh phục những “giấc mơ World Cup” của chính mình.



Quản trị

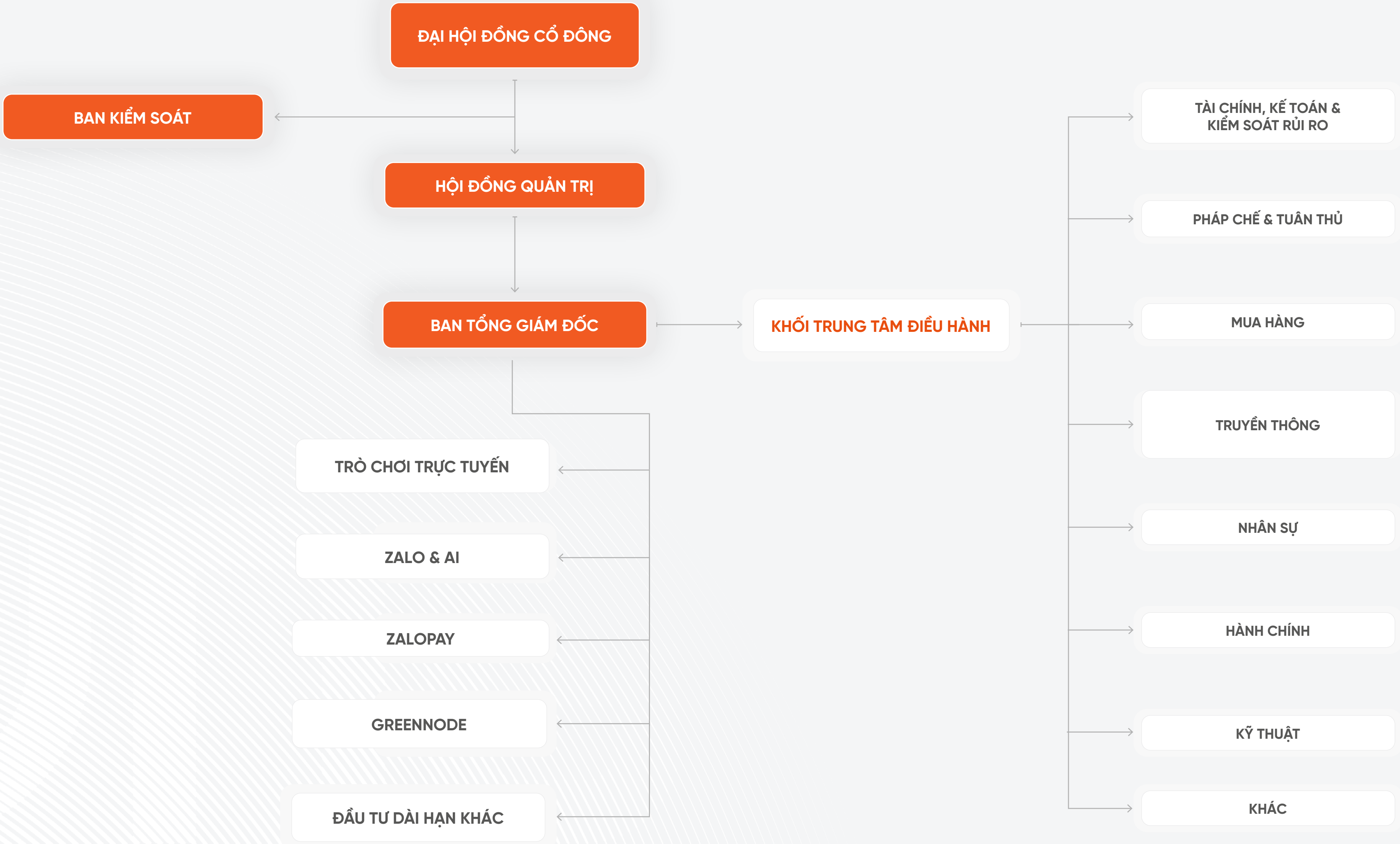
48 Cơ cấu doanh nghiệp

49 Cơ cấu cổ đông

50 Công ty con và công ty liên kết

51 Quản trị rủi ro

Cơ cấu doanh nghiệp



Cơ cấu cổ đông

Tính đến hết ngày 31/12/2025

A. Cổ phiếu

	Số lượng
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	29.376.974
Số cổ phiếu phổ thông	29.376.974
Số cổ phiếu ưu đãi	0
Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do	28.736.000
Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	640.974
(hạn chế chuyển nhượng từ ngày 19/05/2025 đến hết ngày 18/05/2026)	

B. Cơ cấu cổ đông

THEO TỈ LỆ SỞ HỮU

	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (>=5%)	24.302.919	82,73%
Cổ đông nhỏ lẻ (<5%)	5.074.055	17,27%

THEO QUỐC TỊCH

	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước		
Tổ chức	7.848.491	26,72%
Cá nhân	7.447.843	25,35%
Cổ đông nước ngoài		
Tổ chức	14.080.640	47,93%
Cá nhân	0	0,00%

THEO NHÓM CỔ ĐÔNG

	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0,00%
Các cổ đông khác	29.376.974	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tính đến 31/12/2025: 47,93%

C. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG được thành lập năm 2004 với tên gọi là Công Ty Cổ Phần Trò Chơi Vi Na, vốn điều lệ ban đầu là 15.000.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là 293.769.740.000 đồng, tương ứng với 29.376.974 cổ phiếu.

Biến động vốn điều lệ

STT	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (VNĐ)	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (VNĐ)	Lý do
0	09/2004	15.000.000.000	Thành lập công ty
1	08/2006	30.000.000.000	Phát hành thêm cổ phần
2	06/2007	100.000.000.000	Phát hành thêm cổ phần
3	01/2008	250.000.000.000	Phát hành thêm cổ phần
4	12/2010	260.000.000.000	Phát hành thêm cổ phần
5	11/2012	278.856.310.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông chiến lược
6	04/2013	295.826.460.000	Phát hành theo chương trình chào bán cổ phần riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
7	09/2013	306.581.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	08/2014	314.846.430.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
9	03/2015	315.410.980.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
10	03/2015	318.354.070.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
11	10/2015	324.927.330.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
12	08/2016	330.902.300.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
13	09/2017	337.220.560.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
14	09/2018	345.362.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
15	09/2019	353.022.930.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
16	01/2021	358.442.620.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
17	07/2023	287.360.000.000	Hủy cổ phiếu quỹ
18	07/2025	293.769.740.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

D. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ: Không có.
- Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

E. Các chứng khoán khác

- Năm 2025, Công Ty đã thực hiện phân phối 640.974 cổ phiếu cho người lao động theo Chương trình ESOP đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông 2025 thông qua

Danh sách công ty con, công ty liên kết

Tính đến hết ngày 31/12/2025

	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh	Địa điểm	% Tỷ lệ sở hữu
I	CÔNG TY CON			
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ – Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	TP.HCM, Việt Nam	99,989%
2	Công ty Cổ phần Zion	Dịch vụ trung gian thanh toán	TP.HCM, Việt Nam	99,999%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	TP.HCM, Việt Nam	99,500%
4	Quý Kiến Tạo Ước Mơ	Hoạt động từ thiện	TP.HCM, Việt Nam	100,000%
5	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đà Nẵng, Việt Nam	100,000%
6	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	TP.HCM, Việt Nam	100,000%
7	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền Thông Thanh Sơn	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	TP.HCM, Việt Nam	99,999%
8	VNG Singapore Pte. Ltd.	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Singapore	99,989%
9	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Hà Nội, Việt Nam	100,000%
10	Công ty TNHH Zie	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Hà Nội, Việt Nam	100,000%
11	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	TP.HCM, Việt Nam	100,000%
12	Công ty TNHH VNG Online	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm	Hà Nội, Việt Nam	100,000%
13	Công ty TNHH VNG Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Yangon, Myanmar	99,989%
14	ZingPlay International Pte. Ltd.	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Singapore	99,989%
15	Công ty Cổ phần VNG Data Center	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	TP.HCM, Việt Nam	50,994%
16	Công ty Cổ phần XFM	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	TP.HCM, Việt Nam	99,989%
17	VNG Games Co., Ltd	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Bangkok, Thái Lan	99,989%
18	Công ty Cổ phần Adtima	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	TP.HCM, Việt Nam	99,999%
19	Công ty Cổ phần Fiza	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	TP.HCM, Việt Nam	99,997%
20	Công ty TNHH A4B	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	TP.HCM, Việt Nam	100,000%

	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh	Địa điểm	% Tỷ lệ sở hữu
21	VNG Investment Pte. Ltd.	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Singapore	100,000%
22	Công ty Cổ phần Mixus	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	TP.HCM, Việt Nam	99,934%
23	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trung Quốc	99,989%
24	Instantiapay Holdings Pte. Ltd.	Hoạt động đầu tư	Singapore	47,730%
25	Instantiapay SG Pte. Ltd.	Dịch vụ tài chính	Singapore	47,730%
26	Instantiapay Pty Ltd	Dịch vụ tài chính	Úc	47,730%
27	Instantiapay Limited (United Kingdom)	Dịch vụ tài chính	Anh Quốc	47,730%
28	Instantiapay Limited (Hongkong)	Dịch vụ tài chính	Hong Kong	47,730%
29	Công ty TNHH Instantiapay VN	Lập trình máy vi tính	Việt Nam	100,000%
30	Công ty Cổ phần Greennode	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	TP.HCM, Việt Nam	99,789%
31	Greennode Pte. Ltd.	Trung tâm dữ liệu và dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Singapore	99,989%
32	Greennode Co., Ltd	Cho thuê máy chủ điện toán đám mây và cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống cho cá nhân và doanh nghiệp Quản lý tài nguyên máy tính và công nghệ thông tin	Thái Lan	99,989%
33	Công ty TNHH 2MoreBits	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Hà Nội, Việt Nam	100,000%
34	Công ty TNHH Zalo Platforms	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin	TP.HCM, Việt Nam	100,000%
35	Instantia Capital PTE.LTD	Dịch vụ CNTT	Singapore	47,730%
36	VNGGAMES PTE. LTD.	Phát hành phần mềm trò chơi/ứng dụng và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Singapore	99,989%
37	CÔNG TY TNHH VNGGAMES	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	TP.HCM, Việt Nam	100,000%
38	Công ty TNHH Zing	Ghi âm và xuất bản âm nhạc (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	TP.HCM, Việt Nam	100,000%

Danh sách công ty con, công ty liên kết

Tính đến hết ngày 31/12/2025

Tên công ty		Ngành nghề kinh doanh	Địa điểm	% Tỷ lệ sở hữu
II	CÔNG TY LIÊN KẾT TRỰC TIẾP			
1	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Singapore	4,37%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Cho thuê văn phòng	TP.HCM, Việt Nam	35,000%
3	Công ty Cổ phần DayOne Holding	Tư vấn quản lý	TP.HCM, Việt Nam	22,24%
4	Công ty Cổ phần Verichains	Sản xuất phần mềm	TP.HCM, Việt Nam	40,000%
III	CÔNG TY LIÊN KẾT GIÁN TIẾP			
1	Open Commerce Group Ltd.	Thương mại điện tử	Singapore	12,170%
2	NCV Games Pte. Ltd	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Singapore	30,000%
3	Verichains SG Pte. Ltd	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Singapore	40,000%

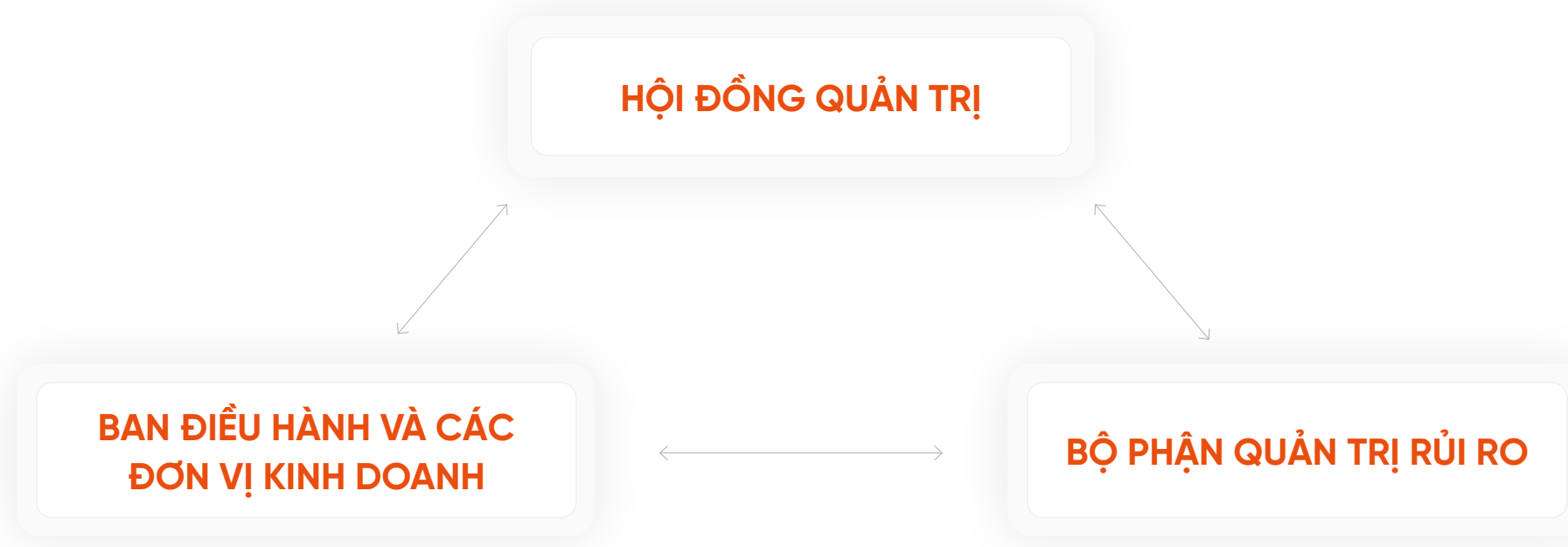
Quản trị rủi ro

A. Cấu trúc Quản trị rủi ro

Cấu trúc Quản trị rủi ro của Tập đoàn dựa trên 3 nhóm:

Quản trị rủi ro tại VNG được xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, bảo vệ hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thích ứng dài hạn. Tập đoàn đang trong quá trình hoàn thiện khung Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) nhằm tăng cường năng lực giám sát và tích hợp quản trị rủi ro trên toàn các Đơn vị kinh doanh (BU).

Với vai trò là một doanh nghiệp công nghệ, Tập đoàn hướng đến việc duy trì sự cân bằng hiệu quả giữa rủi ro và cơ hội, từ đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng bền vững. Phương pháp quản trị rủi ro bảo đảm các rủi ro trọng yếu được nhận diện, đánh giá và xử lý kịp thời nhằm hỗ trợ các mục tiêu chiến lược, đồng thời duy trì sự linh hoạt trong vận hành.

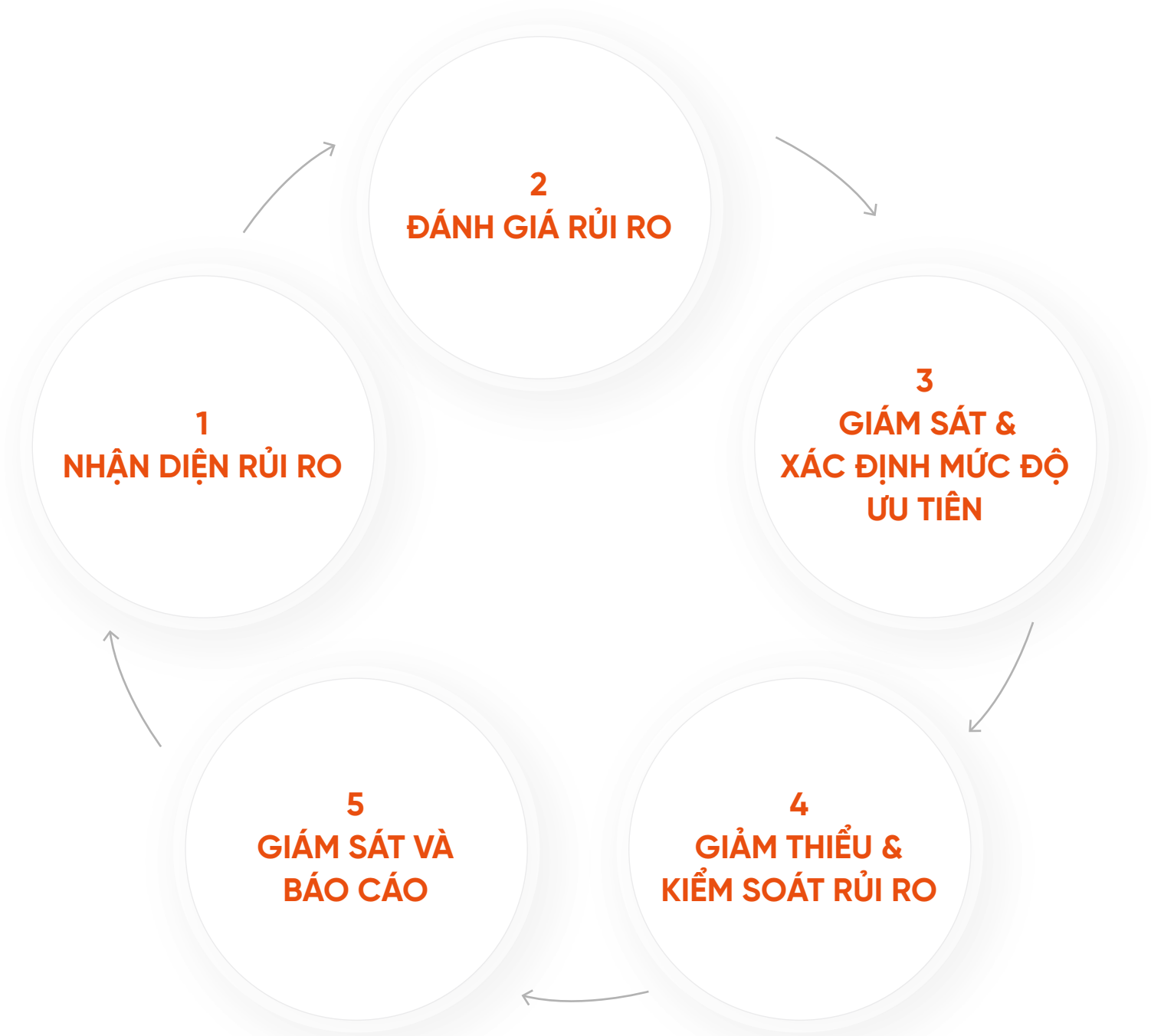


Bên chịu trách nhiệm	Trách nhiệm chính	Phạm vi công việc
Hội đồng Quản trị (HĐQT), được giám sát bởi Ban Kiểm soát	Giám sát và Quản trị Rủi ro	- Đảm bảo sự phù hợp giữa quản trị rủi ro, mục tiêu doanh nghiệp và các yêu cầu pháp lý. - Rà soát các chính sách liên quan đến rủi ro, khẩu vị rủi ro và các chiến lược giảm thiểu rủi ro nhằm ứng phó với các thách thức mới phát sinh. - Đánh giá các rủi ro trọng yếu để đảm bảo các thực hành quản trị và quản lý rủi ro phù hợp đang được triển khai.
Ban Điều hành và các Đơn vị Kinh doanh (BU) ("Chủ sở hữu rủi ro")	Sở hữu Rủi ro	- Chịu trách nhiệm xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro đặc thù trong phạm vi vận hành của từng đơn vị. - Đảm bảo các chiến lược giảm thiểu rủi ro phù hợp với các chính sách và ưu tiên của doanh nghiệp. - Cung cấp báo cáo rủi ro định kỳ cho Bộ phận ERM nhằm hỗ trợ việc giám sát rủi ro tập trung.
Bộ phận Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp (ERM)	Tập hợp và ra Chiến lược quản trị Rủi ro	- Tổng hợp thông tin rủi ro từ các BU để xây dựng bức tranh rủi ro toàn doanh nghiệp. - Phối hợp với các BU nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc nhận diện, giảm thiểu và minh bạch hóa rủi ro. - Hỗ trợ Ban Điều hành và HĐQT trong việc hiểu các xu hướng rủi ro chính, các mức độ phơi nhiễm rủi ro và các chiến lược giảm thiểu phù hợp. - Hỗ trợ quá trình ra quyết định có cân nhắc rủi ro bằng cách tích hợp yếu tố rủi ro vào hoạch định chiến lược và các hoạt động vận hành.

B.

Hệ thống Quản trị rủi ro

Tập đoàn đang xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện nhằm đảm bảo việc nhận diện, đánh giá và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu một cách chủ động. Quy trình này bao gồm 5 bước chính:



1. Nhận diện rủi ro – Rủi ro được nhận diện thông qua cả hai hướng tiếp cận từ dưới lên (các Đơn vị Kinh doanh (BU) xác định rủi ro vận hành, tài chính và thị trường) và từ trên xuống (ban lãnh đạo xác định rủi ro chiến lược, tuân thủ và rủi ro toàn doanh nghiệp) nhằm đảm bảo rằng rủi ro ở mọi cấp độ đều được ghi nhận và đánh giá về mức độ tác động tiềm ẩn.

2. Đánh giá rủi ro – Các rủi ro đã được nhận diện sẽ được đánh giá dựa trên mức độ ảnh hưởng và xác suất xảy ra, bao gồm cả đánh giá định tính và định lượng, phân tích kịch bản và kiểm thử độ căng (stress testing) nếu phù hợp, nhằm xác định mức độ nghiêm trọng và hậu quả tiềm tàng của từng rủi ro.

3. Giám sát và Xác định mức độ ưu tiên – Bộ phận ERM tổng hợp và hợp nhất các rủi ro trọng yếu từ các BU, đồng thời đối chiếu với rủi ro ở cấp độ doanh nghiệp để xây dựng cái nhìn toàn diện về mức độ phơi nhiễm rủi ro trên toàn tổ chức. Các rủi ro được ưu tiên xử lý dựa trên mức độ trọng yếu, yêu cầu pháp lý và tác động chiến lược, nhằm đảm bảo các rủi ro then chốt nhận được sự quan tâm và phân bổ nguồn lực phù hợp.

4. Giảm thiểu và Kiểm soát rủi ro – Các chủ sở hữu rủi ro, phối hợp cùng bộ phận ERM, xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro và các biện pháp kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế tác động tiêu cực có thể phát sinh. Bao gồm việc triển khai các biện pháp kiểm soát phòng ngừa, phát hiện và khắc phục, phân công quyền sở hữu rủi ro và đảm bảo trách nhiệm trong triển khai các biện pháp giảm thiểu. Giám đốc Tài chính (CFO) giám sát quá trình này nhằm đảm bảo sự phù hợp với các mục tiêu tài chính và chiến lược.

5. Giám sát và Báo cáo – Rủi ro được theo dõi liên tục thông qua cơ chế báo cáo định kỳ và các buổi rà soát rủi ro theo chu kỳ. Các cập nhật về trạng thái rủi ro, hiệu quả kiểm soát và diễn biến mới được báo cáo lên cấp quản lý cấp cao, đảm bảo tính minh bạch và chủ động trong quản lý các rủi ro phát sinh.

Khung quản trị rủi ro có cấu trúc này giúp tăng cường tính minh bạch trong quản lý rủi ro, cải thiện quá trình ra quyết định và tích hợp quản trị rủi ro vào chiến lược kinh doanh, từ đó cho phép Tập đoàn chủ động ứng phó với các bất định và nắm bắt cơ hội với góc nhìn rủi ro được cân nhắc đầy đủ.

C. Các nhóm rủi ro chính

Tập đoàn VNG hoạt động trong một hệ sinh thái số năng động và có tính cạnh tranh cao, đối mặt với nhiều rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các mục tiêu chiến lược. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Tập đoàn chủ động theo dõi và quản lý các rủi ro này nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và thành công lâu dài. Dưới đây là các nhóm rủi ro chính và biện pháp kiểm soát đang được áp dụng:

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro Cạnh tranh thị trường: Áp lực cạnh tranh gay gắt trong các lĩnh vực kinh doanh trọng điểm bắt nguồn từ tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng. Những áp lực này có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh lời và thị phần của Tập đoàn. Chúng tôi ứng phó với các thách thức này thông qua đầu tư vào đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược nhằm củng cố vị thế tại thị trường Việt Nam và quốc tế. Các biện pháp kiểm soát bao gồm phân bổ nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, thực hiện các phân tích cạnh tranh định kỳ để theo dõi xu hướng công nghệ, và thiết lập quan hệ hợp tác dài hạn với các đơn vị đầu ngành để cùng phát triển các giải pháp đổi mới, được giám sát bởi Ban Tổng Giám đốc (SMT).

RỦI RO VẬN HÀNH:

Rủi ro Nhân sự: Là một doanh nghiệp công nghệ, VNG đối mặt với rủi ro trong việc thu hút, giữ chân và phát triển nhân tài trong ngành có tính cạnh tranh cao, đặc biệt ở các vị trí liên quan đến AI, điện toán đám mây và phát triển sản phẩm số. Những thách thức này có thể ảnh hưởng đến khả năng đổi mới, đáp ứng nhu cầu khách hàng và duy trì hiệu quả vận hành. Chúng tôi quản lý các rủi ro này thông qua chính sách đãi ngộ và phúc lợi cạnh tranh, các chương trình phát triển nhân tài toàn diện và văn hóa doanh nghiệp vững mạnh. Các biện pháp kiểm soát bao gồm khảo sát mức độ gắn kết của nhân viên định kỳ, sáng kiến phát triển năng lực lãnh đạo, và thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với các trường đại học và trung tâm công nghệ nhằm xây dựng nguồn nhân lực kế thừa, được giám sát bởi bộ phận Nhân sự.

Rủi ro tài chính: Việc vận hành tại nhiều quốc gia khiến Tập đoàn đối mặt với các rủi ro đặc thù như biến động tỷ giá, lãi suất không ổn định và chi phí vay vốn cao do các khoản đầu tư lớn được tài trợ từ ngân hàng, cùng với những thách thức về thanh khoản có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của doanh nghiệp. Chúng tôi quản lý các rủi ro này thông qua hệ thống quản trị tài chính hiệu quả và giám sát chặt chẽ dòng tiền cũng như mức độ phơi nhiễm tín dụng. Các biện pháp kiểm soát bao gồm triển khai các chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá khi phù hợp, thực hiện các cuộc rà soát ngân quỹ định kỳ để theo dõi chi phí vay và biến động lãi suất, đồng thời duy trì nguồn dự phòng thanh khoản để hỗ trợ nhu cầu vận hành, được giám sát bởi bộ phận Tài chính và Kế toán.

Rủi ro an ninh mạng và công nghệ thông tin: Là một doanh nghiệp internet hoạt động trong môi trường số năng động, Tập đoàn đối mặt với các mối đe dọa an ninh mạng liên tục thay đổi và rủi ro vận hành liên quan đến CNTT. Bộ phận An ninh Thông tin chịu trách nhiệm giám sát khung quản lý bảo mật và CNTT toàn diện, nhấn mạnh việc tuân thủ quy định thông qua các chính sách và tiêu chuẩn chặt chẽ, phát triển an toàn, kiểm thử điểm yếu chủ động, giám sát và phản ứng sự cố hiệu quả, cùng khả năng phục hồi hệ thống công nghệ. Chúng tôi cũng ưu tiên quản lý quyền truy cập, bảo mật dữ liệu, kiểm soát hạ tầng mạnh mẽ và đào tạo nhận thức để bảo vệ thông tin nhạy cảm và đảm bảo hoạt động liên tục của các hệ thống CNTT trọng yếu. Các biện pháp này giúp Tập đoàn ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa đang phát sinh và duy trì niềm tin từ các bên liên quan.

Rủi ro phát sinh: Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào trí tuệ nhân tạo và chiến lược mở rộng quốc tế đặt ra các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến quyền riêng tư dữ liệu, các vấn đề đạo đức trong triển khai AI, gián đoạn công nghệ, sự không chắc chắn về pháp lý tại các thị trường mới, và kỳ vọng ngày càng cao về các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Chúng tôi đang lên kế hoạch đánh giá và xử lý nghiêm túc các rủi ro này thông qua các chính sách quản trị trong tương lai, hoạt động đánh giá rủi ro và các sáng kiến phát triển bền vững, với trọng tâm là xây dựng năng lực vững chắc trong các lĩnh vực liên quan.

RỦI RO CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT

Rủi ro pháp lý và tuân thủ quy định: Hoạt động trong các lĩnh vực trò chơi trực tuyến, nền tảng kết nối, công nghệ tài chính và cung cấp dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp, Tập đoàn phải thích ứng với hệ thống quy định pháp lý không ngừng thay đổi tại Việt Nam và các thị trường quốc tế, bao gồm bảo mật dữ liệu, quy định tài chính, cấp phép và luật bản quyền. Việc không tuân thủ các quy định này có thể dẫn đến các hình phạt pháp lý, tổn thất tài chính và ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Tập đoàn đã triển khai chiến lược tuân thủ pháp lý toàn diện, bao gồm việc theo dõi liên tục các thay đổi về quy định và chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý. Chiến lược này được tích hợp trong khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp (ERM) của Tập đoàn.

Các biện pháp kiểm soát đảm bảo việc tuân thủ liên tục với cả quy định trong nước và quốc tế. Bao gồm rà soát tuân thủ định kỳ, đào tạo bắt buộc cho nhân viên và theo dõi các tiêu chuẩn ngành. Toàn bộ hoạt động được giám sát bởi bộ phận Pháp chế và Tuân thủ nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu pháp lý và thông lệ tốt nhất trong ngành.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

54 Thông tin chung

55 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

56 Báo cáo kiểm toán độc lập

57 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

60 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

61 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

63 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- quảng cáo thương mại;
- dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao VNG	miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm lại ngày 8 tháng 10 năm 2025
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	
Bà Trương Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Wong Kelly Yin Hon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG, tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

					B01-DN/HN				
					VND				
MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.520.370.646.307	4.338.133.625.165	240	III. Tài sản dở dang dài hạn		129.768.850.895	124.460.319.099
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820	242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	129.768.850.895	124.460.319.099
111	1. Tiền		2.322.081.337.728	2.290.510.133.964	250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		962.793.621.892	1.799.070.429.320
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.483.599.968.812	452.937.529.856	252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	821.859.141.242	838.762.505.786
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		925.800.250.000	60.004.115.130	253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	175.861.661.096	734.431.898.405
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	925.800.250.000	60.004.115.130	254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(35.127.180.446)	(597.482.974.871)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.192.780.445.850	868.882.163.080	255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	200.000.000	823.359.000.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	680.004.894.855	527.815.412.877	260	V. Tài sản dài hạn khác		265.975.161.950	254.811.030.335
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	175.317.577.838	180.710.081.402	261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	199.609.804.152	235.325.196.450
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	421.790.570.993	241.602.705.829	262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	66.365.357.798	6.213.056.683
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(84.332.597.836)	(81.246.037.028)	269	3. Lợi thế thương mại	18	-	13.272.777.202
140	IV. Hàng tồn kho		89.726.910.471	47.112.068.827	270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.352.254.039.576	9.434.153.227.231
141	1. Hàng tồn kho	11	91.039.113.893	48.172.751.852					
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11	(1.312.203.422)	(1.060.683.025)					
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		506.381.733.446	618.687.614.308					
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	274.939.619.376	310.442.964.158					
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21	202.248.014.303	274.208.088.392					
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	29.194.099.767	34.036.561.758					
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.831.883.393.269	5.096.019.602.066					
210	I. Phải thu dài hạn		9.004.697.038	13.566.125.480					
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	9.004.697.038	13.566.125.480					
220	II. Tài sản cố định		2.464.341.061.494	2.904.111.697.832					
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.254.834.151.096	2.608.690.117.377					
222	Nguyên giá		4.264.522.311.873	4.195.333.754.498					
223	Giá trị khấu hao lũy kế			(1.586.643.637.121)					
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	110.942.986.390	139.710.038.143					
225	Nguyên giá		166.550.996.628	161.305.595.964					
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(55.608.010.238)	(21.595.557.821)					
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	98.563.924.008	155.711.542.312					
228	Nguyên giá		1.039.320.481.370	1.010.926.532.609					
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(940.756.557.362)	(855.214.990.297)					

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DN/HN

			VND	
MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.462.019.973.268	8.326.204.270.177
310	I. Nợ ngắn hạn		8.014.617.533.597	5.916.173.957.992
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	812.268.489.881	614.548.103.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	79.902.340.690	61.468.650.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	265.096.483.729	159.780.353.891
314	4. Phải trả người lao động		58.056.970.452	60.604.984.026
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	1.563.508.817.151	1.323.779.147.014
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	2.594.799.747.529	1.843.189.184.199
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.345.088.065.766	1.098.006.268.426
320	8. Vay ngắn hạn	25	1.295.896.618.399	754.797.266.641
330	II. Nợ dài hạn		2.447.402.439.671	2.410.030.312.185
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	149.998.749.357	93.628.602.544
337	2. Phải trả dài hạn khác		439.693.328	333.497.000
338	3. Vay dài hạn	25	1.098.487.530.341	1.248.764.604.683
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	1.181.409.471.645	1.047.402.911.808
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	26	17.066.995.000	19.900.696.150

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DN/HN

VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		890.234.066.308	1.107.948.957.054
410	I. Vốn chủ sở hữu		890.234.066.308	1.107.948.957.054
411	1. Vốn cổ phần	27.1	293.769.740.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		293.769.740.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	(397.014.270.565)	(409.833.750.565)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	108.589.569.294	46.347.554.900
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	558.439.919.807	826.832.401.620
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		821.835.645.324	1.907.505.197.138
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	326.449.107.772	357.242.751.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.352.254.039.576	9.434.153.227.231

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



Báo cáo kết quả hoạt động kinh danh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-DN/HN

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	10.894.374.210.277	9.273.323.312.176
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(6.889.008.570.793)	(5.847.152.303.374)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.005.365.639.484	3.426.171.008.802
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	213.397.370.802	157.996.664.312
22	5. Chi phí tài chính	31	(192.782.470.614)	(177.306.640.826)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(137.813.161.195)	(145.335.261.844)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	17.1	(93.602.502.911)	(392.302.994.527)
25	7. Chi phí bán hàng	32	(2.557.514.836.500)	(1.970.946.985.364)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(1.318.345.935.228)	(1.329.745.568.320)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		56.517.265.033	(286.134.515.923)
31	10. Thu nhập khác	33	10.583.520.411	17.958.235.979
32	11. Chi phí khác	33	(188.599.291.486)	(467.259.691.122)
40	12. Lỗ khác	33	(178.015.771.075)	(449.301.455.143)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(121.498.506.042)	(735.435.971.066)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(130.631.780.368)	(80.032.571.141)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(73.854.258.722)	(364.912.559.611)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(325.984.545.132)	(1.180.381.101.818)
61	17. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	28	(62.588.819.615)	(99.708.306.300)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	(9.049)	(37.607)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	(9.049)	(37.607)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-DN/HN

			VND
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	13,14,15,18	
03	Dự phòng		
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		
06	Chi phí lãi vay	31	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		
11	Tăng các khoản phải trả		
12	Tăng chi phí trả trước		
14	Tiền lãi vay đã trả		
15	Thuế TNDN đã nộp		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		
23	Tiền chi cho vay		
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	Tiền lãi và cổ tức được nhận		
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND				
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		47.900.680.000	11.286.240.000
	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	28	26.950.000.000	80.959.739.760
33	Tiền thu từ đi vay	25	1.846.885.286.029	2.612.875.248.395
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.435.122.898.497)	(2.156.468.639.319)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(35.094.715.878)	(32.495.702.508)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	28	(580.008)	(600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		451.517.771.646	516.156.286.328
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		2.053.946.830.303	(1.099.904.376.537)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.743.447.663.820	3.837.906.886.822
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		8.286.812.417	5.445.153.535
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- quảng cáo thương mại;
- dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ–SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.327 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.324 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có mười ba (13) công ty con trực tiếp, hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và ba (3) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM		ĐỊA ĐIỂM	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	TÌNH TRẠNG
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Zion (“Zion”)	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na (“VinaData”)	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na (“Vina.net”)	99,50	99,50	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG (“VNGS”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI (“EPI”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie (“Zie”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần A4B (“A4B”)	100,00	100,00	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam (“ZPS”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH VNG Online (“VNG Online”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quỹ Kiến tạo Ước mơ (“DMF”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động
11.	Công ty TNHH 2MoreBits (“2MoreBits”)	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Zalo Platforms (“Zalo Platforms”)	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
13.	Công ty TNHH VNGGames (“VNGGames VN”)	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
14.	Công ty TNHH Verichains (“Verichains VN”)	-	-	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
II.	Công ty con gián tiếp							
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh (“MPT”)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center (“VNG DC”)	50,994	51,00	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. (“VNG Singapore”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited (“VNG Myanmar”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM		ĐỊA ĐIỂM	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	TÌNH TRẠNG
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
5.	VNG Games Co., Ltd (“VNGGames TH”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần XFM (“XFM”)	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
7.	ZingPlay International Pte. Ltd. (“ZPI”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn (“Thanh Sơn”)	99,999	100,00	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần Adtima (“Adtima”)	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Fiza (“Fiza”)	99,997	99,998	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Mixus (“Mixus”)	99,934	99,934	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
12.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. (“KMZ”) (*)	99,989	100,00	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
13.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. (“Instipay Holco”) (*)	47,73	66,67	47,73	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
14.	Instantiapay SG Pte. Ltd. (“Instipay SG”) (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
15.	Instantiapay Pty Ltd (“Instipay AU”)	47,73	100,00	47,73	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Limited (United Kingdom) (“Instipay UK”) (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
17.	Instantiapay Limited (Hongkong) (“Instipay HK”)	47,73	100,00	47,73	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngừng hoạt động
18.	Instantiapay Capital Pte. Ltd. (“Instipay Capital”)	47,73	100,00	-	-	Singapore	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
19.	Công ty TNHH InstantiPay Việt Nam (“Instipay VN”) (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
20.	VNG Investment Pte. Ltd. (“VNG Investment”) (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH Zing (“Zing”)	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Trước hoạt động

(i) Tập đoàn giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo GCNĐKDN của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn.

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM		ĐỊA ĐIỂM	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	TÌNH TRẠNG
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)							
22.	Công ty Cổ phần Greennode (“Greennode VN”)	98,789	99,80	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
23.	Greennode Pte. Ltd. (“Greennode SG”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
24.	Greennode Co., Ltd (“Greennode TH”)	99,989	100,00	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
25.	VNGGames Pte. Ltd. (“VNGGames SG”)	99,989	100,00	-	-	Singapore	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
26.	MLT Hong Kong Limited (“MLT HK”)	-	-	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Ngừng hoạt động
27.	Công ty TNHH VNG Solutions (“VNG Solutions”)	-	-	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
28.	Verichains SG Pte. Ltd (“Verichains SG”)	-	-	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
29.	YoPlatform FZE (“YoPlatform”)	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
30.	VNG Technologies LLC	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; Thiết bị Hệ thống Máy tính và Truyền thông; Thiết kế phần mềm; Dịch vụ công nghệ số cái phân tán; Tư vấn Công nghệ thông tin	Đang hoạt động

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM		ĐỊA ĐIỂM	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	TÌNH TRẠNG
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
III.	Công ty liên kết trực tiếp							
1.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd (“Funding Asia”)	4,37	4,37	4,37	4,37	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH (“VTH”)	35,00	35,00	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần DayOne Holding (“DayOne Holding”)	22,24	22,24	22,46	22,46	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Verichains (“Verichains VN”)	40,00	40,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Telio Pte. Ltd (“Telio”)	-	-	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đang trong quá trình giải thể
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck (“Ecotruck”)	-	-	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đang hoạt động
IV.	Công ty liên kết gián tiếp							
1.	Open Commerce Group Ltd. (“OCG”)	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
2.	NCV Games Pte. Ltd (“NCV”)	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Đang hoạt động
3.	Verichains SG Pte. Ltd (“Verichains SG”)	40,00	40,00	-	-	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
4.	Rocketeer Holding Limited (“Rocketeer”)	-	-	11,25	11,25	Quần đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
5.	Cloudverse Pte. Ltd (“Cloudverse”)	-	-	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
6.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd (“Beijing Youtu”)	-	-	14,00	14,00	Thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc	Phân phối trò chơi điện tử	Đang hoạt động

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2.7 Giả định hoạt động liên tục

Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 325.984.545.132 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 494.246.887.290 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng hoạt động kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Tập đoàn đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, cũng như nguồn tài chính bổ sung thông qua các hạn mức tín dụng hiện hữu. Tập đoàn kỳ vọng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Tập đoàn có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm, số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 – 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần mềm

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đóng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;

- Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành. Khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán; và

- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 39 của báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Tập đoàn phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Tập đoàn tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Tập đoàn được xác định khi Tập đoàn tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tập đoàn đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Tập đoàn ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên “tỷ lệ rời bỏ” bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Tập đoàn xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Tập đoàn xác định rằng một người chơi sẽ “rời bỏ” nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời

gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Tập đoàn sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Tập đoàn tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Tập đoàn cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng Zalopay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Tập đoàn bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Tập đoàn tính cho người chơi vì Tập đoàn là chủ thể trong giao dịch này. Tập đoàn kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (chẳng hạn như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Tập đoàn cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Tập đoàn yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Tập đoàn không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Tập đoàn ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác bao gồm:

- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác và các dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian

hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh các lĩnh vực trò chơi trực tuyến, truyền thông đa phương tiện, dịch vụ công nghệ tài chính, chuyển đổi số và dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Do Tập đoàn có trụ sở tại Việt Nam và Tập đoàn xem báo cáo bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh là báo cáo thông tin bộ phận chính yếu của mình, do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng việc trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý là không cần thiết.

4

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Thành lập các công ty con trong năm

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH 2MoreBits (“2MoreBits”) với tỷ lệ sở hữu là 100%. 2MoreBits có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zalo Platforms (“Zalo Platforms”) với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zalo Platforms có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Instantia Capital Pte. Ltd. (“Instpay Capital”) với tỷ lệ sở hữu là 47,73%. Instpay Capital có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập VNGGames Pte. Ltd. (“VNGGames SG”) với tỷ lệ sở hữu là 99,989%. VNGGames SG có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH VNGGames (“VNGGames VN”) với tỷ lệ sở hữu là 100%. VNGGames VN có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về trò chơi điện tử qua mạng.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zing (“Zing”) với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zing có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.

Chuyển nhượng cổ phần trong công ty con hiện hữu

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na (“Vinanet”), công ty con của Tập đoàn, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% phần vốn góp trong VNG Solutions cho một đối tác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 02/2025/NQHĐQT-VNN ngày 20 tháng 3 năm 2025. Theo đó, VNG Solutions không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2025, VNG Investment Pte. Ltd (“VNG Investment”), công ty con của Tập đoàn, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong VNG Technologies L.L.C cho đối tác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 02/2025/DRIW-VIVW ngày 3 tháng 4 năm 2025. Theo đó, VNG Technologies L.L.C không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Mất quyền kiểm soát trong Công ty TNHH Verichains (“Verichains VN”) và Verichains SG Pte. Ltd (“Verichains SG”)

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã ký kết các Hợp đồng Chuyển nhượng phần vốn góp với một nhà đầu tư chiến lược để chuyển nhượng 60% phần vốn góp của Tập đoàn trong Verichains VN và 60% tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Verichains SG.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2025, các giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu tương ứng trong Verichains VN và Verichains SG xuống còn 40%. Verichains VN và Verichains SG trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này. Tập đoàn ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý nói trên vào tài khoản doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	764.795.930	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.321.316.541.798	2.289.601.754.964
Tiền đang chuyển	-	274.234.084
Các khoản tương đương tiền (**)	2.483.599.968.812	452.937.529.856
TỔNG CỘNG	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần của tiền gửi ngân hàng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản thu được giữ hộ cho người bán cho các giao dịch mua chưa hoàn tất, số dư trong ví điện tử của người dùng Zalopay có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính của Tập đoàn, và một lượng tiền nhất định được ngân hàng yêu cầu dự trữ (hoặc duy trì) để đảm bảo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh – “TM”, số 5 và số 6) của Tập đoàn với tổng số dư 464 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch, liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(**) Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,75%/năm.

6 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 2,9% đến 6,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần của khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn này được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho một khoản vay dài hạn như được trình bày tại TM số 25.2.

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và được hưởng lãi suất 4,4%/năm.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu khách hàng	633.434.920.164	482.622.163.231
- Apple Inc.	223.430.655.905	124.359.229.931
- Google Inc.	82.775.831.821	57.555.262.345
- Khác	327.228.432.438	300.707.670.955
Phải thu các bên liên quan (TM số 36)	46.569.974.691	45.193.249.646
TỔNG CỘNG	680.004.894.855	527.815.412.877
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.937.497.836)	(17.850.937.028)
GIÁ TRỊ THUẦN	659.067.397.019	509.964.475.849

8 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho người bán	175.317.577.838	173.597.801.402
- Tạp chí Điện tử Tri Thức Trực tuyến	63.395.100.000	63.395.100.000
- Devsisters Corporation	26.218.300.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	2.961.338.132	49.165.988.342
- Hong Kong NetEase Interactive Entertainment Limited	-	25.401.000.000
- Các nhà cung cấp khác	82.742.839.706	35.635.713.060
Trả trước cho bên liên quan (TM số 36)	-	7.112.280.000
TỔNG CỘNG	175.317.577.838	180.710.081.402
Dự phòng trả trước cho người bán	(63.395.100.000)	(63.395.100.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	111.922.477.838	117.314.981.402

9 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	421.790.570.993	241.602.705.829
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	199.739.598.927	66.580.811.893
Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán	72.606.543.469	49.317.375.443
Tiền lãi phải thu	57.594.097.562	18.272.065.910
Tạm ứng cho nhân viên	3.602.976.129	12.199.616.292
Khác	88.247.354.906	95.232.836.291
Dài hạn	9.004.697.038	13.566.125.480
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	9.004.697.038	13.566.125.480
TỔNG CỘNG	430.795.268.031	255.168.831.309

10 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	81.246.037.028	82.639.895.160
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.086.560.808	1.055.183.049
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.449.041.181)
Số cuối năm	84.332.597.836	81.246.037.028

11 HÀNG TỒN KHO

		SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	63.302.651.389	-	16.387.967.482	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.390.596.358	-	9.584.304.003	-	
Hàng khuyến mãi	9.207.176.092	(1.312.203.422)	5.891.985.163	(1.060.683.025)	
Hàng hóa	8.138.690.054	-	16.308.495.204	-	
TỔNG CỘNG	91.039.113.893	(1.312.203.422)	48.172.751.852	(1.060.683.025)	

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	274.939.619.376	310.442.964.158
Chi phí kênh phân phối	169.805.083.710	145.977.853.067
Chi phí dịch vụ trả trước	62.639.531.965	66.250.022.464
Phí bản quyền phần mềm	20.545.122.157	83.809.941.595
Khác	21.949.881.544	14.405.147.032
Dài hạn	199.609.804.152	235.325.196.450
Tiền thuê đất trả trước (*)	96.420.766.347	103.097.280.168
Công cụ, dụng cụ	57.445.133.120	72.768.343.737
Phí bản quyền âm nhạc	15.267.732.466	21.928.050.045
Chi phí kênh phân phối	9.928.306.895	14.769.276.870
Chi phí sửa chữa văn phòng	9.533.320.632	10.080.560.323
Khác	11.014.544.692	12.681.685.307
TỔNG CỘNG	474.549.423.528	545.768.160.608

(*) Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất từ tiền thuê đất trả trước này để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1 và TM số 25.2).

13TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	KHÁC	VND TỔNG CỘNG
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.517.420.101.502	2.426.484.753.171	47.415.108.352	151.725.238.847	52.288.552.626	4.195.333.754.498
Mua trong năm	-	21.718.705.127	7.099.661.742	13.503.237.765	1.206.904.000	43.528.508.634
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	33.361.948.308	-	-	-	33.361.948.308
Thanh lý và xóa sổ	(2.008.091.000)	(85.407.044.581)	(2.346.250.194)	(19.443.054.135)	(1.841.863.995)	(111.046.303.905)
Phân loại lại	(8.844.314.959)	8.844.314.959	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.350.928.698)	104.264.355.599	-	430.977.437	-	103.344.404.338
Số cuối năm	1.505.216.766.845	2.509.267.032.583	52.168.519.900	146.216.399.914	51.653.592.631	4.264.522.311.873
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.524.449.430	677.304.835.857	38.385.769.559	117.228.756.029	49.753.480.464	884.197.291.339
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	(251.201.940.734)	(1.106.131.984.095)	(40.006.000.901)	(137.784.473.220)	(51.519.238.171)	(1.586.643.637.121)
Hao mòn trong năm	(77.695.589.229)	(395.641.663.520)	(4.532.195.357)	(11.627.502.375)	(478.668.667)	(489.975.619.148)
Phân loại lại	878.864.915	(878.864.915)	-	-	-	-
Thanh lý và xóa sổ	273.102.499	71.753.872.803	1.545.852.914	18.713.824.103	1.841.863.995	94.128.516.314
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(58.045.149)	(26.775.182.738)	-	(364.192.935)	-	(27.197.420.822)
Số cuối năm	(327.803.607.698)	(1.457.673.822.465)	(42.992.343.344)	(131.062.344.427)	(50.156.042.843)	(2.009.688.160.777)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.266.218.160.768	1.320.352.769.076	7.409.107.451	13.940.765.627	769.314.455	2.608.690.117.377
Số cuối năm	1.177.413.159.147	1.051.593.210.118	9.176.176.556	15.154.055.487	1.497.549.788	2.254.834.151.096
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (TM số 25.1 và TM số 25.2)	1.176.662.973.995	290.436.976.002	-	-	-	1.467.099.949.997

14

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ (*)

Nguyên giá:	
Số đầu năm	161.305.595.964
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	5.245.400.664
Số cuối năm	166.550.996.628
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(21.595.557.821)
Hao mòn trong năm	(33.011.732.218)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.000.720.199)
Số cuối năm	(55.608.010.238)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	139.710.038.143
Số cuối năm	110.942.986.390

(*) Tập đoàn thuê các tài sản liên quan đến dịch vụ đám mây (“Cloud service”) theo hợp đồng thuê tài chính nhằm mục đích sử dụng cho các hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet. Theo hợp đồng thuê tài chính này, Tập đoàn có thể mua lại các tài sản thuê tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong TM số 25.4.

15

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	PHẦN MỀM	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
VND			
Nguyên giá:			
Số đầu năm	947.022.718.761	63.903.813.848	1.010.926.532.609
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	87.270.390.800	2.806.289.000	90.076.679.800
Mua trong năm	75.034.687.318	-	75.034.687.318
Thanh lý và xóa sổ	(135.476.387.246)	-	(135.476.387.246)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(11.446.761.824)	(11.446.761.824)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	8.255.453.299	1.950.277.414	10.205.730.713
Số cuối năm	982.106.862.932	57.213.618.438	1.039.320.481.370
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	540.014.416.329	37.177.121.864	577.191.538.193
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(816.122.943.396)	(39.092.046.901)	(855.214.990.297)
Hao mòn trong năm	(112.652.332.754)	(3.624.936.005)	(116.277.268.759)
Tăng khác	(89.841.736.170)	-	(89.841.736.170)
Thanh lý và xóa sổ	129.376.001.630	-	129.376.001.630
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(8.526.637.091)	(271.926.675)	(8.798.563.766)
Số cuối năm	(897.767.647.781)	(42.988.909.581)	(940.756.557.362)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	130.899.775.365	24.811.766.947	155.711.542.312
Số cuối năm	84.339.215.151	14.224.708.857	98.563.924.008

16 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	91.405.178.776	95.045.817.824
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	28.565.797.642	20.568.206.332
Khác	9.797.874.477	8.846.294.943
TỔNG CỘNG	129.768.850.895	124.460.319.099

17 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 17.1)	821.859.141.242	838.762.505.786
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 17.2)	175.861.661.096	734.431.898.405
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (TM số 6)	200.000.000	823.359.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (TM số 17.2)	(35.127.180.446)	(597.482.974.871)
TỔNG CỘNG	962.793.621.892	1.799.070.429.320

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	597.482.974.871	102.792.808.196
Cộng: Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết	-	510.119.999.037
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(19.388.526.319)
Trừ: Xóa sổ trong năm	(563.462.099.037)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	1.106.304.612	3.958.693.957
Số cuối năm	35.127.180.446	597.482.974.871

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá trị đầu tư		
Số đầu năm	1.720.716.284.303	1.992.237.908.772
Tăng giá trị đầu tư	87.989.935.208	238.598.374.568
Thanh lý & xóa sổ khoản đầu tư	(727.224.129.535)	-
Chuyển sang đầu tư khác	-	(510.119.999.037)
Số cuối năm	1.081.482.089.976	1.720.716.284.303
Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư		
Số đầu năm	(881.953.778.517)	(999.770.783.027)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(93.602.502.911)	(392.302.994.527)
Cổ tức nhận được	(11.290.796.841)	-
Thanh lý & xóa sổ khoản đầu tư	727.224.129.535	-
Chuyển sang đầu tư khác	-	510.119.999.037
Số cuối năm	(259.622.948.734)	(881.953.778.517)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	838.762.505.786	992.467.125.745
Số cuối năm	821.859.141.242	838.762.505.786

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

TÊN CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	
Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd	272.879.679.386	381.379.367.370
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH	218.319.589.568	219.406.763.806
Công ty Cổ phần DayOne Holding	111.985.419.917	125.688.824.624
Open Commerce Group Ltd.	91.238.908.017	96.407.353.433
NCV Games Pte. Ltd.	98.813.774.374	15.880.196.553
Verichains SG Pte. Ltd	15.927.096.464	-
Công ty TNHH Verichains	12.694.673.516	-
Telio Pte. Ltd	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	-	-
Cloudverse Pte. Ltd	-	-
Rocketeer Holding Limited	-	-
TỔNG CỘNG	821.859.141.242	838.762.505.786

Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. (“Funding Asia”)

Funding Asia được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại Số 108 Đường Robinson, #06-01, Singapore 068902. Hoạt động chính của Funding Asia là kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 4,37% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,37%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH (“VTH”)

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính đặt tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư, xây

dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 35,00% quyền sở hữu VTH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 35,00%).

Công ty Cổ phần DayOne Holding (“DayOne Holding”)

DayOne Holding được thành lập theo GCNĐKKD số 0318506038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2024. DayOne Holding có trụ sở chính tại Số 102, Nguyễn Đình Chính, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne Holding là dịch vụ tư vấn quản lý.

Trong quý 2 năm 2025, DayOne Holding đã hoàn tất việc phát hành cổ phần cho nhân viên theo chương trình cổ phiếu cho người lao động. Theo đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của Tập đoàn trong DayOne Holding bị pha loãng còn 22,24% (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22,46%).

OpenCommerce Holding Pte. Ltd. (“OCG”)

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 12,17% tỷ lệ sở hữu trong OCG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12,17%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

NCV Games Pte. Ltd. (“NCV”)

NCV được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202425231Z ngày 24 tháng 6 năm 2024. NCV có trụ sở chính tại 9 Raffles Place, #26-01, Republic Plaza, Singapore. Hoạt động chính của NCV là phân phối bản quyền trò chơi điện tử.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 30,00% quyền sở hữu NCV (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30,00%).

Verichains SG Pte. Ltd (“Verichains SG”)

Verichains SG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202224603W ngày 15 tháng 7 năm 2022. Varichains SG có trụ sở chính tại 9 Raffles Place, #08-03, Republic Plaza, Singapore 048619. Hoạt động chính của Verichains SG là phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 40,00% quyền sở hữu Verichains SG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100,00%).

Công ty TNHH Verichains (“Verichains VN”)

Verichains VN được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 0317231038 ngày 11 tháng 7 năm 2022. Varichains VN có trụ sở chính tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Verichains VN là sản xuất và phát triển phần mềm các loại.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 40,00% quyền sở hữu Verichains VN (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100,00%).

Telio Pte. Ltd. (“Telio”)

Telio được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 10 Anson Road, #16-04, International Plaza, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Telio đang trong quá trình hoàn tất việc giải thể các công ty con và thực hiện thủ tục pháp lý liên quan. Trên cơ sở đó, Tập đoàn kết luận rằng khoản đầu tư này không còn khả năng thu hồi và thực hiện xóa sổ toàn bộ giá trị khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck (“Ecotruck”)

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với một bên thứ ba để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Ecotruck. Giao dịch trên đã hoàn tất vào ngày 21 tháng 8 năm 2025. Theo đó, Ecotruck không còn là công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

Cloudverse Pte. Ltd (“Cloudverse”)

Cloudverse được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202141526E vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Cloudverse có trụ sở chính tại tại 3 Fraser Street, #05-24 Duo Tower, Singapore 189352. Hoạt động chính của Cloudverse là cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2025/DRIW-VSG ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã xóa sổ khoản đầu tư vào Cloudverse.

Rocketeer Holding Limited (“Rocketeer”)

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2025/DRIW-VSG ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã xóa sổ khoản đầu tư vào Rocketeer.

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

SỐ CUỐI NĂM				SỐ ĐẦU NĂM				VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Haegin, Co. Ltd (“Haegin”)	55.555	0,57	109.607.027.334		55.555	0,57	106.155.034.938	-
Transcend Fund II			66.254.633.762	(35.127.180.446)			53.310.018.537	(34.020.875.834)
Tiki Global Pte. Ltd.					4.639.533	1,45	510.119.999.037	(510.119.999.037)
Wildseed Games, Inc.							50.802.000.000	(50.802.000.000)
Trái phiếu của Victoria Shanghai Educa- tion Foundation Limited							11.504.745.893	-
Real Stake Pte Ltd							2.540.100.000	(2.540.100.000)
TỔNG CỘNG			175.861.661.096	(35.127.180.446)			734.431.898.405	(597.482.974.871)

18 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains VN	TỔNG CỘNG	VND
Nguyên giá								
Số đầu năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945	
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	(158.604.581.243)		
Số cuối năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	-	33.378.271.702	
Phân bổ lũy kế								
Số đầu năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(4.961.679.835)	(151.396.079.443)		
Phân bổ trong năm	-	-	-	-	(6.064.275.402)	(720.850.181)	(6.785.125.583)	
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	152.116.929.624	152.116.929.624	
Số cuối năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(11.025.955.237)	-	(33.378.271.702)	
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	-	-	-	-	6.064.275.402	7.208.501.800	13.272.777.202	
Số cuối năm	-	-	-	-	-	-	-	

19 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả cho người bán	650.439.549.582	427.937.196.558
- Haegin, Co. Ltd.	60.659.128.040	8.212.535.988
- Seasun Games Corporation Limited	48.050.523.594	81.996.292.982
- Google Asia Pacific Pte. Ltd.	16.195.416.719	32.033.728.695
- Phải trả các người bán khác	525.534.481.229	305.694.638.893
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 36)	161.828.940.299	186.610.907.074
TỔNG CỘNG	812.268.489.881	614.548.103.632

20 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Người mua trả tiền trước	79.220.261.270	60.015.647.813
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 36)	682.079.420	1.453.002.350
TỔNG CỘNG	79.902.340.690	61.468.650.163

21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	GIẢM DO THANH LÝ CÔNG TY CON	SỐ CUỐI NĂM
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	274.208.088.392	667.590.016.587	(747.020.615.493)	7.866.362.892	(395.838.075)	202.248.014.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.036.561.758	36.519.746	(4.907.929.624)	28.947.887	-	29.194.099.767
TỔNG CỘNG	308.244.650.150	667.626.536.333	(751.928.545.117)	7.895.310.779	(395.838.075)	231.442.114.070
Phải nộp						
Thuế giá trị gia tăng	57.163.544.435	1.016.074.535.035	(1.004.849.870.042)	(1.927.986.294)	(291.540.173)	66.168.682.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.922.310.110	125.723.850.744	(47.875.710.683)	1.150.620.129	(5.106.145.954)	111.814.924.346
Thuế thu nhập cá nhân	35.858.020.765	339.058.487.052	(335.757.897.188)	(159.115.317)	(2.688.634.630)	36.310.860.682
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.836.478.581	500.585.817.859	(478.715.797.464)	122.560.910	(27.044.146)	50.802.015.740
TỔNG CỘNG	159.780.353.891	1.981.442.690.690	(1.867.199.275.377)	(813.920.572)	(8.113.364.903)	265.096.483.729

22 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
VND		
Phí bản quyền phần mềm	794.138.109.848	638.859.751.435
Chi phí lương, thưởng	497.866.534.283	305.293.360.951
Chi phí quảng cáo	103.002.285.501	44.837.456.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.870.434.055	80.280.344.461
Chi phí phải trả khác	97.631.453.464	254.508.233.826
TỔNG CỘNG	1.563.508.817.151	1.323.779.147.014
Trong đó:		
Chi phí phải trả bên khác	1.134.872.885.095	904.645.127.018
Chi phí phải trả bên liên quan (TM số 36)	428.635.932.056	419.134.019.996

23 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư cuối năm thể hiện số tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng, dịch vụ quảng cáo và các dịch vụ khác.

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
VND		
Ngắn hạn	2.594.799.747.529	1.843.189.184.199
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	2.179.234.964.795	1.634.154.034.241
Dịch vụ khác	415.564.782.734	209.035.149.958
Dài hạn	149.998.749.357	93.628.602.544
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	149.975.691.081	93.533.215.777
Dịch vụ khác	23.058.276	95.386.767
TỔNG CỘNG	2.744.798.496.886	1.936.817.786.743

24 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
VND		
Thu hộ	1.024.257.912.863	805.626.476.959
Nhận đặt cọc mua cổ phần (*)	202.103.280.000	178.841.570.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	38.661.289.233	29.351.930.195
Kinh phí công đoàn	13.500.163.062	12.720.637.842
Phải trả khác	66.565.420.608	71.465.653.430
TỔNG CỘNG	1.345.088.065.766	1.098.006.268.426
Trong đó:		
Phải trả khác bên khác	1.070.022.307.839	958.213.927.780
Phải trả khác bên liên quan (TM số 36)	275.065.757.927	139.792.340.646

(*) Số dư cuối năm bao gồm số tiền nhận được từ VNG Limited để mua cổ phần phổ thông của công ty con do Công ty sở hữu 100% khi VNG Limited phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“IPO”) – 190.145.750.000 VND hoặc 7.250.000 đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2024: 139.705.500.000 VND hoặc 5.500.000 đô la Mỹ). Nếu đợt IPO không diễn ra đúng thời hạn đã định, công ty con có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền này cho VNG Limited.

25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	GIẢM DO THANH LÝ CÔNG TY CON	PHÂN LOẠI LẠI	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	SỐ CUỐI NĂM
Ngắn hạn:	754.797.266.641	1.809.000.030.190	(1.470.217.614.375)	(16.500.000.000)	215.665.753.779	3.151.182.164	1.295.896.618.399
Vay ngân hàng ngắn hạn (TM số 25.1)	558.040.997.116	1.701.006.030.190	(1.264.737.442.285)	-	-	-	994.309.585.021
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (TM số 25.2)	159.266.835.811	-	(170.385.456.212)	-	177.525.899.612	-	166.407.279.211
Vay bên khác ngắn hạn (TM số 25.3)	3.500.000.000	107.994.000.000	-	(16.500.000.000)	-	2.045.900.000	97.039.900.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (TM số 25.4)	33.989.433.714	-	(35.094.715.878)	-	38.139.854.167	1.105.282.164	38.139.854.167
Dài hạn:	1.248.764.604.683	37.885.255.839	-	-	(215.665.753.779)	27.503.423.598	1.098.487.530.341
Vay ngân hàng dài hạn (TM số 25.2)	1.153.944.170.342	37.885.255.839	-	-	(177.525.899.612)	24.420.014.332	1.038.723.540.901
Nợ thuê tài chính (TM số 25.4)	94.820.434.341	-	-	-	(38.139.854.167)	3.083.409.266	59.763.989.440
TỔNG CỘNG	2.003.561.871.324	1.846.885.286.029	(1.470.217.614.375)	(16.500.000.000)	-	30.654.605.762	2.394.384.148.740

25.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM VND	KỲ HẠN TRẢ GỐC	LÃI SUẤT %/NĂM	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	994.309.585.021	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	5,5	(i) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 24, Tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu đo năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh (TM số 12 và TM số 13). (ii) 40.000.000 (Bốn mươi triệu) cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sở hữu tại VinaData

25.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM VND	KỲ HẠN TRẢ GỐC	LÃI SUẤT %/NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Singapore	775.379.801.314	Ngày 1 tháng 8 năm 2027	1.65 per annum over the 3-month Term SOFR	Đầu tư tài sản cố định	Khoản tiền gửi ngân hàng tại VinaData (TM số 6)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	274.999.999.969	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028	8,5	Tài trợ cho dự án “Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm”	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Quyền sử dụng từ tiền thuê đất trả trước, chi phí xây dựng và máy móc thiết bị của dự án “Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm” (TM số 12 và TM số 13)
	1.199.399.400	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 8 năm 2031	8,5		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn	82.761.526.950	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028	7,4	Đầu tư tài sản cố định	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (TM số 13)
	37.885.255.839	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2030	7,0		
	32.904.836.640	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 28 tháng 9 năm 2028	7,4		
TỔNG CỘNG	1.205.130.820.112				
Trong đó:					
Vay dài hạn	1.038.723.540.901				
Vay dài hạn đến hạn trả	166.407.279.211				

25.3 Vay bên thứ ba ngắn hạn

Chi tiết khoản vay bên thứ ba ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Chỉ tiết khoản vay bên thứ ba ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

CÔNG TY	SỐ CUỐI NĂM VND	KỲ HẠN TRẢ GỐC	LÃI SUẤT %/NĂM	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO	VND
Vibrant Concepts Pte. Ltd	65.567.500.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	5,96	Khoản vay chuyển đổi	
	31.472.400.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	9,5	Tín chấp	
	97.039.900.000				

25.4 Nợ thuê tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê dịch vụ đám mây "Cloud service" theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

							VND
			SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Đến 1 năm	44.877.124.608	6.737.270.441	38.139.854.167	43.463.752.704	9.474.318.990	33.989.433.714	
Từ 1 đến 5 năm	63.575.952.755	3.811.963.315	59.763.989.440	105.037.427.769	10.216.993.428	94.820.434.341	
TỔNG CỘNG	108.453.077.363	10.549.233.756	97.903.843.607	148.501.180.473	19.691.312.418	128.809.868.055	

26 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư cuối năm thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong TM số 3.13.

27

VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

27.1 Hình ảnh tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG CỘNG
Năm trước					
Số đầu năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	15.684.217.402	2.842.320.047.141	2.735.530.513.978
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.080.672.795.518)	(1.080.672.795.518)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(934.814.850.003)	(934.814.850.003)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	30.663.337.498	-	30.663.337.498
Số cuối năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	46.347.554.900	826.832.401.620	750.706.205.955
Năm nay					
Số đầu năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	46.347.554.900	826.832.401.620	750.706.205.955
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(263.395.725.517)	(263.395.725.517)
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	6.409.740.000	12.819.480.000	-	-	19.229.220.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(4.996.756.296)	(4.996.756.296)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	62.242.014.394	-	62.242.014.394
Số cuối năm	293.769.740.000	(397.014.270.565)	108.589.569.294	558.439.919.807	563.784.958.536

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2025 và số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn thành việc phát hành 640.974 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) với giá phát hành là 30.000 VND/ cổ phiếu vào ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND và được Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 43 vào ngày 16 tháng 7 năm 2025.

27.2 Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM CỔ PHIẾU	SỐ ĐẦU NĂM CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.376.974	28.736.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

27.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	287.360.000.000	287.360.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	6.409.740.000	-
Số cuối năm	293.769.740.000	287.360.000.000

28 LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	357.242.751.099	74.569.536.248
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	4.996.756.296	301.422.381.391
Góp vốn trong năm	26.950.000.000	80.959.739.760
Giảm vốn trong năm	(151.000.000)	-
Cổ tức	(580.008)	(600.000)
Lỗ thuần trong năm	(62.588.819.615)	(99.708.306.300)
Số cuối năm	326.449.107.772	357.242.751.099

29 DOANH THU

29.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	6.937.269.142.870	6.420.105.140.042
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	1.694.494.544.568	887.006.873.056
Dịch vụ công nghệ tài chính	1.110.494.151.862	754.369.732.977
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	974.529.762.669	928.510.359.167
Dịch vụ khác	177.586.608.308	283.331.206.934
TỔNG CỘNG	10.894.374.210.277	9.273.323.312.176
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	10.816.578.465.286	9.170.152.951.074
Doanh thu đối với bên liên quan	77.795.744.991	103.170.361.102

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	89.192.086.003	58.769.268.625
Lãi tiền gửi	77.385.078.494	48.840.257.059
Lãi chênh lệch tỷ giá	44.231.111.616	49.729.738.301
Khác	2.589.094.689	657.400.327
TỔNG CỘNG	213.397.370.802	157.996.664.312

30 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phí bản quyền phần mềm	2.275.461.546.579	1.759.400.441.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.457.128.984	1.872.098.871.685
Chi phí nhân viên	1.826.957.444.746	1.597.007.004.913
Chi phí khấu hao và hao mòn	589.158.370.877	496.867.291.498
Chi phí khác	118.974.079.607	121.778.693.932
TỔNG CỘNG	6.889.008.570.793	5.847.152.303.374

31 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	137.813.161.195	145.335.261.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.230.988.761	34.679.322.649
Lỗ thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.188.412.001	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	-	(19.388.526.319)
Chi phí tài chính khác	9.549.908.657	16.680.582.652
TỔNG CỘNG	192.782.470.614	177.306.640.826

32 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí bán hàng	2.557.514.836.500	1.970.946.985.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.106.399.902.522	1.543.575.193.983
Chi phí nhân viên	387.106.584.036	383.617.617.770
Chi phí khác	64.008.349.942	43.754.173.611
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.318.345.935.228	1.329.745.568.320
Chi phí nhân viên	815.376.790.182	733.845.725.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.745.028.305	446.059.076.156
Chi phí khấu hao và hao mòn	56.830.502.031	66.874.957.764
Công cụ, dụng cụ	30.119.711.786	51.864.586.166
Chi phí khác	28.273.902.924	31.101.223.074
TỔNG CỘNG	3.875.860.771.728	3.300.692.553.684

33 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	10.583.520.411	17.958.235.979
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.218.839.031	12.320.302.821
Thu nhập khác	4.364.681.380	5.637.933.158
Chi phí khác	(188.599.291.486)	(467.259.691.122)
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(103.873.589.968)	(314.531.937.155)
Chi phí bồi thường	(29.187.738.613)	(129.004.592.615)
Chi phí xóa sổ tài sản	(8.032.670.403)	(15.872.405.212)
Chi phí khác	(47.505.292.502)	(7.850.756.140)
LỖ THUẦN KHÁC	(178.015.771.075)	(449.301.455.143)

34 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.572.602.059.811	3.861.733.141.824
Chi phí nhân viên	3.029.440.818.964	2.714.470.347.843
Phí bản quyền phần mềm	2.275.461.546.579	1.759.400.441.346
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (TM số 13, 14, 15 và 18)	646.049.745.708	563.803.122.062
Công cụ, dụng cụ	97.656.242.308	112.747.025.307
Chi phí khác	143.658.929.151	135.690.778.676
TỔNG CỘNG	10.764.869.342.521	9.147.844.857.058

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- VNG Singapore, ZPI, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay Capital, Greennode SG và VNGGames SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.
- MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

- Instpay AU và KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%, áp dụng cho doanh nghiệp có lợi nhuận chịu thuế thấp hơn 50 nghìn Bảng Anh.
- VinaData có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- YoPlatform và VNG Technologies LLC có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	130.631.780.368	80.032.571.141
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	73.854.258.722	364.912.559.611
TỔNG CỘNG	204.486.039.090	444.945.130.752

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(121.498.506.042)	(735.435.971.066)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(16.769.458.245)	(139.213.664.680)
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	48.685.027.888	69.613.300.734
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	165.238.529.606	30.053.592.939
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	175.354.542.145	394.001.099.532
Chuyển lỗ thuế của các năm trước	(113.968.216.335)	(161.570.256)
Lỗ từ công ty liên kết	18.720.500.582	78.460.598.905
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	364.689.139	412.745.817
(Lãi) lỗ từ thanh lý công ty con trên khía cạnh hợp nhất	(13.321.148.722)	41.232.549.411
Thuế được miễn, giảm	(7.166.749.295)	13.632.577.373
Khác	(52.651.677.673)	(43.086.099.023)
Chi phí thuế TNDN	204.486.039.090	444.945.130.752

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm nay và năm trước như sau:

VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Hao mòn của tài sản cố định vô hình	62.055.911.376	-	62.055.911.376	-
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	1.428.191.800	1.902.442.204	(474.250.404)	(4.912.808.785)
Khác	2.881.254.622	4.310.614.479	(1.429.359.857)	1.862.450.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	66.365.357.798	6.213.056.683		
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(1.159.661.128.518)	(1.043.488.282.822)	(116.172.845.696)	(372.676.946.262)
Chênh lệch khấu hao tài sản thuê tài chính	(15.285.591.613)	-	(15.285.591.613)	-
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi	(1.740.854.363)	(2.300.593.866)	559.739.503	3.080.698.476
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	-	(114,050,201)	114.050.201	8.608.940.385
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.721.897.151)	(1.499.984.919)	(3.221.912.232)	(874.893.492)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(1.181.409.471.645)	(1.047.402.911.808)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(73.854.258.722)	(364.912.559.611)

35.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, với chi tiết như sau:

- Zion, VNG, XFM, VNG Online, VNG DC, A4B, EPI, KMZ, Instpay VN, Greennode VN, Greennode TH, 2MoreBits, Zalo Platforms, Zing, và VNGGames VN được phép chuyển lỗ trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗ thuế đó;
- VNG Myanmar được phép chuyển lỗ trong vòng ba (3) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗ thuế đó;
- VNG Sing Taiwan được phép chuyển lỗ trong vòng mười (10) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗ thuế đó; và
- Các công ty còn lại được phép chuyển lỗ vô thời hạn.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 8.350.675.094.308 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.734.980.858.229 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ THUẾ (*)	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	VND
Zion						
2020	2025	684.736.684.940	-	(684.736.684.940)	-	
2021	2026	1.230.587.154.213	-	-	1.230.587.154.213	
2022	2027	1.309.868.544.829	-	-	1.309.868.544.829	
2023	2028	665.058.849.061	-	-	665.058.849.061	
2024	2029	392.560.442.461	-	-	392.560.442.461	
2025	2030	418.869.371.381	-	-	418.869.371.381	
VNG						
2021	2026	252.761.680.345	(252.761.680.345)	-	-	
2022	2027	1.326.542.258.087	(301.764.860.022)	-	1.024.777.398.065	
2023	2028	377.568.981.245	-	-	377.568.981.245	
2024	2029	1.099.061.232.957	-	-	1.099.061.232.957	
VNG Singapore						
2018	Vô thời hạn	81.259.491.384	-	-	81.259.491.384	
2020	Vô thời hạn	14.636.277.144	-	-	14.636.277.144	
2022	Vô thời hạn	209.280.030.048	-	-	209.280.030.048	
2023	Vô thời hạn	49.284.005.103	-	-	49.284.005.103	
2024	Vô thời hạn	139.545.979.560	-	-	139.545.979.560	
2025	Vô thời hạn	268.772.084.004	-	-	268.772.084.004	

VNG Online						
2023	2028	44.296.363.685	-	-	44.296.363.685	
2024	2029	112.056.748.246	-	-	112.056.748.246	
2025	2030	14.764.706.334	-	-	14.764.706.334	
GreenNode VN						
2023	2028	4.113.258	(4.113.258)	-	-	
2024	2029	7.955.136	(7.955.136)	-	-	
KMZ						
2022	2027	26.339.161.029	-	-	26.339.161.029	
2023	2028	52.015.560.924	-	-	52.015.560.924	
2024	2029	295.182.965.392	-	-	295.182.965.392	
2025	2030	252.644.540	-	-	252.644.540	
VNG DC						
2022	2027	1.059.614.789	-	-	1.059.614.789	
2023	2028	46.028.571.936	-	-	46.028.571.936	
2024	2029	20.563.534.550	-	-	20.563.534.550	
2025	2030	28.039.638.360	-	-	28.039.638.360	
XFM						
2020	2025	5.735.187.541	-	(5.735.187.541)	-	
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534	
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994	
2023	2028	22.700.395.189	-	-	22.700.395.189	
2024	2029	8.954.971.621	-	-	8.954.971.621	
2025	2030	1.917.530.656	-	-	1.917.530.656	
VNG Sing chi nhánh Taiwan						
2023	2033	25.517.912.742	-	-	25.517.912.742	
2024	2034	35.516.486.547	-	-	35.516.486.547	
2025	2035	18.365.676.796	-	-	18.365.676.796	
Instapay AU						
2022	Vô thời hạn	3.838.773.273	(1.023.481.244)	-	2.815.292.029	
2023	Vô thời hạn	15.638.148.599	-	-	15.638.148.599	
2024	Vô thời hạn	6.964.268.183	-	-	6.964.268.183	

NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ THUẾ (*)	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	VND
Instapay SG						
2022	Vô thời hạn	130.037.976	-	-	130.037.976	
2023	Vô thời hạn	15.652.642.320	-	-	15.652.642.320	
2024	Vô thời hạn	23.323.583.304	-	-	23.323.583.304	
2025	Vô thời hạn	18.860.185.080	-	-	18.860.185.080	
Greennode TH						
2024	2029	14.278.991.669	(14.278.991.669)	-	-	
EPI						
2024	2029	12.280.144.785	-	-	12.280.144.785	
2025	2030	63.895.136.309	-	-	63.895.136.309	
VNG Myanmar						
2023	2026	1.499.443.391	-	-	1.499.443.391	
2024	2027	893.319.048	-	-	893.319.048	
2025	2028	85.513.420	-	-	85.513.420	
Instapay Holco						
2022	Vô thời hạn	137.575.656	-	-	137.575.656	
2023	Vô thời hạn	838.891.800	-	-	838.891.800	
2024	Vô thời hạn	19.864.801.872	-	-	19.864.801.872	
2025	Vô thời hạn	5.272.139.304	-	-	5.272.139.304	
Instapay UK						
2023	Vô thời hạn	1.985.088.045	-	-	1.985.088.045	
2024	Vô thời hạn	5.837.594.403	-	-	5.837.594.403	
2025	Vô thời hạn	9.139.600.294	-	-	9.139.600.294	
A4B						
2024	2029	5.490.290.440	-	-	5.490.290.440	
2025	2030	18.583.236.542	-	-	18.583.236.542	

NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ THUẾ (*)	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	VND
Instapay HK						
2023	Vô thời hạn	29.072.442	-	-	29.072.442	
2024	Vô thời hạn	255.649.191	-	-	255.649.191	
2025	Vô thời hạn	69.272.404	-	-	69.272.404	
Instapay Capital						
2025	indefinite	39.455.856	-	-	39.455.856	
2MoreBits						
2025	2030	5.599.045.235	-	-	5.599.045.235	
Zalo Platforms						
2025	2030	24.546.065.754	-	-	24.546.065.754	
VNGGames VN						
2025	2030	21.430.318.527	-	-	21.430.318.527	
VNGGames SG						
2025	2030	1.509.787.687	-	-	1.509.787.687	
Zing						
2025	2030	1.473.895.626	-	-	1.473.895.626	
Instapay VN						
2023	2028	2.104.397	-	-	2.104.397	
2024	2029	2.331.748	-	-	2.331.748	
2025	2030	2.420.322	-	-	2.420.322	

TỔNG CỘNG **9.610.988.048.463 (569.841.081.674) (690.471.872.481) 8.350.675.094.308**

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế tại một số công ty trong Tập đoàn trị giá là 8.344.823.404.533 VND do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai cho từng công ty tại thời điểm này.

36 CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoài các công ty liên kết như được trình bày tại TM số 1, danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Tập đoàn như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Dorocat Games Co., Ltd. (“Dorocat”)	Công ty con của công ty liên kết
DayOne Joint Stock Company	Công ty con của công ty liên kết
Got It Company Limited (“Got It”)	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited (“Tencent Shenzhen”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co., Ltd (“Tencent Shanghai”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Cloud International Pte Ltd (“Tencent Cloud”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited (“Proxima”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd (“Riot Games Services”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd (“Aceville”)	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên của Hội đồng Quản trị,

Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND			
BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	813.331.211.607	657.921.622.341
Riot Games Services	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	38.391.992.741	30.606.607.740
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	820.259.678.342	599.500.749.238
Proxima	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.683.798.764	10.652.565.608
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	94.155.504.631	167.031.558.777
NCV Games	Phí bản quyền phần mềm	88.596.975.566	-
NCV Games	Cung cấp dịch vụ	64.857.691.785	-
Tencent Cloud	Mua dịch vụ	66.991.405.410	-
DayOne	Bán thẻ điện thoại	63.617.464.170	1.793.902.601
DayOne	Cung cấp dịch vụ	1.297.838.451	1.027.113.625
Verichains VN	Thanh lý tài sản	5.383.038.896	-
Verichains VN	Cung cấp dịch vụ	1.533.310.500	-
Verichains VN	Sử dụng dịch vụ	4.482.399.000	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	7.901.510.081	35.616.224.925
VTH	Cung cấp dịch vụ	658.800.000	263.400.000
Aceville	Mua dịch vụ	-	88.819.590.355
Got It	Bán thẻ cào	-	58.161.258.824

36

CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao, trợ cấp của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Ông Lê Hồng Minh (i)	7.570.864.000	7.104.438.000
Ông Vương Quang Khải (ii)	13.275.244.000	6.531.728.000
Thành viên Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	21.026.108.000	13,816,166,000
(i) Nhà sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.		
(ii) Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.		
	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng Giám đốc		
Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)	1.282.743.419	592.036.500
Các thành viên quản lý chủ chốt khác		
Tiền lương trung bình một tháng cho một người (VND/tháng/người)		
Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	504.472.858	477.491.458

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	VND		
BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 7)			
Riot Games Services	Cung cấp dịch vụ	38.274.370.846	38.548.714.661
Verichains VN	Cung cấp dịch vụ	8.090.760.924	-
Proxima	Cung cấp dịch vụ	92.428.490	6.579.455.267
DayOne	Cung cấp dịch vụ	53.122.431	4.689.718
VTH	Cung cấp dịch vụ	59.292.000	60.390.000
		46.569.974.691	45.193.249.646
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 8)			
Dorocat	Phí bảo lãnh tối thiểu	-	7.112.280.000

36 CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)			
Proxima	Mua dịch vụ	117.173.900.943	131.960.654.601
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	13.105.107.658	18.490.848.142
Tencent Cloud	Mua dịch vụ	14.799.762.554	-
NCV Games	Mua dịch vụ	8.627.673.847	-
Verichains VN	Mua dịch vụ	7.450.059.584	-
Tencent Shanghai	Mua dịch vụ	417.735.713	8.786.849.137
DayOne	Mua dịch vụ	254.700.000	265.400.000
DayOne	Mua hàng hóa	-	5.143.720
Aceville	Mua dịch vụ	-	24.605.793.754
Aceville	Phí bản quyền phần mềm	-	2.496.217.720
		161.828.940.299	186.610.907.074
Người mua trả tiền trước (TM số 20)			
DayOne	Mua dịch vụ	682.079.420	1.453.002.350

		VND	
BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 22)			
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	225.378.484.647	216.088.179.247
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	152.164.447.162	140.837.781.238
Proxima	Chi phí vận hành	15.234.430.555	23.712.477.457
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	16.109.947.669	26.896.002.669
NCV Games	Phí bản quyền phần mềm	12.989.281.555	-
Tencent Cloud	Dịch vụ lưu trữ máy chủ	5.591.071.643	-
Verichains VN	Chi phí vận hành	925.992.000	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	242.276.825	3.829.644.218
Aceville	Mua dịch vụ	-	7.769.935.167
		428.635.932.056	419.134.019.996
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 24)			
VNG Limited	Tạm ứng mua cổ phần	190.145.750.000	139.705.500.000
NCV Games	Thu hộ	84.710.396.367	-
DayOne	Thu hộ	209.611.560	86.840.646
		275.065.757.927	139.792.340.646

37 LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	29.106.536	28.736.000
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP II (*)	891.899	1.027.104
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (*)	598.432	626.564
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	30.596.867	30.389.668
Lỗ trên mỗi cổ phiếu		
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(9.049)	(37.607)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	(9.049)	(37.607)

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công cụ có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho các năm được trình bày.

38 CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đến 1 năm	98.261.790.822	140.878.188.055
Từ 1 đến 5 năm	106.764.190.165	323.241.056.370
TỔNG CỘNG	205.025.980.987	464.119.244.425

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phí bản quyền trò chơi	95.682.734.506	210.267.090.306
Phí đảm bảo tối thiểu	227.307.551.000	251.406.397.500
Máy móc và thiết bị	104.830.963.690	21.344.434.046
TỔNG CỘNG	427.821.249.196	483.017.921.852

Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác

(i) Trong năm 2022, Tập đoàn đã ký kết một thỏa thuận đăng ký để đầu tư vào một công ty hợp danh hữu hạn mới thành lập. Theo các điều khoản của thỏa thuận, việc cam kết tài trợ toàn bộ số tiền 24 triệu USD của Tập đoàn được các bên công nhận là phụ thuộc vào việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited, phương tiện niêm yết của Tập đoàn. Trường hợp IPO không diễn ra trước một thời hạn nhất định, Tập đoàn sẽ không bị xem là vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền cam kết. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không có ý định tiếp tục thực hiện thỏa thuận đăng ký này trừ khi IPO diễn ra vào hoặc trước ngày thống nhất của các đối tác, đã được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Theo đó, trong trường hợp như vậy, Tập đoàn có thể chấm dứt thỏa thuận mà không phải chịu bất kỳ hình phạt nào.

(ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Tập đoàn, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Tập đoàn có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Tập đoàn sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

39NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên ("ESOP")

Tập đoàn có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của kỳ đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

(i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	NĂM NAY		NĂM TRƯỚC	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số đầu năm	30.000	977.282	30.000	889.704
Cấp trong năm	30.000	376.405	30.000	546.701
Mất quyền mua trong năm	30.000	(137.923)	30.000	(75.076)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(426.014)	30.000	(384.047)
Số cuối năm		789.750		977.282

40CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

Ngoại tệ:		
MMK	15.109.734	17.162.534
USD	11.008.873	14.516.791
TWD	5.838.789	15.542.672
SGD	5.272.909	3.399.376
THB	2.334.336	3.120.673
CNY	916.132	248.137
AUD	530.321	392.572
PHP	397.194	540.723
JPY	311.118	-
EUR	64.781	2.159.588
GBP	7.744	13.737

41THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trò chơi trực tuyến;
- Truyền thông đa phương tiện;
- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ chuyển đổi số; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

41

THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh. như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025								VND
	TRÒ CHƠI TRỰC TUYẾN	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ	DỊCH VỤ ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	TỔNG CỘNG	LOẠI TRỪ/CHƯA ĐƯỢC PHÂN BỐ	HỢP NHẤT
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh								
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	7.054.073.109.956	1.717.757.115.946	1.110.654.019.283	774.368.700.493	237.521.264.599	10.894.374.210.277	-	10.894.374.210.277
Doanh thu giữa các bộ phận	73.184.210	2.910.975.202	122.117.828.532	331.857.847.923	111.330.419.952	568.290.255.819	(568.290.255.819)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.054.146.294.166	1.720.668.091.148	1.232.771.847.815	1.106.226.548.416	348.851.684.551	11.462.664.466.096	(568.290.255.819)	10.894.374.210.277
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh	938.591.009.200	118.028.392.718	(489.233.944.933)	130.822.808.844	(139.821.180.241)	558.387.085.588	-	558.387.085.588
Đối chiếu								-
Các khoản chi phí không được phân bổ								(606.897.988.907)
Doanh thu tài chính								213.397.370.802
Chi phí tài chính								(192.782.470.614)
Lỗ từ công ty liên kết								(93.602.502.911)
Tổng lỗ trước thuế								(121.498.506.042)
THÔNG TIN KHÁC:								
Tài sản và công nợ								
Tài sản bộ phận	1.198.515.348.597	644.890.020.789	1.406.716.114.544	2.115.646.303.076	1.382.597.044.373	6.748.364.831.379	-	6.748.364.831.379
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	4.615.889.208.197	4.615.889.208.197
Tổng tài sản	1.198.515.348.597	644.890.020.789	1.406.716.114.544	2.115.646.303.076	1.382.597.044.373	6.748.364.831.379	4.615.889.208.197	11.364.254.039.576
Công nợ bộ phận	4.718.315.752.180	690.031.468.636	965.940.775.633	432.549.043.976	451.030.369.493	7.257.867.409.918	-	7.257.867.409.918
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.204.152.563.350	3.204.152.563.350
Tổng cộng nợ	4.718.315.752.180	690.031.468.636	965.940.775.633	432.549.043.976	451.030.369.493	7.257.867.409.918	3.204.152.563.350	10.462.019.973.268

41THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
	TRÒ CHƠI TRỰC TUYẾN	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ	DỊCH VỤ ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	TỔNG CỘNG	LOẠI TRỪ/CHƯA ĐƯỢC PHÂN BỐ	HỢP NHẤT
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh								
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	6.504.322.724.661	1.247.602.279.968	754.369.732.977	494.605.508.516	272.423.066.054	9.273.323.312.176	-	9.273.323.312.176
Doanh thu giữa các bộ phận	5.841.367.237	127.743.033.593	144.782.670.055	309.322.498.577	114.226.140.429	701.915.709.891	(701.915.709.891)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.510.164.091.898	1.375.345.313.561	899.152.403.032	803.928.007.093	386.649.206.483	9.975.239.022.067	(701.915.709.891)	9.273.323.312.176
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh do-	1.220.590.524.996	(47.676.315.021)	(580.302.905.599)	(21.233.763.578)	(110.536.348.720)	460.841.192.078	-	460.841.192.078
Đối chiếu								-
Các khoản chi phí không được phân								(784.664.192.103)
Doanh thu tài chính								157.996.664.312
Chi phí tài chính								(177.306.640.826)
Lỗ từ công ty liên kết								(392.302.994.527)
Tổng lỗ trước thuế								(735.435.971.066)
THÔNG TIN KHÁC:								
Tài sản và công nợ								
Tài sản bộ phận	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	-	7.424.654.871.904
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.009.498.355.327	2.009.498.355.327
Tổng tài sản	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	2.009.498.355.327	9.434.153.227.231
Công nợ bộ phận	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	-	5.834.142.175.654
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.492.062.094.523	2.492.062.094.523
Tổng cộng nợ	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	2.492.062.094.523	8.326.204.270.177

42 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

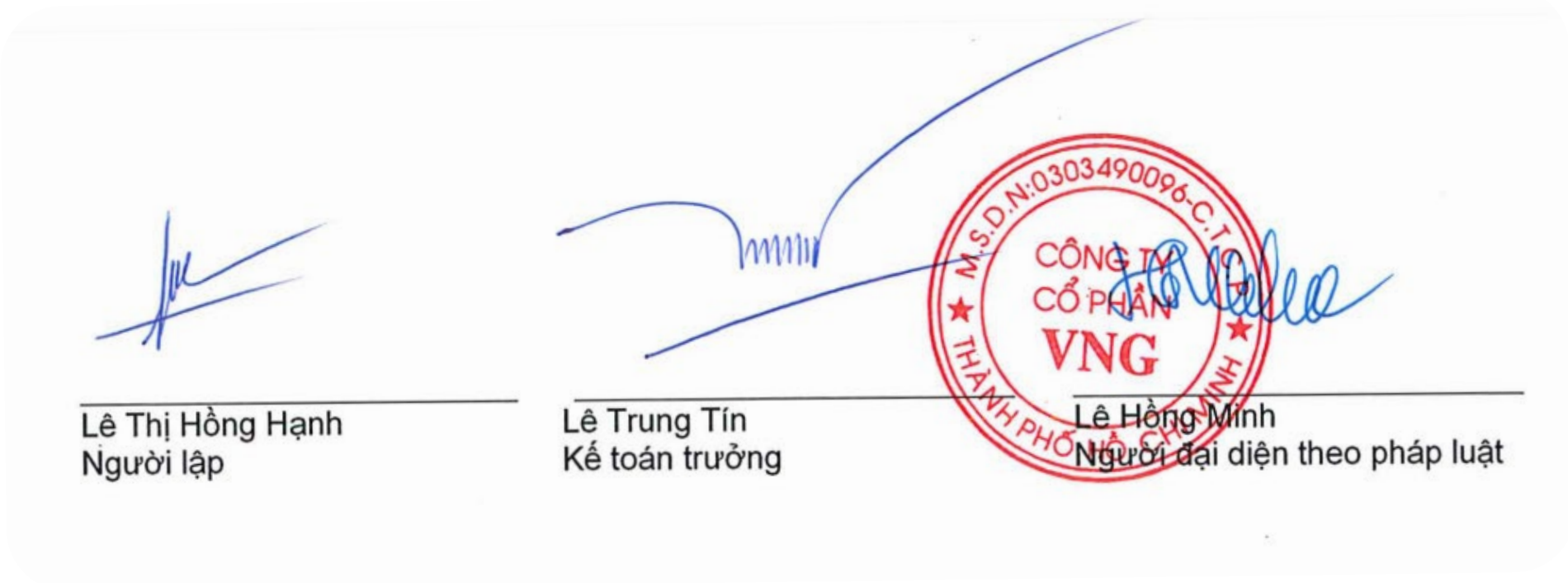
Vào ngày 13 tháng 2 năm 2026, Công ty Cổ phần VNG Data Center (“VNG DC”) đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phân bổ khác với tỷ lệ sở hữu trước đó của từng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong VNG DC giảm xuống từ 51% còn 49% kể từ ngày này.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Số 01/2025/NQ-DHDCD ngày 21 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2025/NQHĐQT-VNGG ngày 26 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 349.581 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 30.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua báo cáo kết quả phát hành 349.491 cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2026/NQHĐQT-VNGG. Vào ngày 20 tháng 3 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG

Người Đại Diện Theo Pháp Luật

fr



LÊ HỒNG MINH

Chủ tịch HĐQT